

NHỮNG VỊ THÁNH LẠM ĐẠO LỚN THẾ GIỚI

Chuyện ngụ ngôn Đặng Xuân Thành

Thánh nữ
TÊRÊXA AVILA
VỊ THÁNH HAY
XUẤT THÂN

RENE FÚLOP - MILLER



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

RENÉ FÚLOP - MILLER

Thánh Nữ Têrêxa Avila

Vị Thánh Hay Xuất Thân

Lần Đầu Ấn Bản bởi Tủ Sách Công Giáo (eBooks) 2020

Copyright © 2020 by René Fúlop - Miller

Bạn có thể chia sẻ hoặc gửi tặng, nhưng xin đừng sử dụng làm thương mại dưới mọi hình thức.

Tủ Sách Công Giáo kính tặng.

Chuyển ngữ: Lm. Đặng Xuân Thành

Đánh máy: Anna Hương

Sách eBooks được tạo bởi Tủ Sách Công Giáo qua reedsy.com

Mục Lục

Lời Nói Đ ầu

Thánh nữ Têrêxa Avila

Lời Nói Đầu



Người công giáo Việt Nam rất ái mộ Thánh nữ Têrêxa Hải Đồng Giêsu và cũng biết một cách chung chung rằng tên gọi "Têrêxa" của chị gắn liền với tên gọi "Têrêxa" của một vị thánh khác, Thánh Têrêxa Cả hoặc Thánh Têrêxa Lập Dòng.

Vâng, vị thánh trẻ 24 tuổi ấy không những là một người con trong gia đình Martin mà còn là một người con của đại gia đình Dòng Cát Minh về nguồn có bà mẹ đã sống trước đó hơn 300 năm: Thánh nữ Têrêxa Giêsu, còn quen gọi là Têrêxa Avila, tiến sĩ Hội Thánh.

Chính Mẹ thánh Têrêxa Giêsu đã được ơn khai sáng ra con đường mà sau này chị thánh Têrêxa Hải Đồng Giêsu đã bước theo rồi được ơn phát huy thành con đường thơ ấu tâm linh.

Để giúp bạn trẻ Việt Nam làm quen với Thánh nữ Têrêxa Giêsu, chúng tôi xin giới thiệu ngòi bút của cha René Fúlop-Miller, trong bộ truyện "Những vị thánh làm lay chuyển thế giới". Cha René không cần chia câu chuyện thành chương mục. Ngài viết liền một mạch từ đầu tới cuối. Đã vậy, bạn hãy cứ thử mở từ trang đầu. Cuộc đời và kinh nghiệm tâm linh của Thánh nữ Têrêxa Giêsu không những đầy hấp dẫn đối với người viết mà còn rất lôi cuốn đối với người đọc...

Thánh nữ Têrêxa Avila



Cùng với thánh Têrêxa, trong hàng ngũ các thánh đã có thêm một phụ nữ thánh thiện đặc biệt, một sự thánh thiện như do Thiên Chúa tối cao bắt phải mang lấy. Chị thường có kinh nghiệm về Thiên Chúa trong những lúc xuất thần, ngây ngất, và bị kinh nghiệm ấy áp đảo một cách mãnh liệt, khủng khiếp.

Trong cuộc đời lạ lùng của chị, ta thấy những biến cố tự nhiên đan chéo nhau, làm thành một thế giới siêu nhiên, trật tự hạ giới và thượng giới gặp nhau, những thị kiến này sinh từ những tri giác thông thường, tiếng nói của con người bị tiếng gọi của trời cao hút lấy, và cái thân xác nhân loại yếu ớt được dùng làm bể chứa muôn phúc lộc của Thiên Chúa trong những cơn xuất thần.

Nơi Têrêxa chúng ta như gặp thấy hai vương quốc cùng một lúc, chị thoải mái ung dung khi ở dưới đất cũng như lúc bay bổng lên trời, thường xuyên đi đi về về giữa không gian hạn hẹp của một tỉnh lẻ ở Tây Ban Nha và không gian vô cùng, của thế giới vĩnh cửu. Đồng hồ tu viện điểm giờ, nhưng đối với Têrêxa tiếng chuông đồng hồ ấy bỗng đứng im lặng, thời gian như ngừng lại, chung quanh chị là cả một thế giới hằng ngày đều đặn của chị và sự yên nghỉ triền miên trong Chúa chỉ phân cách nhau trong tích tắc, bằng một tia chớp.

Sự tương phản giữa thế giới tự nhiên và siêu nhiên hiển hiện rất rõ nơi cuộc sống hai mặt của Têrêxa, và sự tương phản ấy càng nổi rõ hơn, do hoàn cảnh lịch sử lúc chị sinh ra. Lúc ấy là lúc thế giới đang đặc biệt bị tục hóa.

Các lâu đài, thánh đường, tu viện và đan viện, các thành thị được xây dựng kiên cố, những cái đã từng bảo vệ cuộc sống êm đềm và hướng nội của thời Trung Cổ, nay vẫn còn đứng vững với thành lũy, với tháp canh và cung nội, nhưng kỳ thực chúng chỉ đứng đó như những tượng đài tưởng niệm nhắc nhở về một quá khứ oanh liệt của chúng.

Thế kỷ của Têrêxa không còn là thời kỳ chuyển tiếp giữa Trung Cổ và Hiện đại, nhưng đó là giai đoạn đầu của thời hiện đại, xét về mọi phương diện. Chỉ trong vài thập niên thôi – và Têrêxa sống trong chính những thập niên này – mà thế giới đã được mở rộng từ lục địa này sang lục địa khác do tinh thần hiếu động của thời ấy. Miền Bắc Mỹ vừa được khám phá. Cortes vừa chinh phục Mêhicô và đã đi xuyên qua eo biển Panama. Magellan đã đi vòng quanh cực nam của tân thế giới và đã tìm thấy Phi Luật Tân. Thế giới bắt đầu trở nên tròn như một quả cầu, và vàng bạc châu báu do các nhà mạo hiểm mang về từ hải ngoại đã làm cho thế giới cũ thêm giàu có.

Quyền lực trở thành lý tưởng của những ai có tinh thần thể tục thích chinh phục. Đó là thời đại phát sinh những tư tưởng thống trị thế giới, tư tưởng đế quốc kiểu mới.

Xu hướng tục hóa này cũng ảnh hưởng trên những nỗ lực sống tu đức lúc đó. Người ta không còn nhìn vào mình nữa, nhưng nhìn ra chung quanh, và những điều họ thấy nơi đây đã thu hút hết mọi chú ý của họ cũng như đã thôi thúc họ truy tầm và khảo sát. Trái đất, với những gì có mặt ở đó, lúc này, đã chiếm chỗ của trời cao.

Những chân trời kiến thức mà xưa nay chẳng ai dám hoài mong nay đã được khám phá. Những kho tàng hiểu biết đã được gom lại cho tương lai.

Thế kỷ 16 đã nhìn thế giới như một nơi cụ thể, toàn là những lãnh vực và địa hạt bị chinh phục; các lục địa được khám phá, đại dương bị vượt qua và vàng bạc

châu báu được gom về để tha hồ hưởng, nhưng đó cũng là một thế giới của khoa học và hiểu biết: sự thật của vạn vật đang được khai mở.

Chính trong thời đại ấy, khi thế giới bên ngoài đã giành được những chiến thắng vẻ vang trên hết mọi lãnh vực như thế, Têrêxa Avila cũng thu được những thành công lẫy lừng trong thế giới nội tâm của mình, một thế giới không có vị trí nhưng lại rộng rãi vô cùng, không vàng bạc và đất đai nhưng giàu có hơn nhiều, không xác định được thời gian nhưng hết sức bền vững, không có hình thù cụ thể nhưng lại có thật hơn cả địa cầu mà loài người vừa mới chinh phục

Khi con tàu Victoria của Magellan, chiếc tàu đầu tiên đi vòng quanh thế giới, trở về tới hải cảng Tây Ban Nha sau vài năm viễn du, thì đó cũng là lúc một nữ tu chấm dứt chuyến du hành của thế giới linh hồn, bước ra khỏi căn phòng của mình, từ giờ những phút xuất thần ngày ngất dài đến như vô tận, để nhập vào đám chị em đồng môn đang đi đi lại lại trong phòng khách của một tu viện ở Avila.

Các nhà mạo hiểm đã thấy nào là Mỹ châu, Ấn Độ, Java và Panama, còn chị đã thấy cõi vô biên. Những chuyến tàu chở đầy vàng bạc từ những thế giới mới chinh phục trở về cửa biển Guadalquivir, còn chị trở về trái đất với những thị kiến trên trời, mang theo đầy hoan lạc, nhiều tới độ không có khoang tàu nào có thể chứa nổi.

Trước một thế giới được cai trị do quyền lực, chị giới thiệu thế giới nội tâm của chị, một thế giới được chinh phục không nhờ đến quyền lực và được cai trị bằng cách tự hạ bệ mình. Hoàn toàn hạ bệ mình, đó là nền móng xây dựng vương quốc Thiên Chúa nơi chị.

Trước một thế giới ham mê tiêu khiển và nói cười thỏa thích, chị kể cho mọi người nghe một thế giới nơi đó, chỉ nhờ chăm chú hoàn toàn, nhờ cầu nguyện linh thiêng và thầm lặng, con người đã được ban cho niềm hoan lạc cao đẹp ấy.

Chân lý của chị là phần để lại chân lý của khoa học. Đối với nhà khoa học, tri

thức của giác quan là đường dẫn tới chân lý; lý trí hay đo lường là thước đo, thí nghiệm là bằng chứng cho chân lý. Còn đối với Têrêxa, những thị kiến nằm ngoài tầm kiểm soát của giác quan mới là đường đưa tới sự thật; cảm giác mênh mông không thể đo lường được mới là thước kiểm tra sự thật và kinh nghiệm thần hiệp mới là nguồn cung cấp những bằng chứng cho sự thật.

Thế giới của những dữ kiện và thế giới của những thị kiến đối chọi với nhau như hai địch thù. Copernicus đã thăm dò vũ trụ bằng những tính toán thiên văn của mình. Ông đã đi tới kết luận rằng mặt trời là trung tâm thế giới, trái đất đã bị giáng cấp, nó chỉ là một vệ tinh, không còn là trung tâm vạn vật nữa. Con người cũng không còn là chủ vũ trụ, mà chỉ là kẻ trông coi trái đất.

Têrêxa thăm dò vũ trụ của linh hồn bằng những thị kiến xuất thân và cùng đi tới kết luận rằng trung tâm sâu xa nhất, mà cả mặt trời lẫn trái đất đang xoay quanh, đang nằm sâu trong linh hồn con người. Nếu Copernicus khám phá ra mặt trời là trung tâm của vũ trụ, thì Têrêxa khám phá ra một khoa thiên văn của linh hồn, trong đó có Thiên Chúa là Đấng sáng tạo và là mặt trời của mọi mặt trời, đang hiện diện trong linh hồn con người. Con người là đầu hết và là cuối hết của mọi sự.

Kepler, một người đồng thời với Têrêxa, đã tìm ra định luật hấp dẫn vật thể. Còn Têrêxa tìm ra định luật hấp dẫn linh hồn.

Vesalius, nhà giải phẫu học trẻ tuổi ở Basle, đã mổ một thi thể con người và nghiên cứu các bộ phận trong đó, còn Têrêxa, một nữ tu ở Avila, đã phơi trần linh hồn. Servet đã tìm ra sự lưu thông hạn hẹp của máu để nuôi dưỡng cơ thể. Còn Têrêxa tìm ra sự lưu thông rộng lớn hơn của ánh sáng thần linh để nuôi dưỡng linh hồn.

Chiếc đồng hồ chính xác đầu tiên đã được chế tạo. Dòng thời gian bắt đầu được đo từng phút, và lần đầu tiên các chuông nhà thờ được vang lên cứ 15 phút

một lần. Thế nhưng Têrêxa vẫn kinh nghiệm thấy thời gian không thể phân chia được, thời gian không thể qua đi vì thước đo của thời gian là vĩnh cửu.

Một thế kỷ say mê lý trí lạnh lùng như thế, đang bị thách thức bởi một nữ tu sĩ Tây Ban Nha đã vươn tới mức cao cả siêu phàm là đã vào được những thị kiến vượt thời gian.

Đang khi đó quyền lực rộng khắp của Hội Thánh đã bị lung lay mãnh liệt. Năm Têrêxa chào đời là năm Luther tuyên bố ly khai với Hội Thánh, Calvin biến Genève thành một Roma thứ hai, vua Henri VIII đã thành lập Hội Thánh riêng, và nữ hoàng Mary của xứ Xcốt-len đã khiếm tốn thần phục những mệnh lệnh của nhà lạc giáo John Knox.

Những hình thức đạo đức cổ truyền đã mất đi nhiều sức mạnh do sự công kích dữ dội của khoa học và những thế lực tục hóa khác. Để bảo vệ công giáo, các vua đã cầm khí giới và các nhà giảng thuyết nổi tiếng đã ra sức củng cố đức tin bằng cách đưa ra những lời đe dọa về những hình phạt nặng nề ở bên kia thế giới. Các hồng y, giám mục và các nhà thần học đã tập trung tại cộng đồng Trentô để giải quyết công việc biên soạn một bộ tín lý mới của công giáo. Một đội quân có tổ chức gồm toàn những tinh binh của Thiên Chúa đã được Inhaxiô Lôiôla kéo vào trận chiến quyết định để chống lại các lực lượng của phe cải cách. Các vị tiến sĩ của Hội Thánh đã trưng dẫn hàng loạt các tác giả có thể giá hoặc dùng một phương tiện hợp thời hơn là lấy lý trí chứng minh Thiên Chúa để củng cố đức tin cổ truyền của Hội Thánh.

Thánh Têrêxa đã ghi lại tất cả những gì chị đã tiếp thu được trong căn phòng tĩnh mịch của mình, những điều nằm bên kia những xáo trộn của thời gian và không gian lúc ấy, bên kia những tín điều và luận chứng thần học, bên kia những hiểu biết và tri giác của mình. Chị ghi lại những lần Thiên Chúa vô hình tới thăm chị bằng thứ ngôn ngữ vô âm vô sắc của Ngài.

Hội Thánh đang suy sụp đó rút tĩa từ đây những sức lực mới, một sức sống

xuất phát từ miền sâu xa nhất kinh nghiệm đức tin, từ nguồn mạch chân thật nhất của kinh nghiệm đạo đức, từ sự tiếp xúc thẳng với Thiên Chúa.

Hội thánh lúc ấy chỉ nhìn Đức Kitô như một cái tên mang nghĩa tượng trưng, như một đối tượng của tín ngưỡng, như một đề tài cho các nhà thần học thảo luận. Thế nhưng nhờ Têrêxa, Hội Thánh sực nhớ rằng Đức Kitô mà các môn đệ đã gặp trên đường về Emmau, mà Saulô thành Tácxê đã thấy trên đường đi Damát, là Đức Kitô đã khai sinh ra đức tin của Hội Thánh và là nguồn cho thánh Phanxicô Assisi làm mới lại đức tin.

* * *

Avila, nơi mà Thánh Têrêxa chào đời tháng 3 năm 1515, hiện nay là một thị trấn nhỏ, còn ngày trước là thành Castilla một trong những kiến trúc bằng đá còn sót lại cho tới sau này như một chứng tích nhắc nhở lại quá khứ.

Thành này nằm ở vùng sơn cước xứ Sierra de Guadarrama trên bờ sông Adajar. Với những bức tường to lớn, trong suốt thời Trung Cổ, thành này từng là thành lũy kiên cố bảo vệ thế giới Kitô giáo của Tây Ban Nha chống lại những cuộc tấn công kinh khủng của giặc Moor. Đường phố trong thành đều chật hẹp và ngoằn ngoèo. Nhà cửa xây bằng đá đen, ngày trước vốn là dinh cơ của các hiệp sĩ hay ngủ với thanh gươm kẹp bên mình, sẵn sàng nhảy ra nghênh chiến với đám người vô tín ngưỡng đột kích vào thành, mỗi khi có chuông báo động. Chỗ nào trong thị trấn cũng có nhà thờ, tu viện và những đền đài thánh. Hiếm có viên đá nào chưa được thánh hóa bởi máu các vị tử đạo, hay được một phép lạ chúc lành. Avila đúng là một thị trấn của đá sỏi và của các thánh, đúng là danh bất hư truyền (*Avia cantos y Santos*).

Một trăm năm nay tiếng chuông trong tháp canh chưa vang lên. Cung cách hiệp sĩ đã trở nên lỗi thời trong thời đại chiến tranh mới, với những đội quân

thường trực và những chiến thuật dùng súng máy tấn công. Áo Giáp của các hiệp sĩ nay chỉ còn là y phục của các hiệp sĩ đấu thương trên ngựa, gươm đeo bên hông của họ nay chỉ còn là đồ trang sức của các nhà quý tộc.

Tuy nhiên, giữa đám người sống sau những bức tường kiên cố của thành Avila vẫn có nhiều tâm hồn hoài cổ. Thân phụ Têrêxa nhà quý tộc Don Alonso Sanches dé Cepeda là một trong số những người đó. Nhìn vào những người như ông, ta thấy rằng do sự nhiệt thành trong đức tin của một nhà hiệp sĩ – một đức tin đã được vun xới từ bao thế kỷ - ông vẫn còn giữ được khí tiết chiến đấu hào hùng ngày xưa và tỏ ra thù ghét những xu hướng mới trong xã hội, coi đó như một kẻ thù mới, xuất phát từ ngay trong hàng ngũ Kitô giáo.

Don Alonso là một người muốn sống như các vị tiền bối của mình, khư khư bám chặt cái quan niệm cổ điển về danh dự, trông coi nhà cửa và giáo dục con cái một cách nghiêm khắc như tổ tiên đã làm. Ông suy nghĩ, phê phán và hành động y như tổ tiên của mình, đồng thời yêu quý sách vở, sách hạnh các thánh và các sách tiểu sử của các bậc anh hùng thời Trung Cổ, những cuốn đã đào tạo nên các bậc tổ tiên của ông.

Mẹ của Têrêxa, bà Beatriz de Ahumada, vợ kế của Don Alonso, lại là mẫu người khác hẳn. Nhịp sống và những trang sức bên ngoài của bà không khác lắm với các phụ nữ tiền bối, chỉ biết làm mẹ và làm vợ trong những căn nhà kín cổng như pháo đài ở Avila, thế nhưng trong giấc mơ, người phụ nữ trẻ đẹp, tràn trề sức sống ấy thường kín đáo bước ra khỏi các thành trì kiên cố này, giã từ mọi gánh nặng gia đình, để vượt năm châu bốn biển, đi tới những hòn đảo xa xăm, lao vào đủ mọi cuộc mạo hiểm trên đời. Hành trình qua những thế giới xa lạ đó đã được vẽ ra trong trí bà nhờ những cuốn tiểu thuyết thời trang vừa mới xuất bản ở Sevilla, càng ngày càng nhiều. Lý tưởng của bà là chàng hiệp sĩ “đẹp một cách bí ẩn”, tên là Amadis, người Gaulois, mà một thế kỷ sau văn hào Cervantès đã mượn lại để viết một câu chuyện châm biếm. Tuy nhiên, vào thời trước, đó là

lý tưởng hướng dẫn (hướng dẫn sai) nhiều tâm hồn thích mạo hiểm. Nhà sưu tập những tiểu thuyết về chàng Amadis, kiêm ủy viên một hội đồng tỉnh tên là Garcia Ordonez de Montalvo đã khéo léo thêu dệt không biết bao nhiêu cuộc mạo hiểm của vị anh hùng đó. Bà Beatriz hay đau ốm và về sau càng ngày càng nằm liệt giường, tỏ ra thiếu kiên nhẫn khi phải đọc những truyện đăng từng kỳ trên báo.

Như thế trong thư phòng, Don Alonso đọc để bay lên chín tầng trời, còn trên giường bệnh bà Beatriz đọc để ra khỏi nhà và đi vào thế giới bên ngoài. Xét về không gian thì giấc mơ của hai người khác nhau một trời một vực, nhưng xét về thời gian thì vẫn là thời Trung Cổ. Say sưa đọc “Hạnh các thánh” nên tín đồ nhiệt thành Alonso chỉ ngước mắt lên trời nhìn xem sự thánh thiện của các thánh thời Trung Cổ. Còn chạy theo các cuộc mạo hiểm của Amadis, bà Beatriz đã bước vào một thế giới của thế kỷ mới, một thế giới mà con người khao khát chinh phục đã bắt đầu thăm dò khảo sát, một thế giới đầy dẫy những cuộc mạo hiểm mê ly rùng rợn, với những nguy hiểm trên đường, những quái vật dưới biển, những cuộc tranh chấp vì yêu đương, đúng hệt như những người thời Trung Cổ đã vẽ vờ tưởng tượng.

Alonso giữ tập tục của cha ông mình là mỗi tối đọc hạnh các thánh cho gia đình để giáo hóa gia đình. Còn bà Beatriz thì thích thú khi có dịp kể cho con cái nghe những chiến tích mới nhất của anh hùng Amadis, mỗi khi chùng bà đi vắng.

Những câu chuyện giáo hóa của cha và những chuyện giải trí của mẹ đã giúp óc tưởng tượng của Têrêxa phát triển ngang tầm với cha mẹ, và làm nên nhân cách của chị, một con người vừa ngưỡng vọng trời cao, vừa quan tâm đến quyền lợi của thế giới.

Têrêxa là một đứa trẻ có óc tưởng tượng mạnh kỳ lạ. Cô có thể biến cảnh vật xung quanh cho phù hợp với thế giới tưởng tượng của cô. Sân trong dinh thự với

nhiều hàng cột vốn là nơi tập trung các sinh hoạt các gia đình Tây Ban Nha; nay đến lượt sân ấy phải tuân theo những sở thích hay thay đổi của cô gái 7 tuổi này: khi là biển dậy sóng hay dải đất xa xăm mà hiệp sĩ Amadis đã phiêu lưu, khi là bãi chiến trường nơi đó các hiệp sĩ đạo đức đang chiến đấu với những người vô tín ngưỡng, hay là nơi hiu quạnh, nơi đổ máu của các thánh tử đạo. Các bạn chơi của cô khi thì đóng vai đoàn thủy thủ, các quan quyền, những chiến sĩ bảo vệ đức tin, khi thì làm thủy quái, làm quân mọi rợ vô đạo hay những vị tiên cứu nhân độ thế.

Nhờ có tài bịa ra những trò chơi mới nhiều vô kể, nhờ sự hoạt bát và táo bạo đầy nam tính, cô đã trở thành người lãnh đạo đương nhiên của đám anh em ruột thịt và bà con đông đảo. Cô luôn luôn là “nhà hiệp sĩ đẹp một cách bí ẩn”, là vị anh hùng chiến thắng lấy lòng của đức tin, là bà tiên tốt lành, là vị thánh tử đạo bị trói ở chân cột trong sân triều đình.

Rồi tới một ngày nọ, óc tưởng tượng còn trẻ con của Têrêxa đã đi tới mức không còn phân biệt giữa thật và giả nữa... Cô quyết định ở nhà cách kín đáo, cùng với người anh mà cô thích nhất là Rodriguez, hơn cô vài tuổi, cả hai muốn đi đến nơi sinh sống của thổ dân Moor. Theo cô, miền đó hẳn phải ở một chỗ ngoài cổng thành Avila. Cả hai đi đến đó để chịu tử đạo do tay tên thủ lĩnh bọn người vô đạo đó.

Cả hai đã trốn được khỏi nhà, không bị ai phát giác. Hai em ra khỏi cổng thành và lên đường tới Salamanca. Chẳng mấy chốc trời chạng vạng tối, bàn chân nhỏ của hai em bắt đầu lê lét đau đớn. Thế nhưng Têrêxa không muốn bỏ cuộc. Cô nghĩ rằng không có chỗ nào có thể che giấu mãi. Ngay phía sau bụi cây kia chẳng hạn sẽ là tòa lâu đài trắng của nhà vua dân Moor. Thế nhưng khác hẳn với điều cô tưởng tượng, cô và anh cô bỗng giật mình khi phải đối diện với một người đang cỡi ngựa đi tới, và đó chẳng là ai khác hơn là một người anh em bà con của cha cô. Ông đang trên đường từ đồng về, và khi nghe dự định phiêu lưu

của hai trẻ ấy, ông đã la mắng chúng thậm tệ và mang chúng trở về nhà cho cha mẹ đang bồn chồn lo lắng.

Sau chuyến mạo hiểm thất bại đó, Têrêxa nghĩ ra một trò chơi khác liên quan đến các tu sĩ, như để thay cho trò chơi “người Tây Ban Nha và người Moor” mà lâu nay cô vẫn ưa thích. Hàng cột ở sân nhà cô sẽ là khu nội cấm. Có một nhà nguyện ở chính giữa sân. Hai bên sân sẽ là những căn phòng nhỏ cho các bạn cô ngồi, đám con gái làm nữ tu ngồi bên phải, đám con trai làm nam tu ngồi bên trái. Chúng không chịu ăn uống gì hết mà chỉ cầu nguyện và im lặng.

Khi lên 10 tuổi, Têrêxa trở thành một thiếu nữ đáng người thon thả, có vẻ vụng về lúng túng, đôi mắt đen nhánh, vẻ mặt nghiêm trang, bù lại, khi cười cô có những lúm đồng tiền dễ mến. Cô đã thề rằng sẽ đi tu như cô thường đóng vai nhà tu trong các trò chơi, cô sẽ làm gương để lôi kéo anh chị em từ bỏ thế gian.

Tuy nhiên khi được 14 tuổi, cô lại trở thành một thiếu nữ phát triển sớm và tỏ ra thương hại cho những việc đạo đức trước kia. Xác người dong dong giống con trai của cô nay không còn vụng về nữa mà đã có những đường cong mềm mại của con gái. Mái tóc quăn đen tuyền, đôi lông mày thẳng màu hung, đôi mắt hạt huyền to lớn, vẻ trang nghiêm ấy khó hòa hợp với vẻ tinh ranh nghịch ngợm của mấy lúm đồng tiền, tất cả những đường nét đó đã làm cho khuôn mặt cô nên duyên dáng đặc biệt, thật khó giữ lòng để không nhìn ngắm. Tính táo bạo bẩm sinh của cô nay không còn nét con trai nữa, nhưng đã trở thành sự hoạt bát nhanh nhẹn của một thiếu nữ có sắc đẹp thu hút hết mọi người. Cô thích cười và rất hay cười. Mỗi khi cười, cô có vẻ tươi vui một cách hồn nhiên đến độ cả những ai rầu rĩ nhất cũng không thể không cười theo.

Lúc 7 tuổi, Têrêxa đã ước mơ được tử đạo, nhưng khi lên 14 cô cho là chưa được hưởng đời bao nhiêu, nghĩa là cần phải được tán tỉnh và ngưỡng mộ. Lúc 10 tuổi cô đã chọn quần áo nữ tu để tô điểm quãng đời còn lại cho vui lòng Chúa. Thế nhưng nay thì cô không nghĩ gì khác ngoài việc làm sao cho mình

thêm đẹp với mấy đồ trang sức và điệu bộ ẻo lả, cô muốn chiều theo ý thế gian, cô thích màu cam, và khi nào được cô đều mặc áo màu ấy. Bởi vì lúc đó cam mới nhập vào Châu Âu, và được coi là món ăn xa xỉ chỉ dành cho thiểu số kén ăn.

Bây giờ óc tưởng tượng mạnh mẽ của cô dồn vào việc nghĩ ra những trò cợt nhả và tiêu khiển kỳ lạ chưa từng có. Sân nhà cô không còn là bãi chiến trường của các hiệp sĩ bảo vệ đức tin, nhưng là sân chơi của các chàng caballeros (quý tộc) đẹp trai, những caballeros thật sự chứ không phải chỉ là sản phẩm tưởng tượng của Têrêxa. Cô đã trở thành phụ nữ, và có một thời gian cuộc đời cô đã đi theo một diễn tiến bình thường như bao phụ nữ khác.

Phép xã giao nghiêm ngặt của Tây Ban Nha hồi đó không cho phép thanh niên khác giới gặp nhau, trừ khi chúng có họ hàng với nhau. Tập tục đó vẫn còn hiệu lực trong thời đại của Têrêxa. Thế nhưng lúc đó tập tục này đã trở thành “một bà già kỳ cục chuyên đi kèm các thiếu nữ nhưng lúc nào cũng bị các cô ấy đánh lừa”. Tất cả các caballeros độc thân và đẹp trai ở Tây Ban Nha bỗng khám phá ra mình có bà con với Têrêxa và vì thế giành nhau để nhảy với “cô em họ” xinh xắn ấy bản nhạc đầu tiên, giành nhau để được cô mỉm cười hay liếc mắt đưa tình.

Cô bé đạo đức ngày nào nay đã thành thạo trong việc ban phát những cái nhìn đầy hứa hẹn cho mỗi chàng công tử. Rồi cuối cùng cô đã gặp được “người bà con” ưng ý, một người từ nay độc quyền trên cái nhìn và nụ cười của cô. Đây là khởi sự của mối tình đầu đối với cô gái được nhiều người săn đuổi và đó là chuyện bình thường trong thời ấy.

Vào thế kỷ 16 tình yêu không còn là giấc mơ hạnh phúc lãng mạn nữa nhưng đã trở thành một vấn đề hết sức thực tế. Thiên thần bảo vệ mối tình đầu của Têrêxa không phải là một vị tiên từ tâm rộng lượng, mà là một người bà con lớn tuổi hơn cô, thuộc về một nhà ít giàu có hơn trong gia tộc Cepeda. Người chị bà con này biết đời nhiều hơn Têrêxa và rất sành chuyện yêu đương. Cô ấy chịu

trách nhiệm chuyển những lá thư tình của người yêu Têrêxa vào nhà ông Alonso, không để lọt mắt ông, và trao cho phía ấy những thư hồi âm của Têrêxa, đồng thời dàn xếp cho hai bên bí mật gặp nhau.

Nhờ tường lũy kiên cố và sự nghiêm ngặt cổ xưa của Don Alonso mà gia tộc Cepeda đã tránh được những thói suy đồi của thời đại. Thế nhưng nay sức mạnh ngoại lai của thời đại đang chực gieo mầm vào ngay trong sân nhà Cepeda ấy. Cô con gái của Don Alonso đã nhiễm tinh thần mới: trong sự cởi mở tự do và thích thú, lúc nào quanh cô cũng có đám thanh niên thiếu nữ đã bị những kẻ yêu chuộng thế gian đầu độc.

Trong căn nhà Cepeda, thế hệ trẻ đang nhảy khúc lavolta, vũ khúc mà thanh niên ở Sevilla say sưa với cuộc sống đã nhảy ở cổng thành. Ở nhà Don Alonso thế hệ mới đang vui đùa cợt nhả vì đã chán ngán vẻ trang trọng của quá khứ. Một thế hệ mới đang tán tỉnh và ve vãn, không sợ chi những lời đe dọa về hỏa ngục và những hình phạt. Khuôn mặt của các thiếu nữ ở Avila đỏ bừng lên một cách không tự nhiên, đó chỉ là một chút phấn đỏ mà các phụ nữ ở Sevilla thường thoa lên má mỗi khi tới Cổng Vàng để đón các đoàn tàu trở về mang theo đàn ông và vàng bạc.

Têrêxa Cepeda, con gái của Alonso, sắp sửa bán đức hạnh cho thế hệ phóng túng mới chào đời ở đây, thế hệ đó đã len lỏi vào được sân trong của pháo đài nhà Cepeda, núp dưới danh nghĩa là anh em bà con, là khách mới. Thế nhưng trước khi người chị họ dàn xếp cho hai bên lén lút gặp nhau lần đầu thì sự huấn luyện nghiêm ngặt mà Têrêxa đã lãnh nhận trước đây bỗng chỗi dậy, hoảng sợ trước sự liều lĩnh của mình cô đã thú nhận tất cả với cha.

Lúc này, người mẹ hay đau ốm của cô không còn sống nữa. Cô con gái lớn của Alonso là Maria, người có thể hướng dẫn em gái mình bằng những lời khuyên của một người mẹ, lại sắp sửa lập gia đình và đã có những vấn đề riêng của mình. Không còn phụ nữ trưởng thành nào trong nhà Cepeda có thể giúp cô

thiếu nữ kia tránh những nguy hiểm và cạm bẫy của tuổi mới lớn. Vì thế Alonso quyết định trao con gái mình cho các nữ tu dòng thánh Âu tinh ở Avila chăm sóc. Trường dòng này là một trong ít cơ sở còn duy trì được kỷ luật và sự nghiêm nhặt của thời Trung Cổ. Bốn mươi nữ tu luôn canh chừng sự ấm no hạnh phúc của các học sinh trong trường.

Chút phấn hồng giả tạo trên mặt Têrêxa đã được chùi đi. Thay vào những áo đầm màu cam, bây giờ cô mặc y phục giản dị nhất của tu viện. Dáng đi yếu điệu rất đẹp để khiêu vũ nay phải sửa lại cho trang nghiêm để nhịp nhàng bước trong đoàn kiệu chung quanh nhà. Thay vào những giờ tán tỉnh ve vãn, là cầu nguyện, đọc kinh. Thay vào những lá thư tuy ngắn nhưng đem lại sáng khoái do người chị họ chuyển cho là những câu chuyện giáo dục của bà bề trên. Thoạt đầu Têrêxa cảm thấy hết sức khốn khó trong “nhà tù đạo đức” đó.

Tuy nhiên, vốn tính linh hoạt và hiếu động cô không thể sống trong tình trạng chán ngán thất vọng ấy mãi. Không bao lâu cô đã tận dụng được những gì không thể thay đổi được trong hoàn cảnh của mình. Cô đã biết mặc y phục của nhà tu một cách duyên dáng dễ coi. Cô không còn khó chịu với những cuộc rước kiệu long trọng quanh tu viện nữa. Cô đã cầu nguyện được như người ta dạy và đã biết kiên nhẫn ngồi nghe bà bề trên đọc những câu truyện giáo dục. Về duyên dáng tự nhiên ngày xưa không biến mất nơi cô, nhưng nó tiếp tục làm cho mọi người chung quanh phải hiền hòa, ngay cả những bộ mặt nghiêm nghị nhất, những đôi môi mím chặt nhất cũng phải nở nụ cười khích lệ và thốt lên lời thân ái khi tiếp xúc với cô.

Sau ít tuần lễ Têrêxa đã trở thành học trò cưng của các nữ tu dòng Âu Tinh. Cô đúng là một tia sáng lóe lên trong hành lang tăm tối của tu viện. Một năm sau khi cô sắp mãn hạn học tập ở tu viện và chuẩn bị vào đời, các nữ tu đã tìm đủ cách để lôi kéo cô xin đội lúp và ở lại với họ.

Thế nhưng Têrêxa không hề có ý định đó. Cô ngoan ngoãn học hành là để

chờ ngày có thể cởi bỏ bộ lớp áo dòng khắc khổ này và mặc lại những y phục trần thế, trở về với cuộc sống bên ngoài. Cô hằng khao khát và cầu mong cho sớm tới ngày cô không còn phải đọc kinh liên tục nữa, có thể trở lại với địa vị của giai nhân cả ngày chỉ biết khiêu vũ và tán tỉnh.

“Lúc đó tôi rất ghét làm nữ tu” sau này cô đã thú nhận như thế và còn thêm rằng chỉ nghĩ tới chuyện đó thôi cô đã thấy chán ngán lắm rồi. Thật vậy, nếu có thích tu viện thì bất quá đó cũng chỉ như một lữ khách vui thích với một chỗ dừng chân bên đường. Nhà của cô ở bên ngoài kia, giữa thế gian và tất cả những gì cô cố gắng làm bây giờ chẳng qua chỉ là kiên nhẫn chờ đợi cho qua thời gian tập sự và trở về với cuộc sống, với biết bao người khác.

* * *

Thế nhưng chính khi cô chuẩn bị bước vào cuộc sống của một phu nhân Tây Ban Nha trung lưu, thì bỗng nhiên cuộc sống của cô như bị cắt đứt để bắt đầu hay tiếp tục cuộc sống của một thánh nhân. Cuộc sống thánh nhân ấy không ulla đến trong một luồng ánh sáng siêu nhiên hay trong một phút hoan hỉ cực lạc của thiên đàng mà lại bắt đầu trong nỗi sợ sệt kinh hoàng, trong run rẩy, tối tăm, yếu đuối, rên rỉ và đau khổ cực độ.

Lúc ấy Têrêxa vừa tròn 17 tuổi. Cho tới giờ cô vẫn là một thiếu nữ khỏe mạnh, tính khí điềm đạm. Cô xây đủ kế hoạch cho một tương lai hạnh phúc, ngay từ khi sắp mãn hạn sống ở tu viện, cô đã chuyên chăm làm các bổn phận một cách hăng hái gấp đôi.

Bỗng dưng một ngày kia, đang khi làm các việc thường nhật, thành linh cô ngã bệnh nặng. Cô bỗng trở nên yếu đi và hầu như không đứng được. Cô thấy như có một con dao đâm qua ngực cô, cơn đau ấy lan nhanh xuống dạ dày, ăn

thông lên cổ, lan ra cả tay chân, cuối cùng toàn thân cô đau nhức dữ dội. Cô nghĩ rằng đã đến lúc cô lìa thế rồi.

Cô nằm đó như một sinh vật đã tàn tạ, rung lên trong cơn đau và đang cố gắng một cách tuyệt vọng để thoát khỏi nanh vuốt dã man của cơn đau. Mặt cô đỏ rực lên, hơi thở dồn dập và ngắn lại. Sức sống còn lại trong thân thể cô như sẵn sàng ném tất cả mọi thứ vào chỗ yên nghỉ cuối cùng và tuyệt vọng. Miệng cô nói lắp bắp những gì không rõ. Sau cùng người ta chẳng nghe thấy gì nữa ngoài những tiếng rên rỉ đau đớn. Các nữ tu trong nhà tin chắc rằng giờ chết của cô đã tới.

Thế nhưng đó chỉ là cơn đau đầu tiên. Ít phút sau những cơn đau ấy giảm xuống đột ngột cũng như khi khởi phát vậy.

Nét mặt cô dịu xuống. Mắt cô sáng rực lên, hơi thở trở nên nhẹ nhàng như trước. Đôi má đỏ hồng trở lại. Têrêxa chỗi dậy, nói năng như trước. Cô đã có thể thi hành các công việc hằng ngày trở lại, những việc đã bị cơn đau đột ngột trước kia làm ngưng trệ.

Bề ngoài mọi sự như đã trở lại nhịp sống bình thường. Tuy nhiên tâm hồn cô không chút nào yên. Lúc nào cô cũng nhớ tới kinh nghiệm kinh khủng đã qua. Cô rùng mình khi nghĩ rằng bất cứ lúc nào và ở đâu cô cũng có thể bị lấy hết sức lực, thân thể cô có thể rơi vào tình trạng đau đớn trước đây, giác quan của cô có thể bị cắt đứt với thế giới chung quanh. Ánh sáng ban ngày bây giờ không giống như ngày trước nữa. Nó đã được một lớp u tối lót phía bên trong. Tất cả những dự tính của cô về một tương lai hạnh phúc lúc nào cũng bị đe dọa bởi một nguy cơ là cơn bệnh có thể trở lại.

Điều cô lo sợ là đúng. Vì sau một thời gian, bệnh cũ đã tái phát. Rồi trở đi trở lại nhiều lần, lần nào cũng đột ngột đến mức không kịp trở tay. Têrêxa biết rằng mình đã trở thành nạn nhân của một chứng bệnh quái ác.

Thế nhưng đó chính là khởi đầu cho cuộc đời thánh thiện của cô. Những đau

đón của cô tiên báo một niềm hoan lạc đẹp vô cùng sau này. Têrêxa phải đau khổ trước khi trở thành người ưu tuyển của Thiên Chúa.

Tựa như trong những quá trình tự nhiên ở cấp thấp hơn. Những sự chuyển động dữ dội dưới đất là điềm tin báo núi lửa sắp phun; sóng thần phải trào ra trước khi thu về; phải banh da xé thịt mới sinh nở được. Cũng thế, theo đúng định luật huyền bí đó, những cơn co giật của cơ thể thường là khởi đầu cho những thay đổi đột ngột về mặt tâm linh, đánh dấu một hình thái mới của cuộc sống bắt đầu. Sự yếu kém về thể lực tựa như cơn sóng của sự sống con người đang rút đi để cơn sóng của Thiên Chúa đổ tới. Trong cuộc đời thánh thiện và phạm tục, sự thánh thiện và vĩ đại của con người thường đến sau những cơn đau và vất vả của người trong cuộc. Thi hào Novalis đã từng nói “bệnh tật không phải là khởi đầu của tinh hoa con người sao?”

Cũng như Têrêxa, cậu con trai phóng túng và ăn chơi của thương gia Giovanni Bernadone đã nhờ bệnh tật mà thoát khỏi những vướng mắc trần tục và trở thành “người nghèo của Thiên Chúa”, thành thánh Phanxicô Assisi. Hiệp sĩ Inigo Onez, vốn là người đã dâng cả đời cho vòng danh lợi trần gian, khi nằm trên giường dưỡng bệnh đã nhận ra những tham vọng trần gian thật vô nghĩa và đã đổi những mục tiêu trần tục của mình để lấy những mục tiêu cao cả cho đời mình, nhờ đó trở thành thánh Inhaxitô Lôiôla.

Cũng như Têrêxa, nhiều vị thánh đã chuẩn bị hành trang ngay trong đêm tối khôn dò của bệnh tật và đau khổ, tìm ra con đường sáng để đi tới vinh quang thượng giới. Tông đồ Phaolô người đã từng thấy Chúa trong một thị kiến, cũng bị bệnh tật hành hạ như một “mũi gai đâm vào da thịt”. Một cơn bệnh đột ngột đã quật ngã Saulô; kẻ bách hại các Kitô hữu trên đường đi Đamát. Chúa đã hiện ra trước mặt ông. Mắt mù hẳn đi, ông phải nằm lại ở một quán trọ bên đường. Rồi ánh sáng như vọt ra từ trong con người ông, và gã Saulô mù lòa đó đã trở thành một Phaolô sáng suốt.

Thánh Hildegard ở Bringen, vị tiên bối của Têrêxa về mặt tâm linh sống vào thế kỷ 12, đã có lần viết: “Hầu như suốt đời, tôi đã chiến đấu chống lại những thị kiến của Chúa gửi đến cho tôi, mãi đến khi Thiên Chúa trừng phạt bằng cách quật ngã tôi xuống giường, lúc đó, vì đau đớn quá, tôi bắt đầu viết, và khi công bố thị kiến ấy cho người khác, tôi đã lấy lại sức lực và chỗi dậy được khỏi giường bệnh”.

Đối với nhiều ngôn sứ lớn, nhiều nhà cải cách và sáng lập tôn giáo, đau khổ và vất vả dường như là một món quà lớn Thiên Chúa ban cho họ. Như Môhamét, vị ngôn sứ đã chinh phục trời cao cho đám người vô tín ngưỡng, đã chịu đau khổ như Têrêxa suốt cả đời với chứng bệnh động kinh. Thế nhưng những gì bắt đầu như một tai họa không thể chịu nổi, thì cuối cùng lại biến thành nguồn phúc, và từ đó cứ mỗi lần lên cơn động kinh ông lại thấy như được Thiên Chúa cho thêm những mặc khải mới và ân sủng mới. Trường hợp của Cromwell, Luther và nhiều vị khác nữa cũng tương tự như vậy.

Trong những thời đại quan niệm chỉ có một sự vĩ đại là vĩ đại trong đức tin thì bệnh tật sẽ sinh ra những vị thánh, những vị ngôn sứ và sáng lập tôn giáo. Còn trong những thời đại cho rằng sự vĩ đại nhất là vĩ đại trong nghệ thuật và khoa học thì kết quả của bệnh tật thường là những thiên tài về nghệ thuật và khoa học. Đau khổ gây ra căng thẳng cực độ, và sự căng thẳng ấy có thể được thư giãn cho chùng xuống tạo thành những tác phẩm sáng tạo: bệnh tật hoạt động như một kích thích tố gây đau đớn, chẳng khác nào hạt cát được đưa vào bụng sò để tạo ra chung quanh nó một viên ngọc trai.

Theo thi sĩ Alfred de Musset bệnh tật là nguồn cảm hứng, Heine, một người đã sống nhiều năm trong thời kỳ sáng tác không khác gì một thi hài còn sống trong mộ, cũng coi bệnh tật là động lực đầu tiên làm thành các công trình sáng tạo. Sức mạnh sáng tạo của đau khổ được thấy rõ trong cuộc đời của rất nhiều

nhà sáng tác, tập tiểu sử của vĩ nhân nào hầu như cũng luận bàn đến mối quan hệ giữa đau khổ và thành tích đạt được.

Tập “Pensees” của Pascal là kết quả của một thời kỳ đen tối bị bệnh tật hành hạ không ngừng. Phía sau những song cửa sổ, giữa những cơn hành hạ quái ác của bệnh tật và những giấc hôn mê dài, Auguste Comte đã ngời thảo ra bố cục tư tưởng tuyệt vời của mình trong tập “Positive Philosophy”

Trong một lá thư viết cho anh mình, họa sĩ Vincent Van Gogh nói “Càng suy sụp, càng bệnh và yếu đi, tôi càng trở thành một họa sĩ lớn, vì qua những cơn bệnh đó tôi mới thu lượm được ý tưởng cho vô số tác phẩm của mình”. Mà quả thật, trong trường hợp của Van Gogh, bệnh tật đúng là kích thích tố biến ông từ một nhà chuyên sao chép tranh Millet trở thành thiên tài của hội họa hiện đại.

Cũng nhờ một chứng bệnh tương tự như Têrêxa, Dostoevski đã có được sức mạnh để sáng tác ra những tác phẩm vĩ đại. Nếu đọc kỹ tiểu sử bệnh tình và sáng tác của ông, người ta có thể lầm tưởng đó là tiểu sử bệnh tình và sự thánh thiện của Têrêxa.

Dostoevski viết “Một chứng bệnh lạ kỳ không thể chịu nổi luôn hành hạ tôi. Tôi thường cảm thấy mình sắp chết thật: một cơn bệnh bao giờ cũng kết thúc bằng tình trạng hôn mê”.

Dù Dostoevski đã bị những cơn bệnh này hành hạ suốt đời, ông vẫn tin rằng có một sức mạnh sáng tạo tiềm tàng trong những cơn bệnh đó, có thể gọi là “chứng bệnh linh thiêng”. “Những lúc đó tôi cảm thấy như trời cao đổ xuống đất để nhai nuốt tôi. Quý vị là những người khỏe mạnh, quý vị không thể nào hiểu được cảm giác hoan lạc do chứng bệnh ấy mang lại. Tôi sẵn sàng đánh đổi tất cả những thú vui trên đời để lấy sự hoan lạc ấy, dù chỉ trong giây phút”.

Thấy ở trường, tình trạng sức khỏe của Têrêxa không khá hơn, Don Alonso mang cô về nhà, hy vọng rằng một khi tránh được thứ kỷ luật khắc khe của nhà

dòng, cô sẽ hồi phục nhanh hơn. Thế nhưng điều ông hy vọng ấy đã không xảy ra.

Ngôi nhà pháo đài của ông bây giờ không còn như xưa nữa đối với cô. Một sự cô tịch u ám đang đè nặng trên ngôi nhà đó. Đám bạn bè sinh động đã vây quanh cô những năm trước đây, bây giờ không còn lui tới nữa. Phần đông anh chị em bà con của cô đã nghe tiếng gọi của thời đại và rời bỏ Avila. Bây giờ họ làm việc cho những nhà buôn ở Sevilla hay theo gót các nhà mạo hiểm đến các miền xa xăm. Trong số anh em trai của cô chỉ còn hai người em nhỏ nhất là Lorenzo và Antonio. Đa số bạn gái của cô đã kết hôn và đã theo chồng lên thành phố lớn. Juana, cô bạn thân của cô, tuy vẫn còn ở lại Avila, nhưng đã chán đời và đi tu.

Bấy giờ Têrêxa vừa được 16 tuổi. Đáng lẽ nhìn vào gương cô vẫn thấy mình hấp dẫn như ngày nào. Thêm chút phấn son và nở một nụ cười là đủ làm cho sân nhà đầy những chàng trai caballeros (quí tộc) theo tán tỉnh và bạn bè ngưỡng mộ. Cuộc vui đùa của cô hồi bé có lẽ đã tiếp tục được. Thế nhưng nay bệnh tật đã cướp đi khỏi cô cái nhìn vui tươi, nụ cười hồn nhiên. Cô đứng đó đau khổ và thất vọng, nhìn mông lung vào cái sân, bây giờ đối với cô đó chỉ là khoảng không trong nhà tù tối tăm, chật hẹp. Cô vẫn nghĩ về một cái sân của ngày xưa.

Thỉnh thoảng cô nhớ tới những cuộc trò chuyện thanh thoát dễ dàng của những năm trước và lại thấy mình như một giai nhân đang được nhiều người săn đuổi. Thế nhưng ngay sau đó cô trở về với tình trạng hiện tại của mình: một thiếu nữ tàn tạ bởi bệnh tật đang lững thững bước lui bước tới trong sân “nhà tù”.

Sự tương phản giữa quá khứ và hiện tại càng làm cô thêm tủi thân. Bầu khí im lặng trong ngôi nhà kiên cố này càng làm cô nhớ tới cơn bệnh tai ác đã phá tan mọi giấc mơ và hy vọng của thời thiếu nữ. Trong tình trạng chán chường đó, cô càng trở thành mồi ngon cho những cơn bệnh tái phát không ngừng.

Don Alonso là người duy nhất Têrêxa tiếp xúc và chắc chắn không phải là người thích hợp nhất cho cô. Cuộc sống tách biệt của ông trong ngôi nhà yên

lặng và vắng vẻ này đã làm ông thêm hướng nội. Cả ngày ông vùi đầu vào sách vở trong thư phòng, nhai ngấu nghiền mấy cuốn sách đức tin. Mặc dù cũng còn say mê chuyện các anh hùng, các thánh, nhưng ông không thể thông cảm được tâm hồn của một thiếu nữ lúc nào cũng mang tâm trạng thất vọng trước cuộc đời tan vỡ của mình. Những bài học ông rút ra được từ các sách đạo đức không giúp ích gì cho cô gái phiền muộn đó. Rồi khi cơn bệnh đến, ông chỉ đứng nhìn một cách bất lực thôi.

Cuối cùng ông quyết định trao con cho cô gái lớn là Maria chăm sóc. Cô này lúc đó đang sống ở một trang trại nhỏ miền Castellanos. Ông hy vọng rằng khung cảnh thôn quê và sự săn sóc chu đáo của Maria sẽ giúp Têrêxa bình phục.

Ngay khi Têrêxa khỏe hơn một chút, Don Alonso vội thắng lừa, bắt đầu đưa cô vào một cuộc hành trình dài hai ngày. Trên đường hai cha con dừng lại ở Hortigosa, nơi ông Phêrô Cepeda, anh của Don Alonso đang sống.

Tại đây, trong một căn phòng rất nhỏ của tòa nhà rộng lớn, ông Phêrô đang sống một cuộc sống khổ hạnh như một người đã thuộc về Chúa. Ông Phêrô hoàn toàn thao thức về cuộc sống bên kia, không thiết tha chi cuộc sống trần gian này nữa. Mỗi khi phải nói về chuyện đời, ông chỉ nói những gì có thể giúp ông chuẩn bị cuộc hành trình về với Chúa. Cuộc trò chuyện của ông với những người ghé thăm chỉ xoay quanh những điều linh thiêng thánh thiện.

Ông Phêrô chọn thánh Giêrôm – vị ẩn tu uyên bác của thế kỷ IV – làm khuôn mẫu. Ông rút ra từ các tác phẩm huấn dụ của thánh nhân một kim chỉ nam cho mọi hành vi và cuộc sống của mình. Ông đã trao cho cô cháu gái một trong những bộ sách dày cộm của thánh Giêrôm và bảo cô đọc những đoạn mà ông đã đánh dấu.

Têrêxa cảm thấy hơi bực mình với những bản văn này vì chúng nhắc cô nhớ tới thời thơ ấu. Chỉ vì phép xã giao lịch sự cô mới làm theo yêu cầu của bác mình. Thế nhưng trong khi đọc cho bác nghe, cô bỗng chú ý nhiều hơn, và

chẳng mấy chốc cô lắng nghe tiếng nói của mình một cách say sưa chăm chú chẳng khác chi vị thánh giả khả kính kia. Bây giờ giọng cô không còn có vẻ mệt mỏi đều đều nữa, mà là một giọng nói chăm chú đạo đức. Một thiếu nữ sợ sệt và bệnh hoạn đang đọc sứ điệp Nước Trời, không khác nào một sứ điệp đem an ủi tới cho người bệnh. Rồi ngày hôm sau, khi hai cha con lên đường, Têrêxa xin phép bác mình mượn một cuốn của thánh Giêrôm, cô muốn mang theo nó trên đường về quê.

Ban đầu khung cảnh miền quê có vẻ như chẳng giúp gì cho sức khỏe của cô. Sự săn sóc dịu dàng của người chị cùng cha khác mẹ lẫn những thú vui của cuộc sống miền quê đều không làm cô khuây khỏa. Những lời an ủi của người thân càng dày vò cô, và cô chỉ cảm thấy sung sướng khi được ở lại một mình trong phòng, vùi đầu vào cuốn sách của thánh Giêrôm. Những lời hứa của Ngài về Nước Trời, nói với tất cả những ai đang cố gắng sống một cuộc đời đẹp ý Chúa, đã làm sống dậy nơi cô giấc mơ ngày xưa là được trở thành nữ tu. Tuy nhiên, tình yêu ngày xưa dành cho cuộc sống và thế tục vẫn chưa chết hẳn nơi cô, nó ào ạt trôi. Vì thế, nếu có chút hy vọng được hồi phục sức khỏe là tính ấy lập tức lên tiếng đòi được thỏa mãn, ngay chính lúc cô sẵn sàng đi tìm an toàn nơi một tu viện.

Một ngày kia, Têrêxa tình cờ đọc những lời cảnh báo của thánh Giêrôm về hỏa ngục và sự trừng phạt. Tất cả mọi thứ mà trong lúc thèm khát sự sống cô hằng mơ ước – được ngưỡng mộ, tán tỉnh, những cuộc tình thầm kín, những kiểu ăn mặc và trang điểm cầu kỳ nhưng vô hại – tất cả những thứ đó được thánh nhân nêu ra và kết án là đường dẫn xuống hỏa ngục. Thánh Giêrôm đã hùng hồn mô tả sự dịu ngọt của những hoan lạc trên trời dành cho những ai quay lưng với thế gian, ngài cũng hùng hồn không kém khi giận dữ mô tả hình phạt hỏa ngục đang chờ những ai hiến dâng cả đời cho những toan tính trần gian. Lập tức Têrêxa hốt hoảng.

Ít lâu sau, cô bị một cơn động kinh quái ác hành hạ, Maria thức suốt đêm bên giường em. Têrêxa nằm hôn mê, còn Maria hầu như tuyệt vọng.

Thế nhưng sáng hôm sau, Têrêxa ra khỏi phòng và trước sự ngạc nhiên của mọi người, cô trở thành như một người khác. Như thể cơn bệnh không thể để lại một dấu vết gì nơi cô. Mọi người lại có cảm tưởng rằng cô là một thiếu nữ vô tư thánh thiện. Chẳng ai hiểu được lý do của sự thay đổi đột ngột ấy. Mãi sau này, Têrêxa mới giải thích: những lời cảnh cáo của thánh Giêrôm về sự trừng phạt ở hỏa ngục đã thành công nơi cô, một điều không xảy ra khi cô đọc những trang trình bày niềm vui trên trời. Sự khiếp sợ hỏa ngục đã đẩy người con gái do dự ấy đến chỗ chọn lựa dứt khoát giữa niềm vui thượng giới và thú vui hạ giới. Cô đã quyết định quay lưng với thế gian, và lên đường đi về thiên quốc. Một khi đã quyết định trở thành nữ tu rồi thì bệnh tật và đau khổ cũng rời cô. Dường như những “cái chết vắn vỏi” trước đây do bệnh tật gây ra chỉ là một lời nhắc nhở mạnh mẽ về những nguy cơ hỏa ngục đang rình rập cô. Về u buồn từng ám ảnh tâm hồn cô nay cũng biết mất. Ánh sáng của thiên quốc mà cô đang đi tới, không thể sống chung với bóng tối. Đau khổ, bệnh tật, sống, chết, mọi sự đã thay đổi hình dạng khi nhìn trong ánh sáng của thiên quốc. Trước kia đã có lần cô dự định trở thành nữ tu, nhưng sau đó khi ý thức về sắc đẹp và sự duyên dáng của mình, cô đã coi đó là một ý tưởng trẻ con ngô nghê. Thế nhưng bây giờ khi đã được bệnh tật dạy cho biết sự phù du của vinh quang trần gian, khi hồn đã sợ hỏa ngục, thì không gì có thể làm cô bỏ lời thề đó nữa.

Vì sợ rằng dự định ấy lại bị cản trở lần nữa, cô đã giữ hết sức bí mật. Sau khi trở về Avila cô chỉ tâm sự với cô bạn thân là Juana lúc này cũng đã là nữ tu, có thể giúp cô đạt được mục tiêu.

Không muốn thu hút sự chú ý của ma quỷ, luôn rình rập khắp nơi trên thế gian, có thể cả trong lời khuyên của bạn bè, cũng như trong đầu óc đa nghi của người thân, Têrêxa đã phải dùng một chiến thuật. Để không ai có thể hồ nghi gì

về ý định của mình, cô đã tham gia vào các sinh hoạt xã hội, nói cười tán tỉnh, ve vãn như ngày xưa. Thế nhưng bên trong cô đã hình thành rõ rệt cái quyết tâm từ bỏ thế gian. Có lần một chàng caballero nọ thẳng thắn nói lên lòng ái mộ của mình trước cặp giò xinh đẹp của cô. Cô đã mau lẹ phản đối “Coi chừng nhé: có thể đây là cơ hội cuối cùng cho anh đấy”. Mọi người phá ra cười và nghĩ rằng chắc cô sắp lấy chồng, lời trách cứ vừa rồi của cô là một cách ám chỉ cô sắp sửa kết hôn với một anh chàng nào đó. Thế nhưng cô đã chuẩn bị xong xuôi để khoác vào mình chiếc áo thô sơ nhất của các hiền thê Chúa Kitô.

Ngay sau khi Juana dàn xếp xong mọi thứ cần thiết, và Têrêxa chỉ còn việc trình diện tại một dòng kín mang tên Tu Viện Nhập Thể để làm tập sinh, cô mới thông báo cho cha biết ý định của mình.

Don Alonso sững sờ. Chắc chắn ông là một Kitô hữu tốt. Ông ngưỡng mộ các thánh và các vị tử đạo; đời sống hy sinh của các ngài đã làm ông phấn khởi và dạy cho ông rất nhiều điều. Tuy nhiên ông cũng là một người cha, thương con bằng một thứ tình yêu thế gian. Nơi ông lúc đó diễn ra cuộc xung đột giữa vai trò một Kitô hữu và vai trò người cha. Cuối cùng người cha đã thắng. Ông kịch liệt phản đối dự tính của Têrêxa. Don Alonso đã sống hòa thuận với Chúa. Ông hiến dâng cho Ngài tất cả mọi thứ và còn hơn thế nữa, nhưng Chúa không thể đòi hỏi ông phải hy sinh cô con gái.

Têrêxa xưa nay vẫn là đứa con ngoan ngoãn, nhưng hỏa ngục là một vấn đề nghiêm trọng; mệnh lệnh khắt khe của Don Alonso không thể bắt cô rời bỏ ý định ấy. Cô đành phải trốn nhà, một việc mà mười năm trước đó cô đã từng làm. Trước đây cô đã rủ anh trai cô là Rodriguez trốn tới xứ của người Moor, còn nay cô mang cậu em út Antoniô theo trong cuộc chạy trốn thế gian.

Sáng sớm hôm ấy Têrêxa và Antoniô ra khỏi ngôi nhà kiên cố của mình. Họ chia tay nhau ở cổng tu viện thánh Tôma, nơi vị đại pháp quan của tòa án tôn giáo lúc đó là Torquemada được chôn cất. Antoniô bước vào xin các tu sĩ

Đaminh nhận anh làm tập sinh. Còn Têrêxa đi tới tu viện Cát Minh Nhập Thể, cách thị trấn Avila vài dặm, nơi đó Juana đang chờ cô.

Kế hoạch của Antoniô bị phá hỏng ngay khi anh bước qua ngưỡng cửa của tu viện. Vì Don Alonso đã từng tới đó xưng tội và các cha Đaminh đã khéo léo nhắc hỏi ông có đồng ý với quyết định của Antoniô không. Ít lâu sau Don Alonso tới tu viện và mang cậu con trai thoát ly về nhà.

Nhờ sự lo xa khéo léo của Juana, kế hoạch của Têrêxa được chuẩn bị chu đáo hơn. Don Alonso cũng được thông báo về việc đi tu của Têrêxa, nhưng khi tới tu viện ông chỉ kịp nhìn những lọn tóc đẹp của Têrêxa bị cắt đi và chiếc áo màu cam đẹp đẽ của cô được cởi ra, đổi lấy tấm voan trắng của người tập sinh dòng Cát Minh. Ông đứng trước một việc đã rồi, và chỉ còn cách là chúc lành cho cô thôi.

* * *

Tại tu viện Nhập Thể, cách biệt với thế giới bên ngoài bằng những bức tường dày, Têrêxa nghĩ rằng mình đã tránh được hết mọi cám dỗ. Sau này cô viết về lần bước chân vào tu viện đó như sau “Tôi sung sướng vô cùng, Thiên Chúa đã biến tâm hồn cay đắng của tôi thành ngọt ngào”. Cô hăng hái và vui tươi hoàn thành các bổn phận của một tập sinh. Đối với cô lúc này vâng phục là tự do, tu phòng nhỏ hẹp này là ngôi nhà thân yêu, hy sinh đem lại cho cô niềm vui trọn vẹn.

Tuy nhiên, niềm hạnh phúc của thời tập sinh ấy không kéo dài bao lâu. Chính nỗi sợ hỏa ngục, đã từng đẩy cô tới chỗ khoác áo nhà tu, và chính sự nhiệt thành đã xô cô chạy theo con đường về trời, nay lại làm cho mắt cô thêm sắc xảo để nhìn mọi sự chung quanh. Cô thất vọng khi khám phá rằng nơi cô đã tới trú ẩn vẫn còn nằm trong vòng thế gian mà cô muốn trốn khỏi.

Địch thù chính là tinh thần thời đại lúc ấy. Để cho chắc, tu viện Nhật Thế đã cho xây những bức tường thật dày và thật cao, nhưng chúng chỉ ngăn cách tu viện với thế giới bên ngoài về không gian, chứ hai bên vẫn gần gũi nhau về thời gian. Hồi ấy cũng như ngày nay, nói tới thời gian là nói tới thay đổi, thay đổi sự vật và thay đổi tư tưởng. Thời gian là một quyền lực ăn vào khắp nơi, bao biện khắp chỗ. Ngay trong tu viện Nhật Thế và bên ngoài tu viện ấy, thời gian đã đổi từ thời Trung Cổ sang hiện đại. Không có tường lũy nào có thể ngăn chặn thời gian được. Không có chỗ nào nằm ngoài ảnh hưởng của thời gian. Không có ai có thể chạy trốn nó. Cuộc sống xô bồ của thế giới và cuộc sống trầm mặc của tu viện, sự ăn chơi vui đùa và sự hy sinh đang diễn ra trong cùng một thế kỷ đang rung lên cùng một âm điệu trong cuộc sống.

Những tường thành của tu viện Nhật Thế là của thời Trung Cổ nhưng những con người sống đằng sau đó là con đẻ của thời Hiện Đại. Voan áo là của thời Trung Cổ, nhưng những phụ nữ ăn vận chúng là của thế kỷ 16. Kinh nguyện, thánh lễ, các việc đạo đức, tôn sùng, tất cả những yếu tố chi phối cuộc sống hằng ngày của các nữ tu Cát Minh ấy là của thời Trung Cổ; nhưng cuộc sống của họ là của năm 1536. Tinh thần Trung Cổ chi phối hình thức cầu nguyện, nền âm nhạc Trung Cổ đã sáng tác ra những bản thánh ca. Thế nhưng những người đọc các kinh đó, hát những bài hát đó lại là những nữ tu của thời đại mới.

Ngôi nhà nguyện bé nhỏ với mái dột, đến nổi mưa có thể rơi xuống trên đầu, trên vai các nữ tu, những con người vẫn tỏ ra còn đầy tin tưởng vào những lời khấn cổ truyền là nghèo khó và từ bỏ. Thế nhưng trong các căn buồng của các nữ tu, nằm gọn trong những dãy nhà với hai phòng lớn, các nữ tu đã biết cách sống đời hy sinh ấy với những thoải mái và tiện nghi. Họ không có gì hết, nhưng sẵn sàng nhận những quà biết lặt vặt. Áo họ khâu vá chằng chịt, nhưng họ đeo vòng kiềng, vòng tay và nhẫn. Trước mặt Chúa, tất cả họ đều bình đẳng, đều là

hiền thê của Đức Kitô, nhưng những người có gốc gác quý tộc vẫn giữ tước “tiểu thu” hay “phu nhân” (“dona”). Các bữa ăn được nấu nướng đúng như các bữa chay tịnh mà luật dạy, nhưng lại dồi dào và ngon miệng; và giữa các bữa ăn họ vẫn có đủ thứ mỹ vị thơm tho khác. Các nữ tu đạo đức ấy vẫn thờ phượng Chúa trong sự khiết tịnh và vâng phục, nhưng thỉnh thoảng họ lại được ra ngoài một ngày hay lâu hơn, chơi vui thỏa thích với bà con hay bạn bè.

Mà nếu các nữ tu trong tu viện đã được đi xem thế giới thì ngược lại thế giới cũng được bước vào xem tu viện. Việc xa cách thế giới không còn phải là thật sự rút ra khỏi thế giới mà chỉ là trò chơi bịt mắt đi tìm nhau thôi. Nhà của các nữ tu Cát Minh ít nói đã mở cửa cho thế giới ùa vào trò chuyện huyền thuyên. Người ta đã nhường một phòng của tu viện cho thế giới. Trên lầu là những tu phòng nhỏ của các nữ tu, nhưng dưới đó vài bước là phòng khách, nơi các nữ tu tự do tiếp khách, nữ lẫn nam.

Để cho chắc, trong phòng khách đó có một cửa lưới ngăn cách các nữ tu với khách, nhưng chỉ có phần dưới là che khuất, còn hai bên vẫn có thể nhìn thấy và nghe nhau được. Qua tấm lưới đó, cái im lặng của tu viện và cái ồn ào của thế giới, tinh thần hy sinh của tu viện và thói tham lam của thế giới, đang trò chuyện thân mật với nhau. Trong tấm gương di động không ngừng, tức là những buổi trò chuyện vô bổ đó, ta đọc thấy thế giới với những hảo huyền và cảm dỗ của nó.

Đang khi đó, trong căn buồng vắng lặng Têrêxa vẫn trò chuyện với Chúa và cảm thấy an toàn. Tuy nhiên hễ khi nào bước xuống phòng khách chị đều phải đương đầu với một thế giới mà chị đã dốc tâm trốn tránh. Phút chốc chị nhận ra rằng tâm hồn chị cũng là một tu viện với những tu phòng nhỏ và kinh nguyện ở tầng trên còn ở dưới là phòng khách. Chị không cảm thấy bình an nữa. Chị thấy mình vẫn nằm trong tầm kiểm soát của hỏa ngục.

Những lúc đó chị bỗng hồ nghi không biết mình có khôn ngoan hay không khi chọn tu viện Nhập Thể làm nơi thường trú của mình. Những mối hoài nghi

này là chỉ dẫn đầu tiên cho thấy ơn gọi làm nhà cải tổ vĩ đại của dòng Cát Minh đã bắt đầu sống dậy nơi chị. Tuy nhiên, tạm thời, chị vẫn là một tập sinh nhỏ, có bốn phận sống khiêm tốn và phục tùng. Những nhượng bộ mà dòng Cát Minh dành cho thế giới đã được Đức Giáo Hoàng phê chuẩn trong một bộ luật quen gọi là bộ luật nhân nhượng; một tập sinh trẻ không thể khôn ngoan hơn Đức Giáo Hoàng. Tất cả mọi diễn biến của tu viện Nhập Thể đều bắt chước những tập tục của thời đại và mọi chị em trong nhà, từ tu viện trưởng trở xuống, đều kính cẩn tôn trọng những lễ thói ấy. Những lễ thói xã hội ấy có sức mạnh đến nỗi chúng đã dập tắt mọi hoài nghi của Têrêxa. Mà rất có thể chị đã chấp nhận lễ thói qui định ấy cuộc đời chị có thể chỉ còn là cuộc đời của một nữ tu Tây Ban Nha trung bình, nếu bệnh tật đã không can thiệp mãnh liệt vào đời chị lần thứ hai, kéo chị ra khỏi vết mòn của những lễ thói ấy.

Sau khi khấn, những cơn bệnh ngày xưa bỗng trở lại tấn công chị dữ dội. Chúng dồn dập đổ xuống chị như những thiên tai giận dữ hoành hành không biết mệt. Không chỗ nào trong thân thể chị là lạnh lặn, không có bộ phận nào trong người chị là được miễn khỏi, không có chân tay, bắp thịt hay thần kinh nào là không bị những cơn đau như thiêu như đốt hành hạ. Cơn hấp hối của những “cái chết ngắn, nhỏ” chưa bao giờ giống với cơn hấp hối thật sự của người sắp chết như lần này.

Các nữ tu hoảng sợ gọi tên riêng của Têrêxa liên tục nhưng chị vẫn bất động. Họ lay chuyển, chà xát và nâng chị dậy. Thế nhưng cơ thể chị vẫn lạnh buốt, cứng ngắt như đã chết.

Những cơn bất tỉnh càng tới nhiều, chứng bệnh càng ảnh hưởng sâu tới toàn bộ cuộc sống của Têrêxa. Một vài bộ phận trong người chị không bao giờ hết đau hẳn. Thời gian yên ổn giữa hai lần lên cơn càng ngày càng ngắn lại. Ban đầu là vài tuần, nhưng sau chỉ còn độ vài ngày.

Têrêxa chứng kiến những cơn ấy một cách vô vọng. Chị đã một lần nghe

theo lời khuyên do cơn bệnh ấy chỉ cho: là từ bỏ thế giới vào sống ở tu viện. Thế nhưng đây là lần thứ hai, mạnh mẽ hơn nhiều, chứng bệnh ấy như đang cản lối chị đánh đổ mọi dự phóng của chị, ném chị ra khỏi sự yên tĩnh của đời sống tu viện.

Têrêxa đã được tiền định để làm những chuyện vĩ đại hơn. Chị phải trở thành vị thánh của những cơn xuất thần. Bệnh tình của chị sẽ góp phần quan trọng vào quá trình nên thánh của chị. Tuy nhiên sự thánh thiện đang chín dần dưới những cơn đau ấy, mắt trần không thấy được.

* * *

Don Alonso đem con gái mình ra khỏi tu viện và mời các bác sĩ giỏi nhất ở Castilla chữa chạy. Hết bác sĩ này rồi bác sĩ khác đến, áo mão chỉnh tề, tay ôm sách y khoa của Galen, tay mang lọ nước tiểu để xét nghiệm. Theo những phương pháp chẩn bệnh thời danh lúc ấy, bắt mạch và xét nghiệm nước tiểu cẩn thận là đã làm xong tất cả. Rồi sau đó người ta mới tra cứu tác phẩm y học của bậc thầy Galen và thảo luận về nguyên nhân của bệnh tình. Thế nhưng sau bao cuộc bàn cãi dai dẳng họ vẫn không tìm ra chỗ yếu của cơn bệnh: những kết luận và suy luận lý thuyết của họ không thể giải thích được những cơn bất tỉnh, những bấp thịch vụn vẹo, những trạng thái co rút và sự rắn chắc mạnh khỏe đặc biệt của Têrêxa. Rõ ràng đây là một trường hợp không được chỉ dẫn trong các sổ tay y học, và vì thế những toa thuốc dựa vào sự phân tích theo kiểu tam đoạn luận của các bác sĩ đã hoàn toàn vô hiệu.

Thầy khoa học bó tay, Don Alonso mới quyết định giao con gái mình cho một bà thầy lang, quen gọi là “curandera” (gần như “thầy pháp” của ta vậy). Bà này có tiếng là đã chữa được nhiều trường hợp tuyệt vọng. Bà chỉ chữa trị dựa vào thiên nhiên, chỉ hành nghề vào mùa xuân khi cỏ cây bắt đầu mọc, bây giờ lại

mới chỉ đầu mùa đông cho nên Têrêxa phải sống tạm vài tháng với chị Maria ở nhà quê. Trên đường về, cô cũng dừng chân tại Hortigosa và một lần nữa cuộc ghé thăm ngắn ngủi ở nhà bác Phêrô đã đánh dấu một khúc quanh quyết định trong đời Têrêxa.

Những sự trùng hợp nhỏ nhoi ấy hình như luôn phục vụ cho một nhu cầu cao cả hơn.

Bác Phêrô trao cho cô cháu gái đọc một cuốn sách của thầy dòng Phanxicô người Tây Ban Nha tên là Franciso de Osuna. Chị chỉ có ý đọc sách ấy trên đường về Castellanos, nhưng vô tình nó đã trở thành kim chỉ nam dẫn chị trên đường về với Chúa. Sách mang tựa đề “Sách vỡ lòng tu đức Tập 3” (The Third Abecedarium), dạy ta cầu nguyện một cách tâm linh, không lời, thay vì cầu nguyện thành lời, đã trở thành một thói quen hình thức. Người môn đệ thần bí của thánh Phanxicô ấy đã dạy rằng “Thiên Chúa vốn không lên tiếng, không nói thành lời, bản chất Ngài là im lặng. Chỉ những ai đến với Ngài trong thinh lặng mới có thể được Ngài nghe thấy và trả lời”. Đây là bài vỡ lòng linh thiêng trong ngôn ngữ im lặng, mà Osuna gọi là mẹ của các ngôn ngữ hay ngôn ngữ của trời cao.

Trong thời gian ở lại thôn quê, các cơn bệnh đã thưa thớt. Têrêxa bắt đầu thực tập những bước đầu của hình thức cầu nguyện đó. Chị cảm thấy phấn khởi vui tươi như một đứa trẻ khi vừa đánh vần được mấy chữ cái. Niềm vui của chị đúng là niềm vui của một đứa trẻ sắp sửa nắm được những bước sơ đẳng của khoa đọc vần và đã bắt đầu thấy những mẫu tự ấy được ráp thành chữ, thành câu có ý nghĩa và mạch lạc, chúng là chìa khóa mở cửa cho một thế giới, mà chỉ cần thiết dày công luyện tập và vào được. Môi miệng chị vốn đã quen với ngôn ngữ có âm thanh, sắc giọng, nên chưa thể cầu nguyện trong im lặng và gọi Chúa bằng các tên vô thanh. Tai chị chưa được huấn luyện để hiểu thứ ngôn ngữ vô thanh vô ngôn của Thiên Chúa. Mắt chị cũng chưa có đủ khả năng để nhìn những cái

không thể thấy. Tia sáng đầu tiên phát ra từ cuốn sách của tu sĩ Osuna mới chỉ là một tia sáng lung linh trong căn phòng đen tối của tâm hồn chị. Trong đời chị, bệnh tật vẫn có tiếng nói mạnh hơn sự thánh thiện.

Khi mùa xuân đến, Têrêxa trở về Becedas để chữa trị. Phương pháp chữa trị của bà thầy lang này là một phương pháp rất kỳ quặc của thời Trung Cổ: chủ yếu là dùng toàn những biện pháp mạnh để kích thích toàn bộ cơ thể. Người ta dùng đủ loại dược thảo, đủ loại kích thích mưa và xổ để làm sạch cơ thể bên trong. Thế nhưng vì tin rằng bệnh này là hậu quả của tình trạng tà ma ám, nên bà thầy lang còn làm thêm đủ thứ thuốc tổng hợp trừ quỷ, chế biến theo những công thức ma thuật từ ngón chân của ếch nhái, cánh ruồi nghiền nát và phân tươi của rắn.

Con ma nơi Têrêxa chẳng những không khiếp sợ mà còn gia tăng gấp đôi sức kháng cự và có vẻ như muốn chống lại sự can thiệp vô phép của bà phù thủy vào các công việc riêng của nó. Thuốc thang của bà thầy lang còn tai hại hơn cơn bệnh của Têrêxa nữa. Sau này chị viết trong tập tự thuật của mình:

“Tôi không biết làm sao mình có thể chịu được cách chữa trị đó. Suốt ba tháng ở lại đó, tôi phải trải qua những cơn đau kinh khủng nhất. Sức sống như đã kiệt quệ trong hai tháng, nhưng nỗi đau trong lòng vì phải chấp nhận cách chữa trị ấy còn chua xót hơn. Đôi khi tôi cảm thấy như đang bị những chiếc răng nhọn của ai đó cắn vào tim mình. Tôi đã mất rất nhiều sức lực vì chán ngán ăn uống tới độ không dùng gì hết ngoài mấy đồ uống. Không bao giờ người tôi hết sốt và cơn sốt càng tăng lên trong những khi chữa trị. Dường như có một ngọn lửa rực cháy đang thiêu hủy tôi từ bên trong. Các bắp thịt của tôi bắt đầu co rút lại. Cơn đau trở nên dữ dội tới mức không thể chịu đựng nổi. Lòng tôi buồn sâu tới độ không lúc nào nghỉ ngơi được. Tóm lại, phương pháp chữa trị này chẳng để lại gì nơi tôi ngoài những hơi thở tàn tạ đó.”

Khi cha Têrêxa đưa chị về nhà ở Avila (mùa hè năm 1537) thì đó là lúc sự sụp

đổ của dòng họ Cepeda đã ăn vào ngôi nhà kiên cố của ông. Têrêxa ước ao chết quách cho xong để được giải thoát khỏi những dày vò đau đớn. Chị xin cha mời linh mục đến để chị xưng tội. Vì thương con một cách dị đoan nên Alonso từ chối, bởi cho rằng xưng tội để chuẩn bị chết như thế là rước cái chết tới.

Không được hưởng niềm an ủi cuối cùng do bí tích hòa giải mang lại, Têrêxa rơi vào tình trạng kích động mãnh liệt đến nỗi cả xác lẫn hồn không thể chịu đựng lâu được. Ngay trong đêm đó, chị bị hành hạ khủng khiếp, mà trước giờ chưa bao giờ bị. Từ những cơn co giật chị rơi vào trạng thái điên cuồng. Chị nổi điên cả với chính mình, lấy móng tay cào cấu vào da thịt, la hét đau đớn, cắn lưỡi. Tiếng cười tử thần dường như bỗng chốc phát ra từ đôi môi nhợt nhạt của chị. Rồi chị cứ tiếp tục bị hành hạ như thế cho tới khi rơi vào trạng thái bất tỉnh, nằm lạnh ngắt và bất động như thể rốt cuộc cơn đau đã rời chị.

Lại một đêm và một ngày trôi qua, nhưng vẫn không thấy chút dấu hiệu nào là còn sự sống trong cái thân xác mệt mỏi đó. Các bác sĩ tìm cách bắt mạch nhưng không tìm ra mạch. Bàn tay chị đã trở nên băng giá như chết. Chiếc gương họ đặt trước miệng chị vẫn không mờ đi do hơi thở. Cuối cùng họ kết luận: “con gái ông chết rồi”, và theo họ trường hợp này coi như đã xong.

Thế nhưng Alonso vẫn la lên như người mất trí “không con tôi chưa chết” Thiên Chúa không thể phạt ông nghiêm khắc như thế.

Rồi đêm thứ hai trôi qua, Têrêxa vẫn chưa hồi tỉnh. Đã đến lúc phải chuẩn bị an táng thôi. Phải tắm rửa thân thể chị, phải lấy “drap” quấn lại, phải thắp đèn lên, bên phải bên trái và phía đầu quan tài.

Hai nữ tu ở tu viện Nhập Thể được mời tới cầu nguyện và canh thức. Sáng hôm sau các nữ tu đào huyệt cho Têrêxa tại nghĩa trang của tu viện. Ở nhà nguyện người ta đã cử hành thánh lễ cầu nguyện cho linh hồn người quá cố, và các nữ tu đã hát những thánh ca an táng trọng thể.

Đến chiều, bà bề trên tu viện tới nhà ông Alonso để lãnh xác Têrêxa về nhà

dòng. Thế nhưng ông một mực từ chối không chịu cho bỏ thi hài con gái mình vào quan tài. Thân xác chị sấp sửa được đem đi chôn mà ông vẫn một mực la rằng “con gái tôi chưa chết”. Đau khổ và phiền muộn dường như đã làm ông mất trí. Bà bề trên đành chịu và quay về.

Đêm hôm sau, nghĩa là đêm thứ ba kể từ khi chị bị ngất đi, đến lượt cậu em chị ngồi canh thức. Khoảng gần sáng, cậu ta ngủ thiếp đi. Rồi khi tỉnh dậy cậu giật mình nhìn quan tài đang bốc lửa. Một ngọn nến cháy gần hết và lửa rơi xuống trúng tấm vải liệm. Cậu hét hoảng gọi gia nhân vào và họ đã dập tắt được ngọn lửa. Thế là Têrêxa đã được cứu khỏi bị thiêu chết.

Một ngày rười trôi qua, huyết của Têrêxa đã sẵn sàng ở nghĩa trang tu viện. Mọi sự chuẩn bị cho lễ an táng đã xong xuôi. Các nữ tu bực mình vì sự chậm trễ.

Rồi một lần nữa bà bề trên đích thân tới nhà Alonso để xin cái xác đã thuộc về nhà dòng. Bà xăm xăm đi vào phòng quàng xác và hết sức kinh ngạc khi thấy Têrêxa, kẻ mà bà nghĩ là đã chết và sửa soạn đem chôn, đang trầm tĩnh ngồi trên áo quan của mình.

Trên nắp quan tài chị vẫn còn đọng lại những vết sấp chảy từ những cây nến đã cháy nhưng chị đang nói chuyện với ông Alonso bằng một giọng nói hết sức rõ ràng và tự nhiên, nài nỉ ông để chị được xưng tội. Dường như chị muốn nói hết những câu mà cơn bệnh đã cắt đứt, làm như thể không có bốn ngày nằm bất động vừa qua. Bà bề trên đã tính đến để đòi thi hài một nữ tu của bà thế nhưng bây giờ bà chẳng làm gì hơn là chiều theo ước nguyện của người vừa về lại với cuộc sống. Bà vội vàng đi mời cha giải tội đến.

Sau khi xưng tội và lãnh nhận bí tích, Têrêxa cảm thấy an ủi trong lòng. Tuy nhiên chị vẫn còn yếu sức lắm. Trong cuốn tự thuật chị đã mô tả sống động những hậu quả tai hại mà cơn bện vừa rồi đã gây ra: “Sau bốn ngày ấy, những ngày hoàn toàn vô cảm giác, tôi kiệt sức đến nỗi chỉ có Chúa mới biết tôi đau đớn tới mức nào. Lưỡi tôi đã bị cắn nát ra, cổ họng tôi như bị nghẹn lại vì đã

không ăn uống gì trong mấy ngày qua, thậm chí vì yếu quá tôi không thể nuốt lấy một giọt nước.”

“Các khớp xương như lỏng ra, đầu óc vô cùng lộn xộn. Người tôi cong lại như con sâu róm, tay, chân và đầu không thể cử động được; nếu không có ai đỡ giúp tôi thì chẳng hơn tôi đã chết. Tôi nghĩ rằng lúc đó mình chỉ nhúc nhích được một ngón tay phải. Còn hễ ai đụng vào người tôi, tôi đau đớn vì khắp người tôi chỗ nào cũng bầm tím, chịu không nổi. Người ta phải đẩy tôi vào một tấm vải, mỗi người cầm một đầu và khiêng đi.”

Chính trong những ngày đó, thể theo ước nguyện của chị, chị được đưa lại vào tu viện đúng ngày Chúa Nhật Lễ Lá năm 1537. Chị kể lại “Ở đó người ta đã đón nhận một người mà ai cũng nghĩ là đã chết; thân thể người ấy còn tẻ hơn một xác chết nữa... không thể nào tả hết sự yếu đuối của tôi; tôi chỉ còn nắm da bọc xương”.

Suốt 8 tháng sau đó, Têrêxa nằm ở trạm xá của tu viện hoàn toàn tê liệt và bị các cơn đau hành hạ liên tục. Cuối cùng sau khi cơn đau giảm bớt, sau khi chị đã gượng dậy được để lê lết quanh phòng, chị được đưa trả về phòng riêng, nơi đây chị sống thêm ba năm nữa trong tình trạng tê bại từng phần và tiếp tục bị những cơn đau hành hạ. không có dấu hiệu gì là sức khỏe chị sẽ khá hơn. Suốt ba năm đó chị đã sống như một người tàn phế.

Rốt cuộc Têrêxa đã tự giải thoát mình khỏi tầm khống chế đang suy giảm của chứng bệnh. Tuy nhiên, ngay cả lúc này chị vẫn phải chịu đựng đủ thứ đau nhức, mệt mỏi. Chị viết: “Dạ dày tôi yếu đến nỗi suốt 20 năm trời tôi không thể giữ được gì trong bụng cho đến xế chiều. Thật hiếm có những giây phút tôi không bị những cơn đau đủ loại hành hạ.

* * *

Các y sĩ ngày nay có thể đổ lỗi cho nền y học lạc hậu thời Trung Cổ khi nghe các đồng nghiệp của mình vào thế kỷ XVI cho rằng chứng bệnh của Têrêxa là một màu nhiệm, không giải thích được. Vào thời đó các bác sĩ không hiểu chính xác lắm về cơ cấu con người: họ không biết gì về các hormones: không có dụng cụ để đo những tần sóng trong óc, máy ghi điện tâm đồ, hay máy chụp bằng tia X, máy ghi nhận việc trao đổi các chất trong cơ thể và tất cả các phương tiện chẩn bệnh khác, có thể giúp y học hiện đại tìm ra những căn bệnh kín đáo nhất.

Tuy nhiên, cho dù giả như không có phương tiện nào trên đây tạo được hiệu quả mong muốn cho một ca bệnh như của Têrêxa, y học ngày nay vẫn không chịu thua. Bởi vì hễ khi nào không tìm được một nguyên nhân về thể lực thì các bác sĩ sẽ chuyển ca bệnh đó sang khoa tâm thần. Khoa này có thể tìm ra nguyên nhân của cơn bệnh, nơi những xáo trộn về tâm lý. Trong các hồ sơ bệnh lý ở các bệnh viện tâm thần ngày nay, rất nhiều ca bệnh là hậu quả của những tình trạng bị kích động tâm lý đã tạo ra những thay đổi về chức năng và về cơ cấu trong các mô tế bào và các bộ phận của thân thể.

Khoa học ngày nay sẽ tóm tắt những triệu chứng của Têrêxa đại khái như sau: những sự co quắp của chị là sự co rút làm tăng sức khỏe; các bắp thịt bị cứng ngắt là một dạng của bệnh uốn ván; cảm giác nghẹn họng hay khó nuốt là chứng “globus hystericus”; những cơn đau không thể chịu nổi là dấu hiệu của bệnh “hyperesthesia”; những cơn ngắt xỉu thường xuyên là do những xáo trộn thần kinh trong hệ thống tuần hoàn; và cơn bệnh nói chung của chị kéo dài từ hồi dậy thì cho đến lúc trưởng thành là một ví dụ cổ điển cho những rối loạn tâm sinh lý có thể có nơi các phụ nữ từ khi dậy thì cho đến khi tắt kinh. Các bác sĩ có thể không đồng ý với nhau rằng ca bệnh của Têrêxa thuộc về chứng “hysteria” (cuồng loạn) hay là chứng “hystero-epilepsy” (động kinh cuồng loạn). Tuy nhiên phương pháp điều trị cũng đã có sẵn: chữa bằng nước lạnh với các thứ thuốc có chất luminal và dilantin, cộng thêm việc phân tích tâm lý nữa.

Tuy nhiên công việc phân tích bệnh lý vật vờ trên đây sẽ không đánh trúng mục tiêu, vì nó mới chỉ nêu ra tên bệnh chứ chưa định được hiện tượng nằm sau chứng bệnh ấy. Đây là một điều nằm ngoài lãnh vực y học. Một điều rất rõ trong cuộc đời thánh Têrêxa là có sự tùy thuộc lẫn nhau giữa bệnh tật và sức sáng tạo. Đây là một trong những ca không thể dựa vào bệnh tật để giải thích mọi sự. Hiện tượng bệnh lý chỉ làm tăng thêm sự kỳ lạ nơi chị. Chỉ đọc hồ sơ bệnh lý của Têrêxa thôi thì không đủ để xác định bản chất của chị, cũng như khi đọc hồ sơ bệnh lý để giải thích sự vĩ đại của thánh Phaolô, Luther, Môhamét hay Dostoevski.

Một bác sĩ có tiếng hiện nay – bác sĩ Carl Ludwig Schleich – một người nổi tiếng không phải chỉ vì những thành quả đánh dấu một kỷ nguyên mới trong khoa tâm bệnh mà còn vì những khám phá của ông về việc gây mê ở cột sống – là một trong những nhà khoa học hiếm hoi hiện nay nhìn nhận rằng những thuật ngữ y học không thể lượng định đúng những hiện tượng núp đằng sau những triệu chứng của bệnh hysteria (cuồng loạn). Theo ông, “hysteria” chỉ là một biểu hiện tượng trưng cho một cái gì đó có một bản chất không quan sát được. Đó là chứng bệnh cho biết rằng tinh thần nơi người ấy đã làm chủ vật chất, tinh thần đang tìm cách tạo ra một cơ cấu theo hình ảnh của nó. Ở tận gốc của hiện tượng quen gọi là hysteria đó có một hệ thống tư tưởng được hình thành trong tâm trí nhưng lại tác động trên thân xác. Ta chỉ có thể hiểu bản chất thật của bệnh này dựa trên nguyên lý siêu hình có mặt trong hết mọi thụ tạo. Thế giới muôn màu muôn vẻ đã được dựng nên theo một ý tưởng nào đó. Đó là điều có thể quan sát thấy nơi bệnh “hysteria”, nếu có một kính hiển vi cực mạnh đủ sức giúp ta nghiên cứu sự sống và sự tăng trưởng trong thiên nhiên cách sâu sắc hơn khi quan sát bằng mắt trần và bằng cách quen gọi là lương tri lành mạnh.

Nếu khảo sát kỹ lưỡng bệnh tình của Têrêxa, ta sẽ thấy rõ ràng có một nguyên lý cao hơn đang hoạt động trong chứng bệnh đó và hoạt động mạnh tới

mức bệnh tật và sự thánh thiện thỉnh thoảng lại xuất hiện chẳng khác chi hai mặt của cùng một thực tại, cùng có sức sáng tạo như nhau.

Tiểu sử của Têrêxa là một dạng hết sức đặc biệt của một cuộc sống thánh thiện, trong đó đau khổ trở thành phương tiện của sự vĩ đại, bệnh tật trở thành chìa khóa của sự thánh thiện. Những cơn đau xé nát da thịt đã không cho chị hưởng thụ cuộc sống trần tục và hướng tư tưởng của chị vào niềm hoan lạc trên trời. Mà ý chí riêng của chị càng bị mất đi trong những cơn bất tỉnh, ý chí đó càng sẵn sàng để cho ý muốn siêu việt của Thiên Chúa hướng dẫn.

Tuy nhiên, bệnh tật không chỉ đóng vai trò tẩy rửa và đổi đời nơi Têrêxa. Nó còn làm cho giác quan và toàn bộ thân thể của chị trở nên dễ tiếp thu, nhạy cảm và sẵn sàng đi vào những kinh nghiệm siêu giác quan nhiều hơn. Bệnh tật đã chọc thủng tuyến phòng thủ của thân xác và nhờ đó những sức lực cao hơn có thể xâm nhập vào. Chị viết “Đôi khi tôi chợt có cảm giác về sự hiện diện của Thiên Chúa một cách bất ngờ đến nỗi tôi không thể hồ nghi hoặc Ngài đang ở trong tôi hoặc tôi hoàn toàn bị Ngài hút lấy”. Cảm giác ấy cũng ngày càng trở thành sức mạnh quyết định trong cuộc đời Têrêxa và cuối cùng kết tinh thành trạng thái say mê ngây ngất mà không thụ tạo nào có thể dùng những phương thể tự nhiên của mình để đạt tới. Bởi vì trạng thái này nằm ngoài phạm vi của giác quan. Khi sống trong tình trạng đó Têrêxa thấy được những điều mà trí khôn con người không thể nào dò thấu được.

Trong cuốn “Lâu đài nội tâm”, Têrêxa trình bày về sự kiện ấy như sau “Người ta cảm thấy như hoàn toàn được đưa sang một miền đất khác, hoàn toàn không giống gì với miền đất chúng ta đang sống, vì nơi đó có một tia sáng được chiếu lên hoàn toàn khác lạ đến nỗi nếu trong cuộc đời này người ta cố gắng mô tả nó trong tất cả vẻ đẹp của nó thì ở thế giới kia không ai có thể làm chuyện đó được. Trong nháy mắt trí khôn ta học được nhiều điều tới độ nếu có thể để bao

nhieu năm cho trí tưởng tượng và trí khôn liệt kê ra tất cả những điều ấy, chúng cũng không thể liệt kê được hơn một phần ngàn con số đó”.

Têrêxa còn mô tả những cơn ngây ngất đó như sau: “Trong thời gian ấy, dường như có một chuyến bay lên cao đã diễn ra trong tâm hồn, chuyến bay đó đi nhanh bằng tốc độ của một viên đạn bắn ra từ cây súng. Thỉnh thoảng những sức lực nội tâm được ban cho khả năng khuất phục mọi thứ, linh hồn được phú cho khả năng chế ngự thân xác, trời cao làm chủ mặt đất tới độ mọi qui luật của thiên nhiên như phải ngưng lại, trái đất như mất tính hấp dẫn, thân xác như được nâng cao khỏi mặt đất và bay lên trời. Những biến cố phi thường trong tâm hồn ấy được kèm theo bởi những sự kiện lạ lùng trong thân xác; sự bay bổng trong thân xác đi kèm theo sự xuất thần trong linh hồn.

Mọi sự diễn ra ở đây không nằm trong phạm vi của tự nhiên. Thế giới vật chất như dừng lại ở chỗ này. Thời gian biến thành vĩnh cửu, tự nhiên nhường bước cho siêu nhiên. Tuy nhiên tất cả vẫn đang diễn tiến trong không gian và thời gian của vũ trụ. Một nữ tu Cát Minh của thế kỷ 16, sống tại tu viện Nhập Thể ở Avila, đã được đưa lên trời, trong khi thân xác bay bổng trên mặt đất. Cái nghịch lý đã trở thành sự thật. Cuộc sống con người đã trở thành cuộc sống thần linh. Bệnh tật đã cung cấp những sức lực có thể kiểm nghiệm được. Bệnh tật là vực thẳm của khổ đau và chết chóc, nhưng từ những vực thẳm đó thiên nhiên đã nhảy vọt lên được tới cõi siêu nhiên.

Khi bệnh tật đã làm đình chỉ mọi chức năng của sự sống, thì tạm thời một dạng sống mới xuất hiện. Đó là cuộc sống xuất thần được trang bị bằng những năng lực siêu nhiên. Khi mắt phàm đã mù lòa không thấy được ánh sáng vũ trụ vì bệnh tật đã khép mí mắt người đó lại, thì một cặp mắt mới đã được mở ra có thể nhìn thấy ánh sáng của Thiên Chúa. Khi bệnh tật đã làm điếc đôi tai của thân xác thì linh hồn lại bắt đầu có khả năng nghe được những lời vô thanh của Tạo hóa. Khi tình trạng bất tỉnh đã phủ màn che khả năng tri giác của con người thì

bỗng đứng bản chất sâu xa nhất của vạn vật lại được vén cho ta nhận thức. Khi lý trí bị vô hiệu hóa vì bệnh tật thì lúc ấy mặc khải lại bắt đầu tiết lộ những sự thật vượt xa trí khôn. Khi con tim đã ngừng đập theo nhịp điệu của thế giới này thì một con tim mới lại xuất hiện và đập theo nhịp của Thiên Chúa.

Những lần lên cơn đột ngột, những lần di chuyển bất thần từ tình trạng sống sang chỗ chết, đã tập cho thân xác của Têrêxa quen với những cuộc di chuyển từ cuộc sống tự nhiên sang những cuộc xuất thần siêu nhiên. Phục sinh từ cõi chết, một phép lạ vĩ đại, chết rồi sống ở cấp độ cao hơn, tất cả những điều đó đã trở thành sự thật trong lịch sử. Từ “những cái chết nhỏ” của một nữ tu Tây Ban Nha đã khai sinh Têrêxa, vị thánh của những cơn xuất thần.

Khi lên cơn bệnh lần đầu tiên Têrêxa mới chỉ chừng 17 tuổi. Khi được xuất thần lần đầu, chị đã 43 tuổi. Chị đã trải qua vô số lần “chết nhỏ” trước khi chứng kiến bệnh tật kết tinh thành niềm hoan lạc siêu nhiên.

Suốt 25 năm hầu như đau đớn khổ sở liên tục đó, chất thánh thiện của chị dường như chỉ là một tia chớp nhỏ lóe lên trong đêm tối vô tận. Ngay cả khi bừng cháy lên thành ngọn lửa cao, ánh sáng của nó vẫn còn giữ lại một lớp đen đui như vết tích của một chứng bệnh. Những cuộc xuất thần của chị cũng mang những triệu chứng như những cơn bệnh quái ác kia, chỉ khác ở chỗ là chúng diễn ra trong địa hạt siêu nhiên thôi. Những báo cáo của các chứng nhân tận mắt, như của nữ tu lo phòng thánh ở Toledo, đều cho thấy rằng trong những cơn xuất thần Têrêxa cũng không làm chủ được giác quan, mạch của chị ngừng đập, hơi thở mất đi, toàn cơ thể cứng đờ không cử động, tay chân lạnh đi như đã chết.

Cả đời chị hầu như chỉ gồm toàn những ngày đau khổ, những đêm nhức nhối bất động như chết. Ban đầu chị chạy đi tìm giúp đỡ của con người trong cuộc chiến đấu chống lại bệnh tật ấy. Thế nhưng sau một thời gian, chỉ bỏ hết các bài thuốc của các bác sĩ, chỉ cậy vào “vị thuốc của các thánh”, không nhằm diệt trừ cơn bệnh cho bằng biết cách chịu đựng nó.

Gương sáng của những người đau khổ trong Kinh Thánh và hơn nữa, những lời giảng dạy của Đức Kitô trong Tin Mừng “ai không vác thập giá của mình mà bước theo Ta thì không đáng làm môn đệ của Ta”, là những nguồn cổ vũ chị, làm cho những đau khổ của chị mất đi hẳn nọc độc và sức mạnh đe dọa. Chị đã nhận ra rằng những đau khổ đó nằm trong số phận của mình và đã khiêm tốn chấp nhận chúng.

Một nguy hiểm thật sự đáng kể trong cuộc đời Têrêxa không phải là trốn tránh trong phòng bệnh mà là chạy trốn trong phòng khách. Bước đường nên thánh của chị bị cản trở không phải là những cơn đau nhức mà do những trò giải trí tiêu khiển. Không phải khi bệnh mà là lúc bình phục chị mới gặp nguy hiểm: vì lúc đó cánh cửa phòng bệnh được mở ra, bắt chị phải đối diện với thế giới, một vấn đề quyết định.

* * *

Chuyện đó xảy ra vào năm 1540. Sau khi các bác sĩ đã bó tay chịu thua thì Têrêxa lại mau chóng bình phục. Một buổi sáng kia, chị thức giấc và thấy chân tay mình không còn tê bại nữa. Chị đã có thể đứng dậy và bước đi như xưa. Chính chị đã cho rằng bình phục trong một tình cảnh tuyệt vọng như thế là do sức mạnh của việc cầu nguyện. Nhiều nhà khoa học hiện nay, như Alexis Carrell, đã đồng ý rằng sự cầu nguyện chăm chú có thể tích góp được những năng lực có khả năng chữa bệnh, ảnh hưởng lên cơ thể tới mức làm cho những rối loạn về chức năng và những khiếm khuyết của cơ thể biến mất. Các nữ tu ở tu viện Nhập Thể đã đặt Têrêxa nằm ở tu phòng chị như một người tàn phế, đều cho rằng đây là một phép lạ khi thấy chị bước được với họ một cách ung dung thoải mái.

Têrêxa đã quay về với sinh hoạt của tu viện. Chị có thể chu toàn bốn phận

như mọi nữ tu khác, tham gia vào các việc đạo đức chung, hát trong ban thánh ca và ra vào phòng khách. Chị đã trở về cuộc sống, với vòng hào quang trên đầu như của những người đã được Chúa làm phép lạ. Mọi người đều nhớ ngày Chúa Nhật Lễ Lá cách đó ba năm khi Têrêxa bị các bác sĩ cho là đã chết nhưng đã hồi sinh và được khiêng trên một tấm vải qua các đường phố của Avila để về tu viện. Suốt thời gian chị nằm liệt, cả tỉnh Aliva đều quan tâm đến số phận đáng thương của người nữ tu thập tử nhất sinh ấy. Rồi bây giờ người ta lại thấy chị đằng sau màn lưới của phòng khách đi lui đi tới như mọi người, nhờ sức mạnh chữa trị của lời cầu nguyện.

Một phép lạ đã xảy ra trong tu viện Nhập Thể. Người khách nào tới tu viện đều có thể trông thấy tận mắt điều đó, có thể nghe kể về diễn biến phép lạ đó từ chính miệng Têrêxa. Chẳng có gì lạ khi cả tỉnh đổ xô tới tu viện. Họ hàng, bạn bè kéo tới, người tin thì để củng cố thêm niềm tin của mình, người tò mò và hoài nghi thì để phanh phui một sự bịp bợm có thể có. Ở ngoài cổng tu viện lúc nào cũng có những hàng người kiên nhẫn chờ tới lượt mình.

Bà bề trên đã mau chóng nhận ra những nguồn lợi to tát có thể rút ra từ biến cố bất ngờ ấy. Têrêxa là một mẫu gương sống động của đức tin mạnh mẽ. Tu viện Nhập Thể vốn nghèo, nhưng nếu Chúa đã chọn đây để làm phép lạ, hẳn Ngài đã cố ý làm cho trỗi trảng tu viện bằng ân huệ đặc biệt đó. Vào một thời đại mà người giàu thích đầu tư tiền của vào thương mại, thì chỉ có một biến cố phi thường như thế mới hy vọng thu hút họ bỏ thí rộng rãi được. Vì vậy, Têrêxa được khuyến khích và thậm chí còn được lệnh phải thường xuyên có mặt ở phòng khách, dù làm như vậy có thể cản trở các việc đạo đức của chị. Sự tính toán đạo đức này thật đúng, Têrêxa đã trở thành một thứ hàng triển lãm, một nguồn lợi quan trọng cho tu viện Nhập Thể.

Chị thi hành những bổn phận này với thái độ sẵn sàng từng phục và thậm chí còn tỏ ra thỏa mãn với những công việc đó nữa. Tuy nhiên, những mối nghi ngờ

đã từng làm chị hoang mang trong thời kỳ tật sinh nay lại chỗi dậy, nhắc nhở chị một cách mạnh mẽ hơn bao giờ hết rằng thế giới một lần nữa đang giăng bẫy chị. Trong phòng khách lúc nào chung quanh chị cũng có những người chỉ ngạc nhiên trước sự bình phục kỳ lạ của chị, chứ không nghĩ xa hơn về phép lạ vô hình là những thị kiến dồn dập đến với tu phòng tĩnh mịch của chị.

Kinh nghiệm về sự thánh thiện trong nội tâm đang phải tranh đua với cuộc sống bên ngoài của chị ở phòng khách. Phép lạ khôn tả, vô hình – mà chỉ có Chúa biết – đang cạnh tranh với phép lạ khả dĩ mô tả và trông thấy được, là sự bình phục của chị. Rõ ràng là sớm muộn gì người nữ tu thần bí trong căn phòng tĩnh mịch kia sẽ phải đấu tranh với sự lôi cuốn của việc xuất hiện trong phòng khách. Chỉ cần một tác nhân bên ngoài, một đòn ma quỷ của định mệnh là tình hình căng thẳng đó sẽ bùng nổ.

Sức mạnh thu hút dân chúng Avila tới phòng khách tu viện – một sự lôi cuốn không hề phai nhạt hay suy giảm còn là sắc đẹp tự nhiên của Têrêxa, chỉ tăng thêm chứ không giảm đi với những bệnh tật của chị. Nụ cười nhẹ nhàng – nụ cười chung của một thiếu nữ 22 tuổi và của thiên thần – vẻ duyên dáng thanh thoát của những lời nói quyến rũ – kết quả của trí tuệ con người cộng với kinh nghiệm siêu phàm của một tâm hồn đã đi vào cái chết – tất cả những nét đó đem lại khoái cảm cho mọi người đến thăm chị. Trong tất cả những nét hấp dẫn ấy có ẩn dấu một chút khiêu khích khiến cho phòng khách của tu viện trở thành nơi hẹn hò của Têrêxa và xã hội Avila.

Thế nhưng không phải là chị không trả một giá đắt cho sắc đẹp ấy. Ai thích làm hài lòng người khác sẽ tìm được thú vị trong việc ấy. Ban đầu Têrêxa chỉ vào phòng khách vì vâng lời. Thế nhưng sau một thời gian chị vào đó vì thấy không thể không chiều theo khoái cảm khi được mọi người ngưỡng mộ. Trong phòng khách chị chỉ làm nô tì cho thế giới, không những thể hiện lời khấn vâng phục, mà vì còn tìm được khoan khoái cho mình nữa. Thế nhưng chính lúc đó thế giới

với những biến cố, bộ dạng và kinh nghiệm của nó, đã lộ rõ khuôn mặt tương phản hoàn toàn của nó với những gì được mặc khải cho chị trong căn buồng khuất mắt của tu viện.

Trước đây chưa bao giờ chị xỏ hết tài ăn nói chỉ về những chuyện trần gian như thế. Chưa bao giờ buổi nói chuyện của chị chỉ xoay quanh những biến cố trần gian hỗn loạn và phù du như thế. Hầu như không có ngày nào trôi qua mà chị lại không nghe kể về một biến cố lạ lùng nào đó. Dân chúng lúc nào cũng sống trong lòng căng thẳng và nhịp độ câu chuyện của họ cũng vội vàng như nhịp độ của cuộc sống vậy. Đã có lúc chị tỏ lòng thán phục và ngạc nhiên khi nghe kể về một định luật vũ trụ mới được khám phá. Rồi óc tưởng tượng của chị lại bị khuấy động khi nghe tin mới có một con tàu chở đầy vàng về tới thành phố Sevilla. Hết chuyện một bài thơ thần bí nói về cuộc khổ nạn của Đức Kitô mới xuất bản, đến chuyện một trái cam do một người khác mang theo và chuyển nó cho mọi người trong phòng ngắm nghĩa như một vật lạ dễ thương. Hết chuyện nam phụ lão ấu hội họp nghe một phán quyết mới đây của Tòa Điều Tra đến những chuyện phiếm về thành phố. Từ những chuyện mạo hiểm xa xôi đến vấn đề tình yêu lý tưởng, từ chuyện mới vào nghề của một anh hề vui nhộn đến những đề tài hay ho trong ngày... Đám người tới tu viện Nhập Thể hết bàn tới chuyện này sang chuyện khác, chẳng có ý nghĩa gì, cũng chẳng cần liên tục chi. Những hình thức thảo luận của ngày nay đã thực sự phát triển trong thế kỷ 16 thời đó.

Thời đại của Têrêxa đã tạo điều kiện cho những kiểu trò chuyện hời hợt, phớt từ vấn đề này sang vấn đề khác. Người ta trao đổi chuyện trò không phải để làm sáng tỏ hay xây dựng nhưng chỉ để tìm giải khuây trong sự đa dạng của cuộc sống.

Đang khi đó, trong căn phòng riêng mình, Têrêxa vẫn xin cho được chiêm ngắm Chúa, tập trung vào một bản thể duy nhất của Ngài.

Càng được nhiều thị kiến thần bí, Têrêxa càng thấy giữa con người được Chúa chọn với con người bày ra cho đám người ô hợp ngấm nghĩa không phải chỉ có sự khác nhau về cấp độ. Từ tu phòng riêng của chị đến phòng khách chỉ cách nhau mấy bậc cầu thang. Ngày ngày Têrêxa phải bước xuống cầu thang ấy. Thế nhưng ngày này sang ngày khác, Têrêxa càng thấy khoảng cách ấy lớn dần, cho tới khi trở thành những vực thẳm ngăn chia trời với đất. Trong tu phòng mình Têrêxa ngồi như một thiên thần trên trời trò chuyện với Chúa trong thinh lặng, và khi đi xuống phòng khách chị chẳng khác nào một thiên thần sa đọa. Như một thiên thần sa đọa, chị háo hức lắng nghe tin tức của thế giới và sôi nổi tham gia những cuộc chuyện trò vô bổ ở phòng khách tu viện.

Thiên Chúa không muốn để mất người nữ tu ấy, nhưng Ngài rất kiên nhẫn. Khi Têrêxa trở về căn buồng yên tĩnh của mình thì cửa trời lại mở ra, chị lại hứa với lòng mình là sẽ không bao giờ xuống phòng khách nữa. Thế nhưng khi đồng hồ điểm giờ của thế gian chị lại ngoan ngoãn đi xuống.

Nửa muốn nửa không, nửa biết nửa không, chị đang sống trong tình cảnh vừa vô tội vừa có tội. Tài năng và tính tình giúp chị nói chuyện rất có duyên. Chị thích hỏi và thích nghe. Chị trả lời rất nhanh nhẹn, chị nắm được nghệ thuật: Lấy ra một điểm nổi bật và biến thành câu chuyện hay để làm vui mọi người. Chị thu hút và bị thu hút, được yêu và yêu mọi người. Càng lui tới phòng khách nhiều chị càng đi sâu vào lề thói của thế giới. Chị đã trở thành nạn nhân của những lời văn hoa bóng bẩy.

Khi ý thức được những nguy hiểm đang đe dọa cao vọng của mình, chị đã sợ và tìm cách chạy trốn. Thế nhưng chị lại thất bại. “Một đàng Chúa gọi tôi, nhưng đàng khác tôi vẫn chạy theo thế gian. Tôi muốn kết hợp hai thái cực ấy: cuộc sống tâm linh và những niềm vui của nó với cuộc sống giác quan và những khoái lạc của nó”. Đến khi nhận ra hai thái cực này không thể dung hòa được, chị quyết định chọn...thế gian.

Một người đã kiên định trong đau khổ, dằn vặt, một người mà không một bệnh tật nào làm nhụt chí trong khi theo đuổi những mục đích thánh thiện, nay đã phát cờ đầu hàng những thú vui của thế gian. Giờ cầu nguyện tâm linh, sự kết hợp với Chúa, chiêm niệm trong tĩnh lặng, những thị kiến thần bí, nghĩa là tất cả những gì Thiên Chúa đã ban cho chị, giờ đây chị quyết định hy sinh tất cả để đổi lấy thế gian.

Vì sống trong tình trạng vô vọng không được ai giúp đỡ, và vì muốn giữ thái độ khiêm nhường đạo đức, nên chị đã quyết định lạ lùng như thế. “Lúc đó tâm hồn tôi bị dao động đến điên lên vì những thói kiêu căng giả trá mà tôi đã xấu hổ không dám lòi ra trước mặt Chúa trong những khi sống thân mật với Ngài, như khi cầu nguyện chẳng hạn.” Quyết định của chị là một thứ hình phạt chị tự đặt ra cho mình. Vị thánh đã cướp mất ơn thánh nơi người nữ tu.

Têrêxa bỏ việc cầu nguyện. Chúa hình như không còn ở trong phòng chị nữa. Ngài không còn cho chị một mặc khải nào thêm nữa. chị chỉ tham dự những việc đạo đức chung dự lễ, hát thánh ca và trò chuyện ở phòng khách. Chị đã sống cuộc sống hằng ngày tẻ nhạt như bao nữ tu khác – chỉ có điều là chị chưa bị ngụp lặn trong đó.

Chị đã được tiền định để trở thành thánh. Định mệnh có sức mạnh đến nỗi có thể rẽ một khúc quanh nhưng không bao giờ để mất mục tiêu của mình, định mệnh sẽ đi qua đêm tối ấy một cách sáng suốt để tới chỗ hoàn thành.

* * *

Sau một năm rưỡi rời bỏ tâm nguyện, Têrêxa nhận được tin cha chết. Bên giường cha, chị gặp một tu sĩ dòng Đa Minh là Vincente de Barrone. Vị này luôn là cha giải tội của ông Alonso cho tới phút cuối. Sự tín nhiệm mà người cha quá cố của chị đã dành cho vị linh hướng khôn ngoan, đầy kinh nghiệm này là một

phần di sản ông để lại cho Têrêxa. Quả thế, ngay bên quan tài cha, chị đã tiến lại với tu sĩ đó và thổ lộ tất cả những lo lắng của tâm hồn ngang bướng. Chị cho biết chị đã bỏ cầu nguyện thế nào, động lực nào đã xui chị làm vậy, chị thổ lộ hết, không giấu điều gì, ngay cả một tư tưởng tội lỗi thoáng qua.

Đó là cuộc xưng tội của một thánh nhân. Tu sĩ Đa Minh này chỉ nhìn chị như một nữ tu dòng kín đang sám hối, không nhận ra nơi những lời tự thú của chị một dấu vết tội lỗi nào. Ông cho rằng những cuộc thăm viếng ở phòng khách chẳng qua là để đi đúng với một qui định của tu viện, đã được luật dòng châm chước. Những buổi chuyện trò qua song cửa phòng khách chỉ là một hình thức giải trí không vi phạm tới một luật lệ nào. Ông trấn an Têrêxa, ban phép giải tội và khuyến khích chị thực hành việc cầu nguyện lại.

Vị tu sĩ tốt lành ở Avila này vì không thấy xa hơn xứ đạo của mình nên đã không nắm được cuộc xung đột đang diễn ra trong tâm hồn Têrêxa. Tuy vậy, lời khuyên của ông cũng đóng vai trò quyết định trong việc nên thánh của chị sau này.

Về sau, Têrêxa mô tả thời gian bỏ cầu nguyện đó là thời gian khổ nhất trong đời chị. Khi nghe cha Barrone khuyên thực hành lại việc kết hợp thầm lặng với Chúa, Têrêxa cảm thấy được an ủi rất nhiều, vì trong cuộc lưu đày tự đặt cho mình lúc nào chị cũng bị dày vò bởi nỗi nhớ nhung thiên đàng. Thế nhưng, niềm vui nhận được do phép xá giải ấy không phải là không kéo theo những dày vò khổ sở khác. Khi thực hành việc tâm nguyện trở lại, chị cũng lại thấy những thị kiến thần bí, nhưng cùng một lúc và một cách hết sức tự nhiên chị cũng thấy cả Những sự ray rứt lương tâm trước đây của mình. Bây giờ, khi hạnh phúc thần linh mà chị bỏ đi trở về lại thì chị lại đau đớn nhận ra sự trái ngược giữa phòng khách và căn buồng nhỏ của chị hơn bao giờ hết. Một người chưa bao giờ thấy Chúa như Barron có thể đã không thấy gì tai hại trong việc Têrêxa ngồi tiếp khách. Thế nhưng một người được Chúa chọn, một người đã tiếp xúc thẳng với

Chúa, hẳn đã cảm thấy hết rằng không thể nào dung hòa hai thế giới đó. “Tôi đau khổ rất nhiều khi cầu nguyện, vì tinh thần tôi vẫn bị nô lệ chứ chưa làm chủ, đến nỗi không thể rút vào nội tâm mà đồng thời không kéo theo luôn cả ngàn thứ hư danh thế tục kia.”

Trong cơn hấp hối tinh thần đó, chị đã đi gặp hết cha giải tội này đến cha giải tội khác. Tất cả đều lắng nghe chị với tâm tình của một người cha nhân ái, nhưng chẳng ai hiểu chị, vì những gì Têrêxa cảm thấy là tội thì Hội Thánh lúc đó lại không kể vào danh sách các tội. Tội này nằm ngoài nhân quan của luật pháp. Định mệnh muốn chị sống nghiêm nhặt hơn cả luật dòng, thánh thiện hơn cả Hội Thánh, đạo đức hơn cả người đạo đức nhất trong các người đạo đức.

Lương tâm của chị còn nhạy bén hơn lương tâm của các cha giải tội nữa. Lương tâm ấy đang thống hối ăn năn, nhưng chỉ những ai được ơn tập trung chú ý để sáng tạo và biết thế nào là tội chống lại tinh thần, tội chia trí, những vị thánh như Bênađô – vị thánh chiêm niệm, hay như Eckart, bậc thầy về thần bí – mới hiểu được. Cả những người như Newton cũng có thể có kinh nghiệm đó, như ông đã thú nhận mình khám phá được định luật hấp dẫn vạn vật là nhờ quen chống trả những cơn cám dỗ chia trí. Têrêxa đành phải độc hành trên con đường của mình vì không được ai hiểu, kể cả những người xuất sắc nhất trong giới Kitô hữu thời đó.

Tuy nhiên, hiện giờ ý muốn đoạn tuyệt với phòng khách chưa đủ mạnh nơi chị. Ý chí con người và những sức mạnh của nó chưa ăn thua gì. Có thể chị đã tiếp tục bước đi, hết vấp ngã lại chỗi dậy, cho đến khi “rơi thẳng vào hỏa ngục” như chính chị đã nói, nếu không nhờ cầu nguyện trong thinh lặng và nhờ những kinh nghiệm thần bí bổ túc những gì mà ý chí con người dù mạnh đến đâu cũng không làm được. Nhờ vậy sức mạnh tâm linh của chị càng lúc càng tăng. Nó trở thành như một bản năng, một sức sống, đóng vai trò còn quan trọng hơn ý chí

trong đời chị và cuối cùng đã uốn nắn lại toàn bộ cuộc sống và định mệnh của chị.

Một ngày kia, chuông đồng hồ tu viện điểm giờ tiếp khách. Lần này nữ tu Têrêxa cảm thấy bị mời gọi mãnh liệt hơn bao giờ hết để bước ra khỏi phòng và bước xuống thế giới trần tục, bởi vì một người mà chị rất mong gặp đang chờ chị ở đó. Tình yêu tha nhân pha lẫn những yếu đuối của nó là đặc tính chung của mọi tình yêu nơi con người. Chị đã để mắt tới “một người kia” trong số khách của chị, và thích trò chuyện với người đàn ông ấy hơn mọi người. Khi chuông đồng hồ điểm, Têrêxa rời tu phòng, bỏ trời cao và Thiên Chúa, vội vàng xuống nhà khách nơi người chị ưu ái đang nóng ruột chờ đợi.

Chị đang say sưa trò chuyện với ông ta về những điều vô hại, say sưa tới mức quên hết mọi thứ chung quanh, thì thành linh chị như hụt hơi khi thấy ngay bên cạnh người khách ấy có khuôn mặt vô hình của Đấng thường tới thăm chị trong tu phòng cô tịch kia. Chị thú nhận “Tôi ngạc nhiên và hoảng hốt”. Thiên Chúa hiện thân nơi Đấng Cứu Thế, đã theo chị vào phòng khách. Chị nói tiếp: “Đức Kitô đến trước mặt tôi nghiêm nghị và trịnh trọng, khiến tôi hiểu rằng trong cách sống của tôi có điều gì phật ý Ngài. Tôi nhìn Ngài bằng cặp mắt của linh hồn, nhưng còn rõ hơn là nếu tôi có thể nhìn Ngài bằng cặp mắt xác thịt”.

“Anh chàng được lọt mắt xanh” kia vẫn tiếp tục trò chuyện, như bị lóa mắt bởi những thú vui thế gian. Thế nhưng Têrêxa không đáp lời. Chị bối rối khi quan sát vị khách thiên quốc kia cứ tiếp tục im lặng để cho ông khách trần gian này tiếp tục nói. Một người nhìn chị với hết lòng ngưỡng mộ xu nịnh, còn vị kia nhìn chị nghiêm khắc, ánh mắt như trách móc chị, làm chị không thể để ý đến chi khác. Đôi tai cặp mắt Têrêxa chưa bao giờ chú ý như thế, quên bằng ông khách đang thao thao bất tuyệt kia. Ông tin chắc rằng hôm nay cô nữ tu Têrêxa trong sạch đẹp đẽ kia sẽ bị khuất phục bởi sự duyên dáng tuấn tú của mình. Thế nhưng bây giờ ông bỗng thấy mình như đang phải đối diện với một nữ tu mất

trí, mắt nhìn vào quăng không chứ chẳng nhìn vào mình, không trả lời các câu hỏi của mình mà cứ đứng chết ra đấy, tuy ngăn cách với mình bằng hàng rào che của phòng khách nhưng như đang nói chuyện với không khí, như không trò chuyện với ai hết. Anh ra về, lòng ê chề thất vọng. Têrêxa không nhìn anh bỏ đi. Đến giờ tiếp khách qua, chị vẫn đứng yên đằng sau hàng rào, trong hư không, người cứng ngắc và bất động.

Các nữ tu vốn biết bệnh của chị nên nghĩ rằng chị đang lên cơn trở lại. Họ đưa chị về phòng và đặt chị lên giường.

Biến cố này chỉ kéo dài một giờ đồng hồ vào buổi chiều một ngày trong năm 1542, nhưng đó là cả một thiên thu vô tận. Têrêxa mau chóng tỉnh dậy và trong nháy mắt chị thấy như mọi việc trong tu viện vẫn diễn ra bình thường.

Ngay từ đầu ta thấy sách vở đóng vai trò của những cột mốc trên con đường tiến về Chúa của chị. Nhờ một cuốn sách mà cô thiếu nữ mắc cạn trong thú vui cuộc đời đã thấy được con đường dẫn đến tu viện. Cũng nhờ một cuốn sách mà người nữ tu rơi vào những việc đạo đức hình thức đã tìm ra con đường chiêm niệm. Nhờ một cuốn sách mà một bệnh nhân kinh niên đã thấy được con đường cứu độ bằng sự kiên nhẫn chịu đựng như Gióp. Bây giờ lại một cuốn nữa dẫn dắt chị. Tình cờ chị đọc được tập “Tự thú” của Thánh Âu Tinh và như sau này chị cho biết, lúc đó chị cảm thấy như đang thấy chính con người của mình. Âu Tinh đã tàn ngăn và lơ đảng bước trên đường dẫn về Chúa nhưng cuối cùng đã tới nơi, Têrêxa thấy đó cũng là định mệnh của mình.

Con đường định mệnh ấy đã đưa chị đi qua một cột nhà trong nội cấm có treo ảnh Chúa Cứu Thế đội mũ gai. Bà bề trên đã cho treo ảnh đó để chị em tưởng nhớ cuộc khổ nạn của Chúa trong những ngày chuẩn bị lễ Phục sinh này. Têrêxa đang bước đi bên cạnh 130 nữ tu viện Nhập Thể để tới nhà nguyện tham dự Thánh Lễ. Khi đoàn người đi tới cột nhà có treo ảnh Con Thiên Chúa chịu khổ nạn, ai cũng nhìn lên đó bụi ngùi xúc động và làm dấu Thánh Giá. Thế

nhưng bất thần họ phải dừng lại vì Têrêxa đã bước ra khỏi hàng quỳ xuống trước ảnh và bật khóc nức nở. Các chị em tìm cách an ủi chị và đưa chị trở lại hàng. Thế nhưng Têrêxa lúc ấy như hoàn toàn “xuất thần”. Chị đang thấy những điều mà không chị em nào thấy được: không phải bức ảnh mà là chính Chúa Cứu Thế trong tất cả thần tính của Ngài. Chỉ cách chị vài bước, Ngài đang chịu chết để cứu độ nhân loại.

Têrêxa quỳ xuống trước mặt Chúa khóc lóc cho sự phản bội hằng ngày của mình. Nỗi xấu hổ, lòng tự thú và niềm ăn năn thống hối như hòa lẫn trong dòng nước mắt tuôn đổ không ngừng trên mặt chị. Chị viết “Chính cảnh tượng đó làm tôi xúc động đến nỗi tim tôi như tan nát. Tôi đã đền đáp những vết thương của Ngài một cách như vậy sao?”

Các nữ tu khác chỉ thấy đấy là sự lên cơn bệnh hoạn của chị. Thế là họ tiếp tục bước, còn vị thánh chúng ta được đưa đi chỗ khác.

* * *

Hầu như tất cả những ai đến với ơn Chúa đều phải đi qua “cổng sám hối tâm tối”. Thánh Âu Tinh cũng như Têrêxa, đã khóc nức nở khi bước qua cổng ấy.

Đối với các nhà thần bí, sám hối là một cuộc tái sinh để bước vào một thế giới cao hơn. Như đứa trẻ sơ sinh đón chào thế giới bằng tiếng khóc, những người tái sinh trong Thần Khí cũng đón chào ánh sáng của Thiên Quốc bằng nước mắt.

Sau khi được tái sinh trong ăn năn sám hối, một buổi sáng nọ vào năm 1558 Têrêxa quỳ bên cạnh các nữ tu khác say sưa cầu nguyện trong nhà nguyện của tu viện. Các nữ tu đang hát thánh ca “*Veni Creator*”. Cùng với họ Têrêxa cũng hát “Xin Chúa Thánh Thần sáng tạo ngự đến”. Thế nhưng giọng hát của chị đang rung lên với niềm ăn năn sám hối trần thế. Đấng Tạo Hóa nghe thấy hết mọi sự

hắn đang nghe bài ca của các nữ tu, và trong số những giọng ca ấy Ngài đang nghe thấy giọng của Têrêxa. Tuy nhiên trong giọng ca này Chúa đang nghe thấy lời thống hối ăn năn. Vượt qua bao tầng trời, bao thế kỷ. Ngài đang nghe tiếng kêu của chị. Ngài đã trả lời, đã bước vào thời gian, bước xuống địa cầu, tới ngôi nhà nguyện bé nhỏ của tu viện Nhập Thể ở Avila. Ngài đã giải thoát linh hồn Têrêxa khỏi thân xác, đưa nó ra khỏi nhà nguyện, khỏi trần gian, dẫn về tới quê nhà của linh hồn trong thiên quốc và cho linh hồn từ trên cao đó nhìn xuống cuộc sống trần gian. Địa cầu ấy, cuộc sống ấy sao mà bé nhỏ, ngắn ngủi thế, và phòng khách của tu viện càng mong manh bé nhỏ hơn. Đang khi linh hồn nghe có tiếng nói “Ta sẽ không cho con nói chuyện với thiên hạ nữa nhưng chỉ với các thiên thần thôi!”.

Dù thân xác Têrêxa với đầy đủ mọi chức năng, bộ phận và giác quan vẫn còn nguyên vẹn dưới đất này đang khi linh hồn được nâng lên trời, chị đã nghe được những lời nói ấy còn rõ rệt hơn khi tai chị nghe những lời người trần nói, chị còn thấy và nhận ra một cách chắc chắn hơn cả khi mắt trần hay thị giác nhìn sự vật, chị thấy và nhận ra chính Chúa đang nói với chị.

Bao lâu linh hồn chị còn ràng buộc với thân thể vật chất này, chị vẫn phải chịu những sự yếu đuối và mơ hồ tự nhiên của con người. Thế nhưng riêng trong lúc này, khi linh hồn đã được giải thoát khỏi thân xác, những ràng buộc của vật chất và những yếu đuối tự nhiên của nó bỗng biến mất. Chính Chúa đã đứng ra hướng dẫn chị, vì không có tội tở nào của Ngài nơi trần gian, không có linh mục hay cha giải tội nào có thể giúp chị làm điều đó, dù chị thiết tha cần đến. Trong những giây phút xuất thần đó, định mệnh của Têrêxa kể đã rõ.

Sau đó linh hồn trở về với thân xác, Têrêxa trở về với không gian và thời gian, về với ngôi nhà nguyện của tu viện, trở về với buổi sáng của một ngày trong năm 1558, và mọi giác quan được trả lại cho chị. Chỉ có một điều Thiên Chúa giữ lại trên trời, đó là ý chí của chị. Tuy nhiên, ý chí này vẫn tiếp tục hoạt

động trong con người xác thịt của chị ở trần gian. Chị viết: “Kể từ hôm đó, quyết từ bỏ mọi sự vì Ngài trở thành một mối quyết tâm vững chãi không thể lay chuyển được”. Chính chị đã chia đời chị thành hai thời kỳ, thời kỳ của chị và thời kỳ của Chúa. Thời kỳ của Chúa bắt đầu từ hôm nay và bắt đầu trong sự tử đạo. Hội thánh bị vướng mắc vào những chuyện trần thế đã tạo ra con Đường Thương Đau cho chị.

Lòng tràn ngập niềm vui, chị vội vã đi gặp cha giải tội là Fray Gaspar Daza. Chị đã thấy Chúa tể của Hội Thánh và đã nghe tiếng Ngài còn rõ ràng và trung thực hơn mọi sự chị có thể thấy và nghe trên thế giới này. Thế nhưng cha giải tội đã nhìn chị với cặp mắt nghi ngờ và đã nghiêm nghị bảo chị “Ma quỷ đã đánh lừa giác quan của con đấy”. Rồi với tất cả uy quyền của chức vụ đại diện Thiên Chúa trên trần gian, ngài đã ra lệnh cho chị phải cương quyết chống lại các cuộc thăm viếng linh thiêng đó.

Người nữ tu đạo đức của chúng ta cố gắng vâng theo. Thế nhưng Thiên Chúa mạnh hơn cả mệnh lệnh của Cha Daza. Vì thế khi tới tòa giải tội lần sau đó, chị phải run sợ và thú nhận rằng “Chúa lại đến gặp con”. Sững sờ và hoảng hốt trước sự cố chấp của ma quỷ – hẳn đã dốc tâm đến ở hẳn trong linh hồn của một nữ tu thuộc xứ đạo của Ngài – nên cha Daza đã phẫn nộ quyết định không bao giờ ngời giải tội cho nạn nhân của những mưu mô ma quỷ ấy nữa.

Linh mục Fray Gaspar Daza đúng là một viên chức của Hội Thánh đầy lương tâm, muốn giữ trật tự trong các việc thuộc về Thiên Chúa. Theo quan điểm của Ngài, các mặc khải của Thiên Chúa đã được xác định dứt khoát cho các nghị phụ tại Công Đồng và Hội Thánh đã khai triển xong qua các tín điều và giáo lý. Chẳng lẽ Thiên Chúa bỗng dưng đánh đổ cả một truyền thống đã ổn định để đưa ra một sự mặc khải ngoại lệ? Chẳng lẽ để làm việc này Thiên Chúa chọn một nữ tu Cát Minh bệnh hoạn? Toàn bộ sự việc giống như một trò quảng cáo đánh lừa đó, ma quỷ bày ra để làm phương hại tới đức tin.

Thế nhưng chính khi bị vị chủ chăn xuất chúng ấy từ chối giải tội, Têrêxa đã phải hứng chịu nhiều hiệu quả nặng nề. Hầu hết các chị em trong nhà và cả các bạn thân của chị trước đây đều xa lánh chị. Trước đây hay được vuốt ve nịnh hót thì nay phải bị xa lánh, chỉ còn rất ít người trung thành với chị. Chắc hẳn chị đã bị liên lụy với Tòa điều tra tôn giáo, nếu lúc đó các môn đệ của Inhaxiô không đến Avila lập cư ở tu viện San Gil và sẵn sàng đứng ra bảo vệ chị.

Dòng Tên thấm nhuần một phương pháp hiểu biết và hướng dẫn con người hoàn toàn khác. Thánh Inhaxiô, vị sáng lập ra tinh thần đó, và các cha giải tội dòng Tên đều là những chuyên viên tâm lý. Chính Inhaxiô hồi còn ở Manresa đã nhiều lần gặp thị kiến. Ngài đã dạy họ rằng những thị kiến không phải là đặc ân chỉ dành cho các thánh trong thời xa xưa, nhưng Thiên Chúa có thể ban ơn ấy cho bất cứ ai vào bất cứ thời đại nào. Tuy nhiên, Inhaxiô vừa có những thị kiến về Đức Kitô như Têrêxa vừa thỉnh thoảng bị ma quỷ đánh lừa. Để nhận biết thật với hư ngài đã nghĩ ra một hệ thống hoàn chỉnh để kiểm soát và đã ghi lại trong tập “Linh thao”. Những ai biết áp dụng đúng đắn bài tập này sẽ thấy đây là phương pháp trắc nghiệm đáng tin cậy hơn hết.

Các cha dòng Tên tiếp xúc với Têrêxa không hề sợ hay mang một thiên kiến nào. Dù chị chỉ là một người bệnh hoạn cùng thời, nhưng đối với các ngài như thế không có nghĩa là Thiên Chúa không thể hiện ra với chị trong hình dáng của Đấng Cứu Thế, và muốn biết những thị kiến của chị có thật hay không thì chỉ cần trắc nghiệm sẽ rõ.

Cha Diego de Centitas, cha Juan de Padranos và một cha dòng Tên khác đã thay nhau giúp Têrêxa qua những bài tập linh thao và thay nhau nghĩ ra những trắc nghiệm mới để kiểm soát. Các linh mục đáng kính này càng thêm hăng hái nhờ lòng quan tâm đầy nhân hậu của Cha Bê trên tổng quyền mới là Phanxicô Borgia, trước là quận công xứ Candia. Một người đã được ban nhiều ơn Chúa

như Ngài, chỉ cần nói chuyện một lần với Têrêxa là đủ để tin rằng những thị kiến của chị là trung thực và linh thiêng.

Đang khi đó các vị đại diện lâu đời của Hội Thánh, theo dõi công việc của các tu sĩ dòng Tê-n mới đến Avila với cặp mắt nghi ngờ. Thậm chí các vị ấy còn thuyết phục bà Bê trên tu viện Nhập Thể không cho các cha giải tội dòng Tê-n vào nhà dòng. Thế nhưng chính lúc ấy một phu nhân nổi tiếng và giàu có là bà Giuomir de Ulloa, một người bạn chí thân của Têrêxa và là một mạnh thường quân của tu viện Nhập Thể, đã đến can thiệp và cuối cùng đã xin phép đưa Têrêxa về sống ở nhà mình một thời gian, thế là các cha dòng Tê-n được tự do lui tới gặp chị.

Lúc này cha Baltasar Alvarez chịu trách nhiệm linh hướng chị. Nhiệm vụ của Ngài là hoàn thành công việc điều tra trường hợp đặc biệt của chị. Linh mục Baltasar Alvares mới 24 tuổi và vừa được chịu chức. Dù trẻ nhưng ngài chính là niềm tự hào của tỉnh dòng Castill chủ yếu là nhờ kiến thức uyên bác, sự minh mẫn sáng suốt và đời sống nhiệm nhặt của ngài.

Têrêxa phải đau khổ rất nhiều dưới sự hướng dẫn của ngài, chị đã phải đau đớn thi hành những biện pháp khổ chế do ngài đặt ra. Vị linh mục trẻ này rất gắt gao trong những câu hỏi và yêu sách của mình, đến nỗi người nữ tu đứng tuổi yếu ớt kia đã thấy khó lòng theo kịp ngài. Sau này chị viết: “Ngài định đoạt mọi việc của linh hồn tôi và làm tôi không bao giờ ngủ yên cả. Tuy nhiên chính ngài đã làm ích cho tôi nhiều hơn hết”. Rồi chị viết thêm với giọng dí dỏm cố hữu của mình “Tôi rất yêu mến cha Alvarez, dù ngài khó tính”.

Cũng trong thời này Têrêxa được rất nhiều thị kiến. Có lần Đức Kitô phục sinh hiện ra với chị dưới hình thức một con người chí thánh, đẹp đẽ và uy hùng. Rồi Ngài lại trở nên vô hình, đến nỗi cả con mắt linh hồn cũng không nhận ra, nhưng Têrêxa thì tin chắc rằng Ngài vẫn đang có mặt. Thỉnh thoảng chị thấy Thiên Chúa Ba Ngôi, rồi một đoàn thiên thần. Hết thị kiến này tới thị kiến khác.

Rồi sau một thời gian các thị kiến không còn đến từng lúc nữa mà là kéo dài liên tục. Chị đã sống nhiều ngày nhiều tuần trong trạng thái ngây ngất chiêm ngưỡng. Chị cảm thấy ung dung thoải mái trong thế giới bên kia như mọi người đang thư thái ở thế giới bên này. Những biến cố bên đó xảy đến với chị cũng thật như những biến cố xảy đến với ta ở đây vậy.

Khi chị kể lại cho cha Alvarez những thị kiến đó, ngài như bị lôi cuốn theo và phải nhắc đi nhắc lại với mình rằng không được quên nhiệm vụ xem xét điều tra. Từ đầu ngài đã tin rằng những thị kiến ấy có tính cách thần linh, nhưng vì phải cung cấp bằng chứng nên ngài đã phải không ngừng nghĩ ra những cách thế trắc nghiệm mới.

Để loại bỏ nguy cơ bị đánh lừa, ngài đã áp dụng các bài tập linh thao một cách dõ dặt vào đời sống tâm linh của chị. Ngài lấy đi mọi thứ sách đạo đức, vì muốn cho chắc rằng những thị kiến của chị không phải là sản phẩm của óc tưởng tượng đã được các sách vở này kích thích. Trong những ngài chay kiêng tâm linh đó, Têrêxa đã phải qua những cơn thèm khát và thiếu thốn sự nâng đỡ. Đến một ngày kia Chúa hiện ra và bảo chị “Con đừng buồn, Ta sẽ cho con một pho sách sống”.

Để xiết chặt kỷ luật tâm linh nhiều hơn nữa, Alvarez đã đi tới mức cấm Têrêxa cầu nguyện thầm. Lúc này Chúa hiện ra và phần nộ bảo Têrêxa “Thế này là độc tài quá rồi”.

Hai thị kiến vừa nói đã tác động lên Alvarez tới mức ngài quyết định rằng đã đến lúc phải kết thúc cuộc điều tra cận kề đó. Thế nhưng ngay lúc ấy, một xì căng đan nổ ra ở Avila. Những thị kiến của Têrêxa đã trở thành đề tài trò chuyện trong thành phố, và cả tỉnh chia thành hai phe. Một phe coi Têrêxa là thánh, phe kia – phe đa số – coi chị là kẻ lừa bịp và đánh lừa cha giải tội và cần phải đưa tới tòa điều tra. Các địch thủ của chị còn đi tới mức so sánh chị với Mađalêna Thánh Giá, “người mơ mộng có tiếng của thành Cordoba” đã đánh lừa

cả Tòa điều tra và Nữ hoàng, cuối cùng bị lột mặt nạ, bị điệu ra trước tòa trong tình trạng thảm hại, dây quần chung quanh cổ và nển cầm trên tay đi ra pháp trường.

Khi quay lại tòa giải tội, Têrêxa kể cho cha Alvarez nghe một thị kiến, trong đó Chúa hiện ra trong dáng vô hình. Alvarez nhìn chị bán tính bán nghi. Thế nào là dáng vô hình? Tiếng đồn trong thành phố, trường hợp đáng nhớ của Mađalêna Thánh Giá, sự đe dọa của Tòa điều tra, tất cả đè nặng trên vai vị linh mục, bắt ngài ngừng nói và quay ra chất vấn Têrêxa một cách nghiêm nghị hơn bao giờ, Ngài hỏi thẳng:

“Làm sao chị biết đó là Ngài, nếu không thấy Ngài?”

“Con không biết. Con chỉ có thể nói chắc một điều là con thấy Chúa ở bên con”.

“Thế nhưng làm sao Ngài tỏ mình ra cho chị?”

“Đó không phải là một thị kiến ban cho giác quan. Con không thấy có hình dạng chi hết. Với đôi mắt thịt này con không thấy gì hết. Với đôi mắt của linh hồn con cũng không thấy chi. Thế nhưng con cảm giác Ngài ở bên con”.

“Nếu không thấy Ngài bằng mắt thịt lẫn mắt linh hồn làm sao chị cương quyết bảo đó là Ngài? Ai cho chị biết vậy?”

Chị thưa: “Chính Ngài. Thế nhưng trước khi cho con biết, linh hồn con có cảm giác về điều đó một cách chắc chắn hơn cả khi thấy bằng giác quan”.

Cha Alvarez lại hỏi: “Làm sao chị nghe được tiếng Ngài?”

“Con không nghe chữ gì hết. Ngài thông truyền tư tưởng của Ngài cho con bằng một phương tiện khác. Thế nhưng con cảm giác điều Ngài nói rõ hơn là khi nghe một chữ, một lời. Con hiểu được những màu nhiệm rất sâu về sự thật, Sự Thật tuyệt đối. Sự thật ấy vô thủy vô chung. Ôi lạy Chúa, thật khác xa giữa việc nghe những lời này và hiểu được ý nghĩa của chúng! Con hiểu trọn vẹn tất cả dù ngôn ngữ của con thật u tối khó diễn tả được”.

Alvarez hết sức bối rối. Ngài sẵn sàng tin Têrêxa, nhưng câu chuyện của chị thật khó hiểu, ngay cả đối với một người mà lý trí đã bén rễ sâu trong đức tin.

Các vị đại diện đáng kính của Hội Thánh địa phương Daza đã đến gặp Alvarez nhắc đi nhắc lại rằng: “Chị ấy đang lừa cha”.

Alvarez cho gọi Têrêxa tới và hỏi: “Chị có thật sự tin những điều chị đã kể cho tôi hay chị có ý lừa dối tôi?”

Têrêxa đáp: “Con không nói gì ngoài sự thật”.

Trước khi để chị đi, cha Alvarez còn cảnh cáo chị một lần nữa: “Hãy suy nghĩ lại đi! Có thật chị thấy như chị đã nói với tôi hay chính chị cũng bị những ý tưởng hảo huyền đánh lừa? Hãy xét lại mình cho kỹ! Chị có được như ngày nay là nhờ đức tin thánh thiện của Hội Thánh.”

Têrêxa ngoan ngoãn kiểm tra lại linh hồn mình. Thế nhưng sau một lát nhân vật vô hình lại xuất hiện và nói với chị: “Đừng hoang mang, chính Ta đây”.

Chị đến thú nhận với cha Alvarez: “Chúa đã xác nhận điều đó”. Alvarez liền vui đầu vào đủ mọi sách vở. Ngài đọc hết các bài tường trình có uy tín về những thị kiến. Ngài đọc ngày đêm, chồng sách càng ngày càng cao lên. Có lần một cha bạn cùng dòng hỏi ngài tại sao phải làm việc với nhiều sách vở như vậy, ngài giận dữ trả lời: “Tôi muốn đọc hết sách này vì tôi muốn hiểu trường hợp của nữ tu Têrêxa”. Cuối cùng công lao khó nhọc của cha đã được tưởng thưởng. Trong bộ Tổng luận thần học của thánh Tôma Aquinô tình cờ ngài đọc thấy một đoạn trình bày bằng những từ ngữ hết sức bác học về các thị kiến không được tiếp thu bằng giác quan nhưng trong “species impressa” bằng sự lĩnh hội trực tiếp của trí tuệ. Trong những thị kiến đó Thiên Chúa mặc khải trực tiếp của trí tuệ, không thông qua giác quan. Thánh tiến sĩ thiên thần đó cho loại thị kiến này còn đáng tin hơn mọi thị kiến khác vì loại bỏ giác quan cũng là loại bỏ mọi sự lừa dối mình. Như thế cũng có những thị kiến cùng loại như Têrêxa đã kể cho Ngài. Ngài đã biện minh được cho niềm tin của mình đối với Têrêxa.

Thế nhưng đám người hoài nghi không cảm kích trước điều đó. Thậm chí họ còn yêu cầu phải trừ quỷ nơi Têrêxa. Tuy nhiên Alvarez không nao núng. Được khích lệ bởi kiến thức mới thu lượm được trong sách, ngài đã tự đứng ra đặt mình làm người bảo vệ Têrêxa. Thế nhưng không biết đây là một sự trùng hợp vô tình hay có bàn tay ma quỷ nhúng vào: chính khi Alvarez chuẩn bị công khai bênh vực Têrêxa thì ngài bị sai đi kinh lý cho nhà dòng và được một vị khác thay thế.

Thời cơ mà bấy lâu nay giới hữu trách ở Daza và bè nhóm của họ trông đợi đã đến. Chẳng khó khăn gì để hù dọa cha giải tội mới đến này. Dựa vào địa vị của mình trong Hội Thánh, họ đã đến gặp cha và yêu cầu cha trừ quỷ nơi Têrêxa để dẹp tan những ảo ảnh ma quỷ nơi chị.

Đầu hàng trước áp lực của họ, cha giải tội này đã phải dùng tới một biện pháp hết sức tàn nhẫn. Ngài truyền Têrêxa phải lấy tay làm cử chỉ khinh chê để gạt nhân vật ấy trong những lần hiện ra. “Hãy gạt bỏ đi! Nếu đó là ma quỷ, nó sẽ coi đó như là dấu hiệu chị khinh chê nó, còn nếu là Chúa, Ngài sẽ không chống lại chị vì chị chỉ làm theo lệnh của tôi nhằm bảo vệ đức tin thánh thiện”.

Têrêxa vâng phục, nhưng trong lòng hết sức băn khoăn dằn vặt. Chị kể lại “Xua tay gạt Ngài như thế, tôi cảm thấy đó là nỗi đau đớn lớn nhất, vì trong thị kiến sau đó tôi đã thấy đau khổ. Khi thấy Ngài xuất hiện trước mắt tôi không thể tin đó là ma quỷ dù người ta có cắt tôi thành trăm mảnh, và vì thế tôi hết sức hối hận. Tôi xin Ngài tha thứ vì chỉ làm theo lời con người mà Ngài đã đặt lên thay mặt Ngài. Ngài bảo tôi đừng lo chi điều đó vì Ngài sẽ làm cho mọi người hiểu sự thật”.

Khi Alvarez trở về Avila, cả thành phố đang xôn xao về những thị kiến của Têrêxa. Ngoài phu nhân Guiomir, tất cả những bè bạn còn lại của chị đều bỏ chị. Xi căng đan đó còn vang ra xa hơn Avila.

Cả nước Tây Ban Nha đều bàn cãi về những thị kiến của Têrêxa, và trong lúc

bị kích động quá mức, dân chúng đã đòi đưa trường hợp của chị cho Tòa án Tôn Giáo điều tra.

Chỉ cách thành phố San Gil vài dặm, thành phố có các cha dòng Tên trú ngụ, là tu viện Thánh Tôma của dòng Đaminh, nơi đó có chôn cất vị quan tòa nổi danh của Tòa án Tôn Giáo là cha Torquemada. Dù đã chết cả một thế hệ rồi nhưng tinh thần của vị này vẫn còn mạnh lắm. Bộ máy của Tòa điều tra vẫn tiếp tục hoạt động nhanh nhẹn và chính xác. Đâu đâu ở Tây Ban Nha cũng thấy cả giàn lửa rực cháy để thiêu các người lạc giáo và các phù thủy.

Những người muốn thấy Têrêxa bị giao cho Tòa điều tra bắt đầu nhắc tới tên cha Alvarez kèm theo tên Têrêxa. Lúc đó, ngay cả cha Alvarez, người nâng đỡ cuối cùng của chị về mặt tâm linh, cũng bị lung lạc, và chị sợ rằng chị sẽ không còn ai giải tội, mọi người sẽ tránh xa chị. “Tôi chẳng biết làm gì hơn là khóc”. Thế nhưng chính giữa cơn rối ren ấy Chúa đã hiện ra và phán: “Hỡi con, đừng sợ. Ta sẽ không bỏ con”.

* * *

Têrêxa biết chắc rằng Chúa đã hiện ra với chị nhưng mọi người đều nghi ngờ chị. Chị chỉ nói sự thật, nhưng người ta lại cho chị nói láo. Chị đã thấy Đấng Cứu Thế trực tiếp, Đấng mà mọi người cùng đến thờ lạy theo lời mời gọi của tiếng chuông nhà thờ, Đấng mà vì đó các Thánh Lễ được cử hành, Đấng mà toàn thể giới Kitô Giáo đang thành khẩn cầu xin, thế nhưng các linh mục đáng kính của Hội Thánh lại hạch sách chị, gọi Đấng đã hiện với chị là quỷ, và muốn đưa chị ra Tòa điều tra Tôn giáo. Cha giải tội nghe chị bày tỏ tâm hồn, nhưng không tin chị. Làm sao ngài lại không hiểu những lời chị kể cho Ngài là do Đấng đã phong chức cho ngài phán dạy? Chị đã thấy Đấng Cứu Thế và mang sứ điệp của Ngài cho thế giới Kitô giáo, nhưng họ lại không muốn nghe chị.

Trí khôn con người nơi chị có thể không bao giờ hiểu được tất cả điều này, có thể phải suy sụp. Con tim nhân loại của chị có thể không bao giờ chịu đựng nổi nỗi oan ức ấy, có thể đã tuyệt vọng. Thế nhưng Têrêxa là một trong những người ưu tuyển. Các quyết định của chị đều được chuẩn bị trên trời, kiến thức chị có được là do mặc khải, sức mạnh của chị có được là trong những khi chị xuất thần, nỗi buồn lo của chị đã được Chúa chia sẻ.

Khi trời cao hạ cố xuống dương gian này trong các thị kiến, khi Thiên Chúa ngõ lời với chị trong các mặc khải, thì chị thấy rõ ý nghĩa sâu xa của những đau khổ chị đang chịu. Những đau khổ ấy đã biến thành cực lạc trên trời. Một ngày kia, khi thấy mình hầu như không thể chịu đựng được nỗi đau khổ ấy nữa, chị quỳ xuống cầu nguyện ở nhà phu nhân Guiomir, và đang khi cầu nguyện chị bỗng thấy một thiên thần đến đứng bên chị. Chị viết: “Tôi thấy ngài có xác thịt hảnh hoi đứng bên tay trái tôi. Ngài thấp bé nhưng rất xinh đẹp. Qua nét mặt rực sáng của Ngài tôi tin rằng Ngài là một trong những thiên thần cao cấp nhất, đó hẳn phải là Đấng ta quen gọi, tức là Kêrubim. Trong tay ngài có cầm một ngọn móc dài bằng vàng, cuối thanh kim loại ấy hình như có một ngọn lửa nhỏ. Tôi có cảm giác như ngài tìm cách phóng ngọn móc ấy vào tim tôi vài lần cho tới khi nó đụng tới ruột tôi. Tôi cảm thấy đau thật sự, đến nỗi phải hét thật to lên, nhưng đồng thời vết thương ấy cũng êm dịu tới mức tôi không muốn nó mất đi. Chưa có thú vui nào trong đời tôi khoan khoái như thế. Khi thiên thần rút ngọn móc ra, tôi cảm thấy lòng rạo rực tình yêu đối với Thiên Chúa. Tôi bàng hoàng ngây ngất vì cảm thấy vừa đau nhức, vừa khoan khoái. Tôi không hiểu vì sao có thể được như vậy. Thế nhưng đó lại là ngôn ngữ của tình yêu giữa linh hồn tôi và Thiên Chúa, và tôi cầu xin Ngài ban cho những ai kết tội tôi nói dối cũng nếm cảm được điều đó.

Chị không dám trình bày chuyện này với cha Alvarez vì kinh nghiệm này thân thiết với linh hồn chị tới mức không thể để cho ai nghi ngờ, hạch sách. Chị

triền miên trong kinh nghiệm ấy nhiều ngày, không nói cho ai biết, tránh tiếp xúc với mọi người. Thế nhưng niềm hoan lạc giấu kín đó đã phải được bộc lộ ra ngoài, và vì thế chị đã tỏ bày trong một bài thơ hết sức nồng nàn sau đây:

Tôi bị đâm

Tới tận đáy lòng mình

Do bàn tay mạnh mẽ của Thiên Chúa

Và ngàn điều tuyệt vời đã đến

Dù ngọn giáo làm thân tôi nhức nhối

Dù vết thương tưởng chết

Trên đời có cơn đau nào hơn thế

Ấy nhưng cũng nhờ vết thương đó mà tôi thở được

Làm sao gọi là cứu khi tôi đau đến chết được

Làm sao gọi là giết khi tôi được cứu sống

Làm sao vừa đả thương vừa chữa lành

Cho tôi được kết hợp sâu đậm với Chúa?

Chỉ bàn tay Chúa mới tài tình như thế

Trong một trận chiến khốc liệt đến thế

Mũi giáo Ngài đâm thấu ruột kẻ thù nhưng không giết nó

Chỉ bắt nó quy phục Đấng Hiển Vinh

Thế nhưng trong lúc đó cuộc sống của Têrêxa trên đời không mấy may khá hơn. Cả thế giới đều chống lại chị, chỉ Thiên Chúa bênh vực chị. Rồi chính khi cuộc náo động ở Avila lên tới cao điểm, khi ai ai cũng đồng tình đòi đưa chị ra tòa án Tôn Giáo, thì một biến cố đã bất ngờ xảy tới, dập tắt những tiếng la ó dữ dằn ấy. Tu sĩ Phêrô Alcantara, phát ngôn viên của Chúa, đột nhiên đến Avila. Mọi người ùa tới công trường để nhìn nhà khổ hạnh xơ xác, đi chân đất, một bộ xương sườn còn sống bọc trong mấy tấm vải bố, và nghe ngài thuyết giảng. Alcantara nổi tiếng khắp Tây Ban Nha vì mọi người đương thời coi ngài là thánh

Phanxicô tái thế. Cũng như thánh Phanxicô, ngày ngày Alcantara lang thang trong các khu rừng, ca ngợi những công trình sáng tạo của Thiên Chúa bằng những bài ca vui tươi. Ngài thẩm nhuần tinh thần Phanxicô đến nỗi đã tự coi mình là có nhiệm vụ cải tổ lại dòng Phanxicô đang trên đường sa sút. Ngài đã thành lập vài tu viện cho các tu sĩ Phanxicô sống đúng thân phận làm tôi tớ Bà Chúa nghèo.

Dân chúng muốn con người thánh thiện ấy quan tâm nghe họ bày tỏ nỗi lòng, nhưng dường như ngài đến đây chỉ để gặp một người là Têrêxa Cepeda. Dù mới gặp nhau lần đầu, nhưng cả hai tỏ ra quen biết nhau từ lâu. Họ chào nhau như những công dân của thành đô Thiên Chúa, trò chuyện với nhau bằng ngôn ngữ bẩm sinh là ngôn ngữ thiên quốc.

Têrêxa đã tìm ra hiệp sĩ bảo vệ mình. Alcantara bảo vệ chị trước mọi sự công kích, và bênh vực sự thật của chị. Chiến thắng đầu tiên của ngài là giải tỏa được những mối nghi ngờ cho cha Alvarez, và cùng với cha nhiều bạn hữu đã bỏ chị nay lại quay về với chị. Alcantara còn đem lại cho chị nhiều bạn mới. Trong đó có tu sĩ Phêrô Ibariez – tu viện trưởng tu viện San Tomas của dòng Đa Minh – Gaspar de Salazar, tu viện trưởng tu viện San Gil, một trụ sở mới của dòng Tên. Sau cùng Ngài còn thành công tới mức thuyết phục được cha Daza da nghi, đối thủ quan trọng của Têrêxa, tin rằng những thị kiến của chị là do Thiên Chúa.

Khi nhiều đối thủ của chị còn kiên trì trong mặt trận nhục nhã đó, thì Chúa đã coi đây là thời cơ thuận tiện để thực hiện lời hứa của Ngài. “Ta sẽ làm cho người ta hiểu ra sự thật”, những lời không âm sắc đó Têrêxa đã được nghe trong một thị kiến, và giờ đây thị kiến đó đã được chứng minh là đúng, chẳng những nghe mà còn nhìn thấy sự thực ấy.

Lịch sử kể lại một ngày lễ nọ (dĩ nhiên có nhiều người tham dự) Têrêxa đang quỳ trước bàn thờ thì bỗng nhiên chị được xuất thần. Trước con mắt của mọi

người, chị được cắt lơ lửng lên khỏi mặt đất. Mặt chị biến đổi trở nên đẹp lạ lùng, đến nỗi ai cũng sững sờ và cung kính khi nhìn chị.

Vào thời kỳ đó, Tòa án Tôn giáo vẫn do các tu sĩ Đa Minh nắm giữ. Phêrô Ibanez, tu viện trưởng tu viện Thánh Tôma, người rất am tường những thủ tục tố tụng ở Tòa án, đã khuyên Têrêxa chặn trước mọi hành vi thù nghịch ở Tòa án, bằng cách tự tay viết đơn xin đưa trường hợp của mình ra trước Tòa kể lại cuộc đời và các thị kiến của mình. Chính nhờ vậy, bản Tiểu sử (“Vida”) nổi tiếng của Têrêxa đã ra đời.

Lời khuyên của Ibanez thật chí lý. Các nhà làm việc ở Tòa án đã nghiên cứu lời cung khai của Têrêxa với cặp mắt nghi ngờ, dò tìm một dấu vết nhỏ chứng minh sự lạc đạo hay lường gạt của chị. Thế nhưng dù thông thái và thiên kiến đến thế nào đi nữa, họ cũng không tìm ra đủ chứng cứ để bênh vực những luận điệu chống đối chị. Để cho chắc, họ trao hồ sơ cho Banes, một tu sĩ dòng Đa Minh, xem xét, một người nổi tiếng là nghiêm nhặt tới mức đáng sợ. Vị này đọc hồ sơ với cặp mắt tinh tường lão luyện và nhận ra đây đúng là một sự mặc khải của Thiên Chúa. Bởi vậy thay vì ra một bản án buộc tội như nhiều người chờ đợi. Ủy ban Thánh Vụ đã ra chiếu chỉ khuyến khích mọi người đọc bản tiểu sử để củng cố lòng tin.

Thánh Avila, Hội Thánh và Thế Giới Kitô giáo nói chung có thể đã quyết định khoan nhượng và chấp nhận người nữ tu được ơn thấu thị ấy, Têrêxa có thể bằng lòng sống yên ổn trong phòng mình không bị ai quấy rầy và để hết tâm vào những thị kiến của Chúa. Thế nhưng cũng như thiếu nữ Têrêxa ngày xưa khi bước vào tu viện đã không được tiền định để sống một cuộc đời chỉ biết chiêm niệm thần bí. Sứ mạng của chị là làm quen với thượng giới, lui tới thoải mái với các thiên thần, nhưng đồng thời vẫn sống trên trái đất, hoạt động giữa lòng nhân loại. Qua hai mươi năm cuối cùng, ta thấy chị đúng là một phụ nữ thực tế và hoạt động, dẫn thân không biết mệt mỏi vào công cuộc canh tân nhà dòng,

thành lập 17 tu viện chỉ trong vòng thời gian này. Tuy nhiên, không được coi những hoạt động thực tế của chị ngoài đời và đời sống chiêm niệm của chị là hai khía cạnh không liên quan với nhau trong bản tính của chị. Nơi chị, cả hai đời sống ấy là một. Bệnh tật và các thị kiến của chị xuất phát từ chung một nguồn gốc thể nào, thì việc chiêm niệm và hoạt động của chị cũng chung một xuất xứ như thế. Những nỗ lực như thế của chị cũng nhằm để xây dựng một cuộc sống trầm lặng và vì thế có liên hệ tới việc đưa dòng Cát Minh trở lại với con đường nguyên thủy của mình.

* * *

Để có một ngôi nhà yên tĩnh, người ta đã cho thành lập nhà Cát Minh đầu tiên trên ngọn núi Cát Minh (Carmel). Một ngọn núi đứng lẻ loi một mình. Khi các nhà ẩn tu Cát Minh di cư về phương tây, họ đã mang theo không khí yên tĩnh của xứ Libăng. Những tu viện đầu tiên của họ ở Châu Âu đều được xây dựng theo mô hình của các nhà ẩn sĩ đông phương. Kể từ đó biết bao thế kỷ đã trôi qua, và các nhà cầu nguyện của các nữ tu Cát Minh ngày xưa nay trở thành những trung tâm sinh hoạt xã hội cho các nam nữ tu sĩ.

Chương trình cải tổ nhà dòng của Têrêxa bắt nguồn trực tiếp từ kinh nghiệm cá nhân của chị. Chị đã sống ngoài nhà dòng ba năm. Trong căn phòng của phu nhân Guiomir đạo đức, chị đã sung sướng với những giờ cô lập hoàn toàn, nhờ đó chị có thể suy niệm, đi vào các thị kiến hay làm các việc đạo đức bất cứ giờ nào, ngày lẫn đêm. Trong thời gian này chị sống kết hiệp với Chúa hầu như không bao giờ bị gián đoạn. Nay đã hết hạn phép của chị. Chị phải trở về tu viện. Một nhóm nữ tu tíu tít đón chị, chị rút về tu phòng để chiêm ngắm Chúa. Thế nhưng chuông tu viện đã chỉ. Giờ tiếp khách đã đến. Têrêxa muốn ở lại tu phòng. Thế nhưng các nữ tu đã đến gọi chị. Khách đang chờ. Trước mắt chị

những thanh sắt đan thành tấm lưới mỏng càng làm nổi bật cảnh chen chúc tấp nập của cuộc sống trần gian, càng làm chị thấy và nghe rõ hơn những cuộc chuyện trò vô bổ, những đồ nữ trang rẻ tiền, những câu nói nhỉnh hót tán tỉnh và những quà biếu quà tặng. Chị cảm thấy như đang bị nướng trên thanh sắt đó, chị tìm cách trốn nhưng không được. Thế giới đã trở thành một phần trong chương trình sống hằng ngày của tu viện. Những giờ chiêm niệm của chị bị liên tục cắt đứt bởi những giờ giải trí vô bổ đó, lòng khiêm tốn đã bị sự kiêu ngạo khoe khoang bóp méo, đức nghèo khó đã bị các món quà phá hỏng.

Bao lâu còn là nạn nhân của những cơn cám dỗ này bấy lâu chị chỉ chiến đấu cho phần rỗi của riêng chị. Chị đã yếu nhược và không thấy gì xa hơn ngoài sự yếu nhược của mình. Chị đã có lỗi nên không thấy gì xa hơn lỗi của mình. Thế nhưng giờ đây sau khi vượt qua những nguy hiểm của tinh thần thế tục, nhận ra tội lỗi của tu viện còn lớn hơn tội riêng của chị, tội của một tu viện đã bị tục hóa, tội do sự giảm nhẹ trong qui luật dòng để vừa làm hài lòng Chúa vừa chiều ý thế gian.

Chị Têrêxa phải thốt lên: “Ôi cả một sự sụp đổ của các tu sĩ, một tu viện mà lại mở hai con đường – con đường đức hạnh và tuân giữ lề luật, và con đường vô kỷ luật – và cả hai con đường này đều có người đi. Những điểm đáng buồn ấy không phải hoàn toàn đáng trách vì họ chỉ bước theo con đường đã được người ta chỉ cho. Nhiều người trong số họ thật đáng thương”.

Thế nhưng có phải chỉ có những điều đáng buồn của tu viện Nhập Thể là đáng thương không? Ở tu viện Cát Minh theo qui luật nhân nhượng, các tu sĩ đã phân vân trước hai con đường. Còn Têrêxa đã vượt qua được cơn cám dỗ đó. Chị không phải là người hài lòng với ơn cứu độ riêng của mình. Được cứu độ đồng thời có nghĩa là phải tìm cách cứu độ người khác. Chúa đã hiến thân cho chị trong âm thầm, đó chính là để chị hiến thân cho người khác cách công khai. Nhà Chúa được xây dựng trong yên tĩnh, như chị đã được cho thấy trong các cơn

xuất thần, để chị cũng xây ngôi nhà đó cho các chị em. Trong yên tĩnh chị đã tìm ra con đường cứu độ. Chị đã được hướng dẫn tìm ra con đường đó để có thể chỉ lại cho người khác.

Giả như kế hoạch của chị chỉ xuất phát từ những suy tư thực tế, hẳn chị đã phải bỏ kế hoạch ấy ngay từ đầu. Vì chị chỉ là một nữ tu, không có gì là của riêng ngoài quần áo đang mặc, thế mà chị dám quyết định thành lập một tu viện, dù ý thức rất rõ ràng cuộc phiêu lưu cần phải được hỗ trợ rất nhiều về mặt tài chính. Một người thiếu thị thuộc về thế giới khác lại dám đương đầu với những thực tế khốc liệt, với những người đàn ông mẫn tiệp, những nữ tu hay ghen tị, những chức sắc mưu mô của Hội Thánh, với đủ mọi hiếu kỳ, vô tâm vô ý và hay thay đổi của thế giới. Một con người bệnh hoạn, phần lớn cuộc đời là nằm trên giường bệnh, bây giờ đã 57 tuổi mà lại muốn vác lấy một lô việc, số lượng công việc này ngay cả một thanh niên tràn đầy sức khỏe cũng phải chịu thua nữa là! Một phụ nữ Tây Ban Nha của thế kỷ 16, đang sống trong một thời đại và đất nước, mà theo truyền thống và tập tục không một phụ nữ nào được tham gia vào hoạt động đại chúng, lại dám chọn một công việc sẽ đẩy mình công khai ra trước mắt mọi người. Một người con của thời đại đã chạy theo thế tục lại dám đảm nhận một công việc chống lại xu hướng mạnh nhất của thời đại. Một nữ tu dòng Cát Minh đang áp dụng những luật lệ đã được giảm nhẹ lại bướng bỉnh bỏ các hình thức đan tu ấy, mà kể từ khi được ban hành do Đức Giáo Hoàng Eusêbiô cách đây một thế kỷ đã trở thành những tập tục thánh. Chị đã làm tất cả những công việc đó mà vẫn không lỗi phạm lời khấn vâng phục tuyệt đối của mình.

Cuối cùng, chính ước muốn thành công đã giúp chị vượt qua tất cả những trở ngại lẻ tẻ ấy. Số vốn chị cần có bỗng lọt vào tay chị, không phải cầu cạnh ai, như thể số tiền đó đã chờ dịp để phục vụ chị. Thân xác yếu ớt của chị xem ra có thể đương đầu với hết mọi khó khăn; nhịp sống bận rộn và những bệnh tật của tuổi tác không làm hại được thân xác ấy vì thân xác này đã được tôi luyện bởi

những lần “chết lặt vặt”. Trên chiếc xe không có nệm nhún chị rảo khắp miền quê của Tây Ban Nha không biết mệt dù phải đi trên những con đường đã hư hỏng. Chị đổi chác, mặc cả, phàn nàn, phản đối, sắp xếp, tổ chức. Giữa tất cả nguy cơ bất trắc ấy, người phụ nữ đứng tuổi này vẫn giữ được nụ cười can đảm và tươi vui như một thiếu nữ thích phiêu lưu, thích đương đầu với nghịch cảnh.

Chị đã quá sành về Trời cao; nay cũng tỏ ra rành rọt về hạ giới này. Khi tranh đấu để thành lập tu viện, người thấu thị đã được dịp phát huy tài năng của mình trong các việc giao dịch thương mại; không có hóa đơn mua bán, hay bản chiết tính tiền bạc nào là quá khó đối với chị. Trong các lần điều đình thương lượng đó chị chứng tỏ mình là một nhà ngoại giao tinh khôn, làm chủ được nghệ thuật kết thân với các đối thủ, với những người ủng hộ đối thủ của mình. Chị đã tìm được cách dẹp tự ái xuống tới mức khiêm tốn, nắm được ý đồ của họ trong các chiến thuật, quay ngược lời tố cáo về với kẻ tố cáo. Bộ óc tinh xảo của chị đã phải làm cho một viên chức trong Hội Thánh sau khi thảo luận thần học với chị phải thất vọng thốt lên: “Lạy Chúa, thà để con tranh luận với các nhà thần học trên thế giới còn hơn là với người phụ nữ này”. Rồi một linh mục, mà chị được giấy giới thiệu đến gặp, đã viết thư hồi âm cho người giới thiệu sau khi gặp chị: “Anh nói trong thư rằng đây là một nữ tu, nhưng anh đã giới thiệu đến cho tôi một đấng tu mi nam tử”.

Nhờ thiên tài đó mà người phụ nữ thánh thiện này đã lướt qua mọi khó khăn, mọi lọc lừa và xáo trộn của thế giới. Cuối cùng Tây Ban Nha – một nước coi phụ nữ là người không thể trở thành vĩ nhân – đã hãnh diện vì đã cống hiến cho thế giới một trong những phụ nữ vĩ đại nhất của lịch sử, đó là Têrêxa. Hội Thánh, cơ quan đã từng chống đối những cao vọng của chị, nay vì chị mà phải hủy bỏ một sắc lệnh do Đức Giáo Hoàng ban hành trước đó, bỏ những tập tục được thiết lập từ lâu, và đón nhận chị và cộng đoàn các thánh, chủ yếu vì công lao cải tổ dòng Cát Minh của chị.

Sự nghiệp cải tổ ấy đã diễn tiến qua bao nguy hiểm, phiêu lưu và phức tạp. Sự nghiệp ấy bắt đầu như một câu chuyện về một tu viện lý tưởng. Trong một lần nói chuyện tình cờ nào đó, lý tưởng mà lâu nay chị hằng mơ ước bỗng chốc có vẻ như có thể trở thành hiện thực. Sau Thánh lễ trọng hôm đó, Têrêxa trở về tu phòng với vài nữ tu và một người cháu của mình là cô Maria de Ocampo vừa tới thăm. Chị nói chuyện với họ về buổi cử hành Thánh lễ vừa rồi. Chị cảm thấy kiểu nhạc đó như nhạc thánh phòng với những phô trương và trình bày bên ngoài, như được đặt ra để thu hút khách thập phương hơn là làm hài lòng Chúa. Thánh lễ nhìn chung giống như một buổi trình diễn công cộng hơn là một việc đạo đức. Càng thấy sự tồi tệ đó, chị càng khát mong có một ngôi nhà yên tĩnh và đạo đức, không bị khách khứa sáo trộn, một ngôi nhà giống như nhà mà các đấng sáng lập đã xây trên núi Cát Minh. Chị thảo luận vấn đề này với các chị em đó. Tuy nhiên những điều chị nói đó chỉ được coi như ước nguyện riêng của một nữ tu đạo đức. Bỗng có cô cháu gái của chị xen ngang bằng cách đặt câu hỏi thẳng thắn rằng tại sao một ngôi nhà như thế không thể thành lập được. Têrêxa trả lời: “Chủ yếu là vì chúng ta không có phương tiện”. Maria không coi đó là lời bào chữa thỏa đáng. Với sự nhiệt tình mau mắn của tuổi trẻ, cô đề nghị dâng cúng gia tài của cô làm số vốn sơ khởi của tu viện mới đó.

Khi giấc mơ đã đâm rễ trong thực tế trần gian như thế, Têrêxa thấy mình có thể đứng vững trên nền tảng chắc chắn với cả hai chân. Để thực hiện chương trình, ngoài số vốn sơ khởi đó, chị còn cần được cha giám tỉnh nhà dòng đồng ý. Chị thiếu kinh nghiệm để làm việc này, nhưng bỗng nhiên chị nghĩ ra cách để tiến hành các việc trần gian đó. Muốn thành công cần phải có sự bảo trợ. Thế là chị bắt đầu đi tìm sự bảo trợ của ba người mà chị nắm chắc sẽ ủng hộ chị, những vị này cũng là đại diện của ba dòng đang có thế lực nhất: đó là Alcantara dòng Phanxicô, Francico de Borgia bề trên dòng Tên và Luis de Bertran, một tu sĩ dòng Đa Minh nổi tiếng. Khi nhận được thư giới thiệu của các vị này chị nhờ

phu nhân Guiomir tới trình cha bề trên tỉnh dòng Cát Minh, xin ngài ban phép chuẩn cho chị. Têrêxa đã chọn đúng người khi nhờ phu nhân Guiomir làm việc này. Phu nhân là một quả phụ được mọi kính trọng, lại thích giúp vào các việc đạo đức, nổi tiếng là một ân nhân quảng đại của dòng Cát Minh. Cha bề trên tỉnh là Angel de Salazar, khi đối diện với vị phu nhân cao thượng đó và khi đọc xong thư giới thiệu của các vị uy tín ấy, đã không còn cách nào hơn là chấp thuận: vả lại điều thỉnh nguyện của chị cũng là một điều thánh thiện, người xin cũng đã có vốn trong tay để làm việc đó.

Bây giờ Têrêxa có thể bắt đầu đi kiếm nhà. Chị đã gặp được một ngôi nhà có vẻ hợp với dự định của chị và thế là chị tiến hành thủ tục mua bán. Giờ chỉ còn ký tên xong. Thế nhưng chính lúc đó bão táp bỗng nổi lên ở tu viện của Têrêxa, bà bề trên đã la lên: “Thật là phản bội”. Các nữ tu lại đổ thêm dầu vào: “Một kẻ điên khùng và tự phụ. Chị ta cho rằng tu viện này không tốt đủ cho chị”.

Chẳng mấy chốc cả thành Avila náo động lên với sự giận dữ đó. Các nữ tu tìm được các đồng minh trong dân chúng một cách dễ dàng. Đàn ông thì chế nhạo: “Một nữ tu mà dám thảo đơn mua bán. Trả chị ấy về với nhà dòng đi”. Phụ nữ thì âm ỉ: “Còn bà bảo trợ chị ta, bà Guiomir, tốt hơn là về chăm sóc mấy đứa nhỏ mồ côi của mình đi”. Cả thành giận điên lên.

Khi đến can gián cha giám tỉnh, bà bề trên cùng đi với một phái đoàn của nhân dân trong tỉnh. Trước áp lực của công luận, cha Salazar đã rút lại sự đồng ý, dùng những chi tiết chuyên môn làm chiêu bài. Ngài cho rằng Têrêxa không đủ vốn để duy trì tu viện sau khi thành lập.

Têrêxa buồn nhưng không thất vọng. Cha giám tỉnh không phải là người có tiếng nói cuối cùng trong vấn đề này. Trên ngài, ở chóp đỉnh của phẩm trật Hội Thánh còn có Đức Thánh Cha tại Rôma, và một phép chuẩn của Ngài sẽ vô hiệu hóa mọi quyết định của cha giám tỉnh. Từ tu phòng đóng kín và an toàn của mình, chị nhìn ra thế giới và tỏ ra rất rành đối với các vấn đề thực tế, chị biết

ngay phải làm gì để cho vấn đề này tới Rôma. Chị nhờ cha Phêrô Ibanez giúp, cha là tu viện trưởng tu viện Thánh Tôma của dòng Đa Minh. Ibanez đã không bỏ chị khi cả thành Avila nghi ngờ các thị kiến của chị. Bây giờ ngài sẽ giúp chị thực hiện chương trình xây dựng một nhà tu thật sự của Kitô giáo. Dòng Đa Minh là dòng được Rôma hậu thuẫn hơn hết ở Tây Ban Nha. Đàng khác, Ibanez một trong những học giả xuất sắc nhất về Thánh Tôma thời đó lại rất nổi tiếng tại Tòa Thánh. Một lời đề xuất của ngài chắc chắn sẽ được Đức Thánh Cha chấp nhận.

Cha giám tỉnh dòng Cát Minh cảm thấy vấn đề trở nên rắc rối hơn khi nghe nói tu viện trưởng dòng Đa Minh đó thường xuyên đến gặp Têrêxa, một con chiên gẻ trong đoàn chiên của Ngài. Ngài không thể công khai phản đối sự quan tâm mà viên chức cao cấp của Hội Thánh đó dành cho các sáng kiến của Têrêxa. Thế nhưng ngài phải nghĩ ra cách nào để âm thầm loại bỏ sự can thiệp không thú vị này của tu sĩ Đa Minh ấy. Ngài đang là bề trên tối cao của nhà dòng ở vùng này. Nếu vậy, ngài chỉ cần loại bỏ người nữ tu phiền phức ấy ra khỏi sân khấu. Ngài không cần phải mất nhiều thời giờ để tìm ra lý do cho việc đó.

Ở Toledo, công tước Cerda vừa mất. Bà Luis, vợ ông sống ở Mendina Celli, đang phiền muộn đến nỗi không ai tại đó có thể an ủi bà. Họ hàng bà đang tìm kiếm khắp nơi một người có thể làm công việc đó. Cha giám tỉnh bỗng có ý nghĩ là người Kitô giáo không thể để cho một phụ nữ quý phái, giàu có phải phiền muộn lâu như vậy. Phải xoa dịu nỗi buồn của bà, đó là nhu cầu cấp bách nhất hiện thời. Mà thật là trùng hợp: tu viện Nhập Thể thuộc quyền Ngài đang có một nữ tu đã được Chúa viếng thăm trong thị kiến và được nhiều người cho là thánh. Đây đúng là người thích hợp nhất để làm bạn với phu nhân kia, một người rất khó chiều chuộng và hẳn không thích nhận những nữ tu tầm thường. Luy Cerda và họ hàng của công tước đã chiếu cố với món quà rộng rãi của cha

giám tỉnh, mong mỗi ngày Têrêxa dọn về ở chung. Lúc đó vào khoảng giữa mùa đông không lâu trước Lễ Giáng Sinh. Đường xá lầy lội với tuyết băng, hầu như không thể đi được. Thế nhưng vì bà công tước quá sốt ruột, cha giám tỉnh lại không muốn kéo dài nỗi buồn của phu nhân, nên Têrêxa phải lập tức lên đường đi Toledo.

Chị đã để hết tâm hồn vào dự án thành lập tu viện khi viễn tượng thành lập ấy tươi sáng hơn nhờ sự hỗ trợ của cha Ibanez. Tâm trí chị lúc nào cũng băn khoăn làm sao xây dựng một tu viện phù hợp với luật im lặng và nghèo khó của Tin Mừng. Thế nhưng giờ phút này chị đang chậm rãi tiến về Toledo trên chiếc xe con cọc cạch, qua những con đường ngập tuyết đầy nguy hiểm, những cơn bão tuyết đang gầm thét, những đoạn đèo hoang vu, miền Adaijar đóng băng, và cuối cùng sau bốn ngày đi đường vất vả chị đã đến dinh cơ của bà công tước ở Toledo.

Đám người hầu ăn mặc tề chỉnh giúp chị bước ra khỏi chiếc xe tồi tàn và giành nhau mang vào nhà chiếc hộp con chứa đựng tất cả cơ nghiệp của chị. Còn chính Têrêxa thì được nghênh đón với đầy đủ nghi thức và được đưa tới gian phòng, nơi bà công tước khô héo vì buồn phiền đang nằm đợi chị. Chung quanh bà là đám họ hàng đầy lo lắng, để ý từng cơn co rút trên mặt bà, từng tiếng thở mạnh từ môi bà.

Sau những lễ nghi mở đầu đó, Têrêxa được đưa tới một dãy phòng mà từ nay sẽ được đặt là giang san của chị. Trong tâm hồn chị lúc nào cũng nuôi ý tưởng về một căn phòng nhỏ trong tu viện với bốn vách tường trơ trụi. Thế mà nay chị thấy mình như bị buộc phải sống giữa những xa hoa lộng lẫy. Chị đã thấm nhuần tinh thần khiêm tốn của Đức Kitô và một lòng ước ao phục vụ; thế mà nay chị thấy mình như bị săn đuổi bởi những người hầu hạ khúm núm chỉ có một việc duy nhất là chờ chị ra lệnh. Chị đã quen với một mẫu bánh mì khô, mà nay phải ngồi vào những chiếc bàn như cong xuống vì thức ăn thức uống quá nhiều.

Bà công tước tiếp đãi chị với sự chiếu cố tận tình. Bà để ý từng ước muốn của chị biểu lộ qua ánh mắt chẳng hạn, và sẵn sàng thỏa mãn những đòi hỏi hết sức kỳ quặc của chị như muốn ăn uống đậm bạc, muốn được ở yên một mình. Vì chiều chị. Bà để chị sống trong một căn phòng nhỏ và miễn cho chị khỏi mọi nghi thức xã giao rườm rà. Tuy nhiên, Têrêxa vẫn cảm thấy mình như một tù nhân giữa những xa hoa lộng lẫy. Với óc quan sát sắc bén vốn có của mình, chị đã tóm tắt những cảm nghĩ ấy vào mấy hàng sau đây: “Tôi đã thấy quyền uy của giới quý tộc cần được đánh giá thấp xuống rất nhiều, vì càng được đề cao người ta càng thêm lo lắng, lo làm sao giữ cho nghi thức phù hợp với đẳng cấp của mình, và vì thế không thể sống hay ăn uống mà không theo một thời khóa, một chương trình nhất định; mọi thứ phải đi đôi với địa vị của mình chứ không theo cơ cấu thể lý tự nhiên của mình, nhiều khi họ phải ăn thức ăn phù hợp với địa vị chứ không theo sở thích của họ. Đây là một sự thần phục, nô lệ. Một trong những đối trá của thế giới là gọi những người ấy là ông vua, bà chúa. Đối với tôi, họ chỉ là nô lệ của trăm ngàn điều vừa kể đó”.

Têrêxa sung sướng như được giải phóng, khi sáu tháng phục vụ của chị trôi qua và khi được thả ra khỏi cung điện để lại ngòai trên chiếc xe con không bộ nệm, qua các đường xá ở Tây Ban Nha đầy bụi và nóng như thiêu đốt. Chị đang trở về với Avila.

Sáu tháng đó dường như đã bị phí phạm. Kế hoạch của cha giám tỉnh đã không kéo chị tới chỗ bỏ dự định ban đầu, mà ngược lại những ngày lưu lại dinh cơ đó càng làm chị thêm quyết tâm. Kinh nghiệm của những người giàu chứng minh cho chị thấy một cách sâu sắc hơn nữa rằng người ta chỉ có thể sống với Thiên Chúa thực sự trong sự nghèo nàn đậm bạc và phục vụ khiêm tốn. Những ngày sống ở nơi giàu sang đó đã dạy cho chị biết quý trọng sự tự do đích thực mà chỉ khi nào ta tự nguyện sống nghèo, mới hy vọng tìm được. Qua những điều chị nói về vấn đề này, ta thấy rõ trực giác sâu sắc và sự khôn ngoan đặc biệt của chị.

Chị viết: “Nghèo khó là một bức tường kiên cố. Đó là một kho tàng chứa đủ hết mọi báu vật của thế gian. Đó là sự làm chủ và thống trị hoàn toàn. Các vua chúa là gì đối với tôi nếu tôi không thêm tài sản của họ. Sự nghèo khó, mà ta tự nguyện đón nhận vì Thiên Chúa, đã mang một giá trị cho những ai tình nguyện theo đuổi nó để tìm cách làm đẹp lòng một mình Thiên Chúa mà thôi. Chắc hẳn kẻ nào không cầu cạnh ai giúp đỡ lại sẽ có lắm bạn hiền. Nếu thực sự sống nghèo khó, ta sẽ thà sống trong sạch và theo đường các nhân đức còn hơn là chạy tìm những lâu đài cung điện.”

* * *

Khi Têrêxa trở về Avila chị cũng bất ngờ nhận được thư từ Rôma gửi tới. Đó là thư trả lời của Đức Thánh Cha Piô IV trong đó có kèm theo sắc lệnh cho phép thành lập tu viện.

Thế nhưng niềm vui của Têrêxa đã vụt tan mất vì Đức Hồng Y San Angelo, người soạn thảo phép chuẩn ấy nhân danh Đức Giáo Hoàng đã vô tình quên xác định tu viện mới của chị sẽ đặt dưới quyền tài thẩm nào. Vì thế phê chuẩn của Đức Giáo Hoàng không thể có hiệu lực bao lâu chưa nhận được từ Rôma quyết định dứt khoát về quyền tài thẩm đối với tu viện mới này: tu viện này sẽ dưới sự bảo trợ của dòng Cát Minh hay của Đức Giám Mục Avila.

Trong lúc chờ đợi Têrêxa vẫn không ngừng hoạt động. Tuy không ra khỏi phòng nhưng chị đã chuẩn bị tất cả để khi thư trả lời của Rôma đến việc thành lập tu viện sẽ không bị trì hoãn. Chị đã học được một bài học từ thái độ tức giận của nhân dân thành Avila khi thấy chị dám mua cả một tòa nhà bất chấp mình chỉ là một phụ nữ và thậm chí là một nữ tu. Lần này chị xúc tiến công việc qua trung gian người anh rể là Juan de Ovalle. Ông này có căn nhà ở nông thôn, ông lại không được mấy ai biết tới ở Avila, và nếu ông có mua nhà và trông coi nhà

ấy cho tới khi Têrêxa sẵn sàng biến nó thành tu viện, cũng không ai nghi ngờ gì, vì tưởng rằng gia đình ông muốn dời lên thành phố.

Thế nhưng dù đã thận trọng như vậy, Têrêxa vẫn còn khá nhiều trở ngại phải vượt qua. Ngôi nhà mà Juan đã mua cho chị cần phải được sửa chữa nhiều. Số vốn mà cô cháu chị đã cung cấp cho nay đã cạn khi mua nhà, và không ai lại muốn gánh lên đầu mình mọi sự giận dữ của thành phố khi hỗ trợ tài chánh cho chị. Cuối cùng sắc lệnh của Đức Giáo Hoàng tới, xác định và chỉ định Đức Giám Mục Avila sẽ là người bảo hộ tu viện mới. Tuy nhiên, vì sợ phản ứng của dân chúng, Đức Giám Mục đã tìm đủ cách để thoái thác. Cha Ibanez đã thất bại sau khi tìm cách thuyết phục Đức Giám Mục đưa ra một lời cam kết dứt khoát nhận trách nhiệm đó. Rồi khi cha Alcantara hấp hối ngỏ ý muốn Đức Giám Mục, ngài đã khéo léo ngã bệnh và rút lui về tỉnh đường tại nhà nghỉ mát của ngài ở miền quê El Tiemblo.

Thế nhưng khi mọi sự và mọi người xem chừng như hiệp lực chống lại chương trình của Têrêxa thì tình thế bất ngờ đảo ngược. Một chiếc tàu chở vàng vừa cập bến ở cảng Sevilla trên đó có mang theo một số vàng nhờ cho Têrêxa do em của chị là Lorenzo từ Pêru gởi về. Số vàng này vừa đủ để trang trải những sửa chữa cần thiết cho ngôi nhà. Vợ của anh Juan de Ovalle phải đi Alba vì những công việc khẩn cấp của gia đình. Sau khi bà ra đi, Juan bỗng ngã bệnh nặng và Têrêxa có nhiệm vụ chăm sóc anh và được phép ra sống ngoài tu viện. Thế là chị được dịp điều hành và trông coi việc sửa sang nhà cửa mà không gây chú ý cho ai.

Dù sắp chết, cha Alcantara vẫn thu hết sức tàn của mình, leo lên lửa và đi đến nơi nghỉ bệnh của Đức Giám Mục muốn né tránh ngài. Một sáng kia, khi nhìn ra cửa sổ, Đức Giám Mục bỗng thất vọng và sửng sờ khi thấy một con người mảnh khảnh gầy yếu ấy mặc áo thô đang ngồi trên lưng lửa tiến lại nhà mình. Đó là cha Alcantara, người đã thấm nhuần tinh thần canh tân, đích thân

đứng ra khỏi xưởng công việc cải cách dòng Phanxicô. Vì thế ngài cũng coi việc áp dụng lại quy luật ban đầu của dòng Cát Minh là một công việc mà ngài phải luôn luôn hỗ trợ, coi đó là nhiệm vụ to tát cuối cùng của đời mình.

Sự nhiệt tình ấy cộng với tiếng tăm của ngài là người có cá tính mạnh, đã lôi kéo được Đức Giám Mục thành Avila quay về Avila và bàn bạc với chị Têrêxa. Sau lần nói chuyện đầu tiên ấy, Đức Giám Mục không tìm cách cưỡng lại những lý lẽ có sức thuyết phục của chị nữa, và đồng ý đứng ra bảo vệ tu viện của chị.

* * *

Với sự đồng ý của Đức Giám Mục, chương trình cải tổ của Têrêxa mới chỉ được đóng dấu của giáo quyền; còn những chi tiết của chương trình hoàn toàn do Têrêxa thai nghén và hoạch định với ước nguyện cống hiến cho thế giới một mẫu cộng đoàn kính sợ Thiên Chúa thật sự. Với sự thận trọng và khôn ngoan sẵn có, Têrêxa đã nghĩ tới tất cả những sự ngẫu nhiên tình cờ có thể xảy ra cho cộng đoàn và đã phác họa một hệ thống bảo vệ cộng đoàn sâu xa có thể đương đầu với mọi cám dỗ của thế gian. Tu viện của chị được xây dựng trên nền tảng là sống nghèo khó một cách thật sự, không khoan nhượng, ngược với các đan viện và tu viện thời ấy sống nhờ tiền trợ cấp và quà biếu của các nhà bảo trợ hào hiệp, và vì thế không bao giờ tránh được hoàn toàn sự lệ thuộc vào của cải và thế lực. Tu viện mới của Têrêxa sẽ sống không nhờ vào trợ cấp của ai hết. Ngay cả việc xin bố thí mà nhiều dòng thời đó quen làm cũng bị Têrêxa gạt bỏ ra ngoài qui luật của tu viện này, bởi vì xin bố thí cũng làm cho người đạo đức phải lệ thuộc thế gian. Rồi lệ thuộc sẽ đưa tới tinh thần thỏa hiệp, nếu không đưa tới chỗ xua nịnh trơ trẽn. Người phụ nữ đã từng nếm được hạnh phúc cao nhất này kết luận rằng ta phải phó thác cho Đấng đã chăm sóc hoa huệ ngoài đồng, cả những nhu cầu thấp hơn, nhu cầu lương thực hằng ngày của mình nữa. Để phụng sự Thiên

Chúa và cuộc sống vĩnh cửu ở mức độ cao nhất, tu viện này sẽ không có phòng khách mà chỉ có buồng nhỏ (tu phòng), nhà nguyện và nhà ăn. Các nữ tu này sẽ không tiếp kiến ai ngoài Chúa, và Thánh Lễ sẽ không mang những hình thức phô trương mà sẽ được cử hành như một việc đạo đức thuần túy thôi. Những quy luật tuy đơn sơ mà nghiêm ngặt này là kết quả suy tư của một phụ nữ đã kinh nghiệm về những nguy hiểm mà một người đạo đức có thể gặp phải. Tuy được đặt ra cho tu viện của Têrêxa nhưng những qui luật đó có thể được coi là khuôn phép cho tất cả các tổ chức dòng tu Kitô giáo. Mục tiêu chính của các qui luật này là cải tổ dòng Đa Minh, một dòng vào lúc khai sinh đã được coi là điển hình của lòng đạo đức Kitô giáo.

Để nhắc cho các tín hữu này nhớ tới gương sáng ban đầu của nhà dòng, Têrêxa đã cho chị em mặc lại y phục khổ hạnh của các nữ tu Cát Minh buổi ban đầu. Các nữ tu của chị sẽ mặc áo may bằng vải thô và luôn luôn đi chân đất, như một cách để phụng sự Thiên Chúa. Tuy chỉ là một sự thay đổi nhỏ về y phục, một sự giảm nhẹ tầm quan trọng của vật chất, nhưng chúng gói ghém một ý nghĩa sâu xa là vứt bỏ khía cạnh vật chất của mọi sự, trên mọi bình diện.

Ban đầu các nữ tu Cát Minh đi chân đất, nhưng về sau đã đổi thành đi giày. Nay Têrêxa muốn họ đi chân đất trở lại. Lịch sử toàn bộ nhà dòng có thể tóm tắt trong ba giai đoạn như thế. Những người đi chân đất muốn bày tỏ lòng khiêm tốn khi được chạm chân tới đất của xứ Libăng. Thế nhưng khi di trú từ núi Cát Minh (Libăng) sang phương tây người ta đã mang giày vì phải đi qua ngưỡng cửa của thời đại mới; nhưng khi làm thế vô tình họ trở thành con cái của những gì là hiện đại. Vì chẳng những chân họ được bọc trong những đôi giày thời đại, mà cả linh hồn, cả lòng đạo đức và kinh nghiệm cũng thế. Họ đã mang giày của thế tục để hành hương về nhà Chúa.

Đôi giày là biểu tượng của nhiều thứ. Khi đi chân đất, các nữ tu Cát Minh đã sống thình lạng. Thế nhưng khi mang giày vào họ đã trò chuyện với thế gian.

Khi đi chân đất, họ đã sống trong sự nhiệt thành đạo đức. Thế nhưng khi mang giày họ đã tìm sự thoải mái, nghỉ ngơi và chước miễn. Chế độ ăn uống thanh đạm, chay kiêng liên tục của các nữ tu chân đất ngày xưa đã không thỏa mãn các nữ tu thời sau: họ đã mang giày, đã thêm gia vị vào món ăn, đã khéo làm cho món ăn trở nên hấp dẫn, với đủ loại cao lương mỹ vị... Têrêxa muốn dòng mình bỏ giày, nhưng cùng với đôi giày đó, chị muốn họ bỏ luôn tinh thần thể tục tượng trưng nơi đôi giày, cũng vì thế chị gọi dòng mình là dòng các nữ tu Cát Minh đi chân đất hoặc không mang giày.

Têrêxa chọn thánh quan thầy cho dòng mình là Thánh Giuse, người Cha của gia đình thánh. Chính Thánh Giuse là vị thánh mà chị đã khẩn cầu nhiều hơn hết mỗi khi lâm bệnh. Và vì Ngài đã tỏ lòng thương xót chị nên bây giờ chị đặt tu viện dưới sự che chở của Ngài.

Chị đã giữ kín chủ đích của việc sửa chữa nhà của ông Juan de Ovalle. Rồi đến khi căn nhà đó được thánh hiến là tu viện Thánh Giuse, không mấy ai chú ý tới công việc đó. Ngày lễ Thánh Bartôlômêô năm 1562 vị sáng lập đi chân đất, mặc áo vải thô, quỳ cầu nguyện trước bàn thờ với bốn nữ tu đầu tiên khác. Chính Daza, viên chức Hội Thánh đã từng coi chị là người bị quỷ ám nay được Đức Giám Mục cử đến đại diện làm phép thánh hiến tu viện ấy. Bốn nữ tu đã tuyên khấn. Rồi hát kinh "*Te Deum*" (Tạ Ơn). Không có nghi lễ màu mè, không có gì là phô trương xa hoa cả. Tuy đang quỳ với bốn chị em khác trước bàn thờ của ngôi nhà nguyện bé nhỏ đơn sơ ấy, nhưng thực ra Têrêxa đang quỳ trên thiên giới. Sự gần gũi với thiên giới từ nay sẽ là nét chính của cuộc sống tại tu viện Thánh Giuse này.

Các nữ tu của tu viện Nhập Thể cảm thấy mình bị vị thánh kia chơi khăm nên tỏ ra tức giận vô cùng, họ không thể làm gì để ngăn cản việc thành lập tu viện mới ấy vì nó đã được Đức Giám Mục đứng ra bảo trợ. Tuy nhiên người sáng lập tu viện ấy còn là một nữ tu dòng Cát Minh đã khấn vâng phục và phải vâng

phục quyền tài thẩm của dòng mình. Bởi vậy không lạ gì khi thấy người nữ tu đi chân đất mặc áo vải thô kia bị bề trên ra lệnh phải mang đôi giày thể tục và mặc áo dài trắng theo luật khoan nhượng của nhà dòng, tới trình diện tại tu viện Nhập Thể để báo cáo các hành vi của mình.

Khi bước vào phòng ăn, Têrêxa thấy trước mắt cả 180 nữ tu, không khác gì ở một tòa án với 180 công tố viên sẵn sàng thông qua một phán quyết đã kết tội mình. Bà bề trên đã nhân danh họ lên tiếng tố cáo Têrêxa về tội không vâng phục, tội kiêu ngạo và tội lừa gạt. Khi phải quyết định hình phạt cho chị, cả tập thể đâm ra bối rối, bắt ăn chay nhiệm hơn chẳng là điều khó khăn chi đối với người đã ưa thích việc này. Giam vào buồng kín là làm đúng điều chị muốn. Không được tham gia vào mọi sinh hoạt là một hạnh phúc đối với chị. Bắt làm việc nặng là điều may mắn và trừng phạt là một dịp để chị sống khiêm tốn. Đứng trước phạm nhân này mọi hình thức trừng phạt hiện hành đều trở nên vô nghĩa, vì chị đã biến chúng thành phần thưởng. Chỉ còn con đường duy nhất là bắt chị mang giày và mặc áo trắng theo luật khoan nhượng của nhà dòng, bắt chị ngồi ăn trong phòng và xuất hiện trong phòng khách, bắt chị phải sống cuộc sống dễ dãi của tu viện cho tới khi tìm ra một cách để đóng cửa tu viện mới của chị, bất chấp sự phê chuẩn của Đức Giáo Hoàng và sự bảo trợ của Đức Giám Mục.

Các người ở Avila đã đoàn kết lại sau lưng các nữ tu tu viện Nhập Thể. Họ đã quên bằng những thù hận lâu đời của nhau, đã chôn búa thù hận và cầm lấy vũ khí để phụng sự chính nghĩa chung. Còn người nữ tu sám hối kia phải bị xử để làm gương, vì đã hỗn láo dám mở một tu viện cải cách, bất chấp sự phản đối công khai của nhà cầm quyền địa phương và vì đã kéo được cả Đức Giám Mục về phe mình.

* * *

Ông cảnh sát trưởng được trao cho sử dụng ngón đòn đầu tiên: làm sao nhanh chóng và nhẹ nhàng dẹp tu viện phiến toái ấy. Ông sai bốn người tính cẩn nhất tới coi chừng bốn nữ tu ở tu viện Thánh Giuse. Thế nhưng mưu toan đã bị thất bại nặng nề. Những tay cảnh sát lì lợm rất sành cách đối xử với đám trộm cắp, du côn, say sưa. Họ rất giỏi trong việc phát hiện sào huyệt nguy hiểm nhất của các can phạm. Thế nhưng tất cả kinh nghiệm này không ích lợi gì cho họ, khi họ xông vào tu viện và chỉ gặp bốn trinh nữ khiêm tốn, nhu mì của Đức Kitô miệng luôn nhắc đi nhắc lại: “Thiên Chúa muốn chúng tôi ở lại đây nên chúng tôi ở lại”. Sự cương quyết và bình tĩnh đó còn kết quả hơn người ta tưởng, chứ không chỉ làm cụt hứng những tay chuyên bảo vệ an ninh và trật tự xã hội. Cuối cùng họ rút lui, không kèn không trống và thề sẽ không bao giờ quay trở lại nữa.

Tuy nhiên sự thất bại này chỉ làm tăng thêm sự tức giận trong thành phố và lôi kéo chính quyền địa phương nhảy vào cuộc với hết cả sức mạnh của mình để chống lại các nữ tu chân đất ấy. Quan tổng trấn triệu tập một cuộc họp long trọng để phản đối và mời đại diện các dòng có xu hướng theo họ. Đoàn chủ tịch đã đồng thanh đưa ra quyết định đóng cửa tu viện Thánh Giuse.

Khi thấy tất cả đàn chiên của mình đứng về phe đối nghịch, Đức Giám Mục Avila lại ngã bệnh và rút về quê tịnh dưỡng. Ibanez lúc đó đang đi kinh lý ở xa. Bà bề trên tu viện Nhập Thể phải giữ Têrêxa ở lại tu viện mượn cớ có những “vấn đề khẩn cấp nội bộ” để ngăn cản chị có mặt tại hội nghị tường trình các việc mình làm. Vì vậy không có trở ngại gì khi chủ tịch đoàn đưa ra quyết định nhanh chóng và dễ dàng như thế.

Hội nghị rất quan trọng và diễn ra rất bề thế. Hội nghị rất ồn ào không phải những quan điểm đối chọi với nhau mà vì mọi người đều có chung một nỗi tức giận. Chính quan tổng trấn đã kết tội chị là nổi loạn, gây nguy hiểm cho quốc gia và coi thường những ích lợi và ngân sách của thành phố. Không ai trong các đại biểu của chính quyền và các dòng tu thấy cần có những bằng chứng và không ai

đòi sự chứng minh cả. Mọi sự đã quá rõ. Tu viện phải bị đóng cửa. Mọi người đều đồng ý với quan tổng trấn. Sau đó là cả tràng pháo tay ủng hộ.

Tuy nhiên, chính lúc đó đại biểu của tu viện Thánh Tôma của dòng Đa Minh là tu sĩ Domingo Banes – một người rất có ảnh hưởng đã đứng lên phát biểu. Một điều thật bất ngờ. Những lời của Ngài tựa như trận mưa đá từ trời xuống một cách chính xác trên thành quả đã gặt quá sớm mà cả thành phố đều hài lòng và hãnh diện. Ngài mĩa mĩa chất vấn họ: “Do cái gì mà chúng ta tụ họp nơi đây? Có đội quân thù nghịch nào vừa đột nhập thành phố chúng ta chẳng? Có tai họa nào đang đe dọa thành phố Avila chúng ta chẳng? Có nạn đói nào đang tiêu diệt hàng ngàn người chẳng? Hay chỉ có bốn nữ tu đi chân đất mà gây ra cả một sự kích động như thế này? Tôi không tránh khỏi cảm giác rằng uy tín của thành phố chúng ta sẽ phải chịu tổn thất nặng nề, khi cả một hội nghị xuất sắc như thế này mà chỉ được triệu tập vì một lý do vô nghĩa như thế”.

Bài phát biểu tuy ngắn nhưng đã phá vỡ hết kế hoạch khéo léo của hội nghị. Thay vì quyết định, người ta đã phải bối rối hoãn lại. Hoãn lại rồi hoãn đi, rồi lại hoãn lại, mãi cho tới khi toàn bộ vấn đề lặng lẽ bị gạt ra khỏi nghị trình.

Đức Giám Mục trở về, tươi tỉnh và khỏe mạnh. Bốn nữ tu ở viện Thánh Giuse vẫn tiếp tục đi chân đất, cầu nguyện và ăn chay. Thế nhưng cha giám tỉnh dòng Cát Minh vẫn tức giận và cương quyết giữ quyết định của mình, đó là giam Têrêxa tại tu viện Nhập Thế. Chị phải vâng phục các lệnh của bề trên, dù phải đau khổ rất nhiều vì không được san sẻ cuộc sống với các nữ tu của mình.

Thế nhưng trong lúc đó, thời gian đang hậu thuẫn chị, thời gian đã đưa con người và sự việc tới chỗ chín muồi và cần nói lên một điều nhận xét khiêm tốn thôi cũng đủ thay đổi tâm trí người giữ ngục. Têrêxa đã nói với cha giám tỉnh Salazar với tất cả sự khiêm tốn của một nữ tu phục quyền ngài, nhưng đồng thời với tất cả sự xác tín của một người đã tiếp xúc thân mật với quyền năng thượng giới: “Cha hãy xem, chúng ta đang chống lại Thánh Thần”. Dĩ nhiên không bao

giờ cha giám tỉnh muốn điều này; vì thế ngài đã cho phép Têrêxa trở về tu viện của chị. Thậm chí ngài còn cho phép Têrêxa mang theo bốn nữ tu khác đã đón nhận quan điểm của chị.

Một buổi sáng mùa đông năm 1563, năm nữ tu đi chân đất, mặc vải thô chậm chạp bước trên những con đường ngập tuyết của thành phố Avila. Têrêxa de Cepeda đang cùng với bốn đệ tử của mình trở về tu viện. Tại tu viện Thánh Giuse bốn nữ tu khác đã sống như những đứa con mồ côi mẹ, nay hân hoan đón chị vào nhà. Cả bốn người đều phấn khởi thốt lên: “Chào Mẹ” (“Madre”). Kể từ đó các nữ tu của chị đều gọi chị là mẹ. Còn đối với thế giới bên ngoài, chị đã trở thành Têrêxa Giêsu. Cái tên quý tộc của chị đã được thay thế bằng cái tên của dòng họ tâm linh.

Ít lâu sau, ba trinh nữ khác lại đến gõ cửa tu viện Thánh Giuse và xin gia nhập hàng ngũ các nữ tu đi chân đất. Rồi một ngày nọ, con đường vắng vẻ trước cổng tu viện bỗng trở nên nhộn nhịp hẳn vì một biến cố sẽ làm cho cả thành phố Avila sôi động lên. Một đoàn xe gồm 15 chiếc trang hoàng đẹp đẽ tiến lại trước căn nhà khiêm tốn của tu viện. Mười bốn chiếc trong số đó do những chàng caballeros đẹp trai lái, ăn mặc đúng giới quý tộc Castilla của thời ấy. Họ là con cái của những gia đình giàu có nhất tại Avila và xin tháp tùng tiểu thư Maria Davila, hoa khôi của thành phố, đang ngồi trên cỗ xe thứ 15; chính cô đã mời tất cả những chàng trai ngưỡng mộ mình tham gia cuộc diễu hành kỳ lạ này. Từ đầu tới chân cô chỉ toàn là nhung với lụa, đôi má đôi môi được tô điểm đẹp đẽ, cổ và tay đeo đầy vàng và đá quý. Chưa bao giờ cô đẹp và đáng ngưỡng mộ như thế, nhất là khi cô đứng dậy nhìn đám người tháp tùng mình đang im thin thít. Mọi người đều chờ nghe quyết định cuối cùng của cô, ai ai cũng nửa hy vọng nửa lo sợ. Một lần nữa cô rảo mắt nhìn quanh. Sau đó cô mở đôi môi đỏ chót và lên tiếng: “Xin vĩnh biệt! Xin vĩnh biệt!”. Mắt cô lúc này trở nên nghiêm trang và

như đang nhìn ra xa bên kia những điều cô đang thấy trước mắt. “Vĩnh biệt thế gian!”

Các chàng tai caballeros chưa kịp trấn tĩnh lại thì tiểu thư Maria đã xuống xe, vội vàng tiến tới cửa tu viện, cô gõ cửa rồi biến mất vĩnh viễn sau cánh cửa.

Bên trong đó cô đang được Mẹ Têrêxa và 11 nữ tu đón tiếp, rồi đưa tới nhà thờ trong im lặng. Tại đây, trước bàn thờ các tu nữ cõi y phục đắt tiền, từng món đồ trang sức quý giá của cô, rồi mặc cho cô áo vải thô và để cô đi chân đất. Sau đó, anh Julian, linh mục tuyên úy của các nữ tu Cát Minh đi chân đất, nhận lời thề của cô. Ngày hôm sau ông José Davila giàu có và đáng kính nhận được một gói đồ mang dòng chữ: “Những món này là của cô Maria, con gái ngài” và chữ ký “Maria da Santa Jeronima, con của Mẹ bề trên tu viện Thánh Giuse”. Cô gái duyên dáng ngày xưa trở thành nữ tu và sẽ là một trong những cột trụ vững chắc nhất của nhà dòng cải cách này.

* * *

Giấc mơ của Têrêxa đã thành sự thật. Chị đã từng mong mọi điều đó, đã đấu tranh và khổ cực vì điều đó. Nay điều ấy đã được thực hiện, căn nhà yên tĩnh đã chào đời. Đức ái đã được đặt làm vị bảo trợ của tu viện, đức nghèo khó là nhà kiến thiết tu viện, và kỷ luật là người canh cổng tu viện, sàn nhà lát gạch chính là bàn ghế, giường ngủ của chị em, ô cửa kính đã được thay bằng những ô vải. Một chiếc đĩa quay 1 lớn, gọi là “torno” được thiết kế cố định trong tường, sẽ là nơi chị em nhận thức ăn. Hễ ai có lòng bác ái đặt gì vào đó, thì đấy sẽ là thức ăn của chị em trong ngày ấy. Thỉnh thoảng là một miếng pho mát; vài quả trứng hay một ít bánh mì, nhưng thường chỉ có vài khúc bánh mì rỗng ruột và đã mốc, hay đôi khi chẳng có gì trên đĩa ấy. Những thứ gì cộng đoàn bé nhỏ ấy không thể thiếu thì phải tự kiếm lấy bằng cách dệt vải và may vá. Lợi tức sẽ không tăng

giảm do giá trị và giá cả của sản phẩm, mà tùy lòng hảo tâm của người mua. Các nữ tu chỉ đặt sản phẩm của mình ngoài cổng tu viện, tùy người mua định đoạt giá cả. Không có phòng khách và giờ tiếp khách, vì chúng có thể lấy bớt giờ lao động. Không có những nữ tu ngồi tán gẫu bên cạnh những nữ tu cầu nguyện và chiêm niệm.

Cuộc sống không dễ dàng chút nào đối với những người sống trong tu viện Thánh Giuse. Không có gì là an ninh bảo đảm, không ai biết ngày mai mình sẽ ra sao. Tuy nhiên, mười hai nữ tu ấy vẫn sống hạnh phúc dưới sự hướng dẫn của một mẹ bề trên vui tươi. Lòng đạo đức của mẹ là lòng đạo đức vui tươi. Mẹ đã nói: “Thiên Chúa muốn giải thoát ta khỏi những vị thánh ủ rũ!” Lúc nào ngài cũng làm cho con cái mình xác tín mạnh mẽ hơn: “Một nữ tu buồn là một nữ tu xấu”.

Mẹ làm cho tu viện thấm lấy tinh thần vui tươi của mình. Khi đưa đức nghèo khó vào căn nhà trọ trụ này, mẹ cũng vô tình đưa cả sự hài lòng thư thái vào đó. Những gì không có thì không thèm mong. Mà vì không có gì hết nên họ cũng không cảm thấy phải cầu nệ những nhu cầu muốn sở hữu vật chất. Kể từ khi thánh Phanxicô qua đời, chưa bao giờ Đức tin Kitô giáo mang sắc thái vui tươi, phấn khởi nhiều như thế.

Với tu viện Thánh Giuse này, mẹ Têrêxa đã thành lập được một nhà dòng đúng nghĩa trên trần gian. Căn nhà ấy nằm trên một con đường hẹp ở Avila, nhưng nó cũng đang nằm sát bên biên giới trên cao, nơi mẹ thường được đưa vào trong những khi xuất thần. Khi trở về với các nữ tu sau những lần xuất thần, mẹ không cảm thấy mình bị rơi vào một vực thẳm khôn cùng như hồi còn sống ở tu viện Nhập Thể, nhưng mẹ cảm thấy như được trở về nhà sau khi ghé thăm nhà hàng xóm vậy.

Suốt năm năm liền, mẹ đã sống hạnh phúc trong tu viện êm đềm tĩnh mịch đó. Thế nhưng thời kỳ chiêm niệm hạnh phúc ấy chỉ là một giai đoạn nghỉ ngơi

chuẩn bị bước vào cuộc truyền giáo.

* * *

Cuộc viếng thăm bất ngờ của cha Gioan Baptista Rubeo bề trên tổng quyền dòng Cát Minh, là khúc nhạc dạo đầu cho một giai đoạn mới trong cuộc đời mẹ Têrêxa. Cha Rubeo được lệnh Đức Giáo Hoàng đi kinh lý các tu viện và đan viện Cát Minh trên khắp đất nước Tây Ban Nha. Tại công đồng Trento người ta đã tập trung thảo luận về những phương cách để củng cố Hội Thánh đang sa sút. Quan điểm thắng thế ở công đồng là trước hết cần chấm dứt cuộc sống quá dễ dãi ở các dòng đan tu. Mà đó cũng chính là mục đích kinh lý của cha Rubeo. Nơi nào ngài ghé đến, ngài cũng gặp khó khăn và chống đối, vì sau một thế kỷ áp dụng luật khoan nhượng, nhiều sự lạm dụng đã biến thành những quyền lợi tự nhiên.

Thế nhưng khi đến thăm tu viện Thánh Giuse, cha Rubeo rất ngạc nhiên khi thấy những cải tổ mà ngài đã hoài công cố xúy ở những nơi khác lại tỏ ra rất có hiệu quả ở tu viện này. Thánh Têrêxa đã đi trước những sắc lệnh của công đồng Trento, đã thi hành các chỉ thị của công đồng rất lâu trước khi người ta nghĩ đến việc đưa ra những chỉ thị ấy. Bởi đó trước khi giã từ tu viện, cha Rubeo không những cho phép thành lập thêm nhiều nhà nữa theo tinh thần của tu viện Thánh Giuse mà còn khuyến khích và khuyên mẹ Têrêxa hãy mở rộng tầm hoạt động của mình.

Một buổi sáng tháng 8.1567, một đoàn xe kỳ lạ đi qua cổng thành phố Avila. Đoàn xe gồm bốn xe có mui, chạy trên các bánh xe bằng gỗ và không có nệm nhúng. Trong xe thứ nhất có một phụ nữ đội khăn, đó là madre (mẹ); trong xe thứ hai và thứ ba có vài nữ tu của mẹ; xe thứ tư cũng là xe cuối cùng chở những đồ dùng và vật thánh của các phụ nữ ấy. Cha Julian, linh mục tuyên úy của tu

viện Thánh Giuse, cỡi lừa đi bên cạnh chiếc xe thổ mồ của mẹ. Đám người dắt lừa ăn mặc sặc sỡ đúng theo nghề của họ thắp từng hai bên từng toán. Hôm đó trời nóng cháy da. Đường xấu, có những chỗ như không thể vượt qua được. Mấy chú lừa bướng bỉnh như chẳng để ý tới những tiếng hò hét “Đi! Đi!” của người cỡi. Họ phải dùng tới những lời chửi rủa thậm tệ nhất của người miền Castilla để thúc lừa bước tới. Đi được năm dặm không còn cách nào hơn là theo ý lừa đề nghị quay lại. Đang khi đó Medina, nơi phải tới của đoàn xe này, còn xa tới 70 dặm. Têrêxa muốn bằng mọi giá phải đi tới nơi nên vượt giận những người dắt lừa và bảo rằng nếu Chúa đã muốn họ lên đường thì họ phải tiếp tục đi theo ý Ngài. Ban đầu những lời mẹ nói như chẳng lấn át được tiếng chửi thề của họ. Thế nhưng không bao lâu sau, những người chai lì đó đã ngoan ngoãn tiếp tục cuộc hành trình, để tai nghe những lời đầy tình mẫu tử của mẹ.

Khi đến Medina Del Campo đoàn xe nghèo nàn đó chẳng được tiếp đãi ân cần chút nào. Bởi lẽ các tu sĩ Cát Minh và Đa Minh lâu đời ở đây nhìn mẹ và chị em với cặp mắt nghi ngờ. Họ sợ những nguyên tắc khổ hạnh của các chị em có thể đẩy cuộc sống đạo thoải mái tiện nghi của họ vào chỗ bất lợi, và tình trạng thiếu thốn của các chị em chắc chắn sẽ rút hết tiền bố thí của 50.000 linh hồn ở Medina này. Vì thế họ dựng lên đủ thứ trở ngại để ngăn mẹ thực hiện dự tính thành lập tu viện tại đây. Ngôi nhà duy nhất được dâng cúng cho mẹ và các chị em là một tòa nhà đã đổ nát, mái dột, tường hỏng. Không ai nhớ là nhà đó đã có người tới ở bao giờ chưa. Ngay cả đám du thủ du thực cũng không dừng chân ở đó vì còn nhiều chỗ khác hơn.

Sáng hôm sau, dân chúng ở Media giật mình thức giấc khi nghe tiếng chuông mới mẻ vang lên từ căn nhà cũ kỹ ấy, báo hiệu giờ cử hành Thánh Lễ đầu tiên của các nữ tu đi chân đất tại đây. Ngay đêm hôm đó đã thấy người đến đặt một ít trứng, trước cổng tu viện, rồi bánh mì, pho mát. Vài ngày sau, ngay sau giờ kinh sáng, tu viện Thánh Giuse lại ồn ào với những tiếng búa, tiếng đập.

Đám đông đã đến sửa chữa những lỗ dột trên mái nhà. Hôm đó người ta lại thấy một chiếc xe tải dừng trước cửa tu viện, và bàn ghế được khiêng xuống. Chẳng ai mời thợ mộc, thợ hồ tới. Cũng chẳng ai đặt bàn ghế cả. Chính lòng bác ái đã đẩy họ đến nhà các nữ tu đi chân đất ấy. Vợ một bác nông dân kia đã đến nài nỉ các nữ tu cầu nguyện cho cô con gái thập tử nhất sinh. Vài tuần sau cô gái ấy bình phục và đến xin làm tập sinh của tu viện. Dân chúng ở Medina đã đứng về phe các nữ tu, chỉ có các tu sĩ khác là vẫn căm giận và thù hận thôi.

Một ngày kia người ta báo cho mẹ Têrêxa có hai tu sĩ muốn nói chuyện với mẹ. Mẹ nhận ra đó là hai tu sĩ thuộc dòng Cát Minh mang giày, một cặp không cân xứng chút nào; một người đứng tuổi, vạm vỡ trong chiếc áo dùn, người kia còn trẻ độ chừng hai mươi bốn tuổi, vóc dáng nhỏ nhắn chỉ cao tới ngực người kia, thon thả mảnh mai tới độ nơi người ấy ta thấy có cái gì thanh cao thoát tục, không khác nào một cậu bé trong y phục thầy tu. Người tu viện trưởng kia là tu viện trưởng Cát Minh đi giày ở Medina, quý danh là Antonia de Heredia, còn người đồng hành trẻ trung của ông là tu sĩ Gioan, một trong các tu sĩ của tu viện. Tu viện trưởng thưa chuyện thay cho hai người. Ông cho biết gương của các nữ tu đi chân đất đã làm họ khao khát muốn sống một cuộc sống đạo đức tương tự. Theo họ, nếu mẹ Têrêxa trao cho họ xem luật dòng của mẹ là mẹ đã giúp họ thực hiện kế hoạch lập đan viện các tu sĩ đi chân đất tại đây.

Lời yêu cầu ấy đã thỏa mãn một điều mà mẹ Têrêxa không bao giờ dám mơ tới. Chỉ Thiên Chúa mới có thể ban cho mẹ điều mà mẹ không dám cầu xin đó, mẹ có thể mở rộng công cuộc cải tổ của mình sang cả ngành nam của dòng, nhờ đó có thể làm cho toàn thể nhà dòng thấm nhuần những tư tưởng cải tổ và phục hưng của mẹ. Mẹ hân hoan chấp nhận lời yêu cầu đó. Khi nhìn lại hai người khách lạ lùng ấy một lần nữa, óc trào phúng bẩm sinh của mẹ không khỏi đưa ra lời nhận xét tinh nghịch này: “Xin chúc tụng Chúa, vì nay con đã có được một tu sĩ rười rượi để thành lập tu viện mới”. Tuy nhiên sau khi nói chuyện cho cạn nguồn,

mẹ lại nhận thấy tu sĩ chỉ được một nửa kia có lẽ cần thiết hơn cho công việc quảng bá những tư tưởng cải tổ nhà dòng, hơn là vị tu sĩ bề vệ đáng kính nọ. Chàng thanh niên mảnh khảnh trong lối áo nhà tu này đúng là do Chúa gọi tới và sẽ trở thành người kề vai sát cánh với mẹ trong công cuộc ấy. Bởi vì tu sĩ Gioan kia còn là gì hơn nữa chứ không phải chỉ là một tu sĩ Cát Minh. Anh chính là Thánh Gioan Thánh Giá (San Juan de la Cruz), một trong những nhà thơ thần bí tài hoa nhất, tinh khiết nhất trong lịch sử văn chương thế giới.

Anh vốn gốc nông thôn, con trai một người thợ dệt vải, có vẻ như không chính thống mấy vì những thị kiến anh đã thấy khi dạo qua các cánh rừng, qua đồng ruộng cũng như vì những thánh thi thần bí do anh sáng tác. Anh đã quay lưng với thế gian và đi tìm sự bình an bằng cách sống đẹp lòng Chúa trong một đan viện Cát Minh. Thế nhưng trong không khí rộn ràng mang màu sắc thế tục của các đan viện thời ấy anh đã không tìm được câu trả lời cho ước vọng của mình, anh xác tín rằng chỉ có thể có được sự giải thoát khi sống trong tinh thần canh tân của mẹ Têrêxa.

Anh đã góp phần vào công cuộc của mẹ Têrêxa bằng sự nhiệt tình của mình, một sự nhiệt tình xuất phát từ khát vọng nung nấu bao lâu nay là được sống một cuộc đời đạo đức thật sự, từ lòng tin tưởng vững mạnh nhờ trải qua những kinh nghiệm thần bí và từ sự bình an trong tâm hồn bắt nguồn từ trời cao.

Têrêxa và Gioan thuộc hai dòng dõi khác nhau, hai giới tính và hai lớp tuổi khác nhau. Thế nhưng cả hai đều chung một dòng dõi tâm linh, chung một giới tính tâm linh và chung một tuổi trưởng thành tâm linh. Cả hai đều là những nhà thần bí, nhà thơ, là những thánh nhân. Những gì khiến họ khác nhau bên ngoài sẽ không đáng kể gì khi nhìn vào sự đồng nhất bên trong của hai người trước mục tiêu và lý tưởng. Công việc của họ được khởi sắc nhờ cùng một tinh thần, một sự thánh thiện. Công việc đó đã được tiền định để trở thành một công việc duy nhất: với sự an bình trong tâm hồn và với não trạng thần bí, cả hai nhà thấu

thị này sẽ liên kết với nhau trong các hoạt động thực tiễn, biến sự bình an của nội tâm và những thị kiến ấy trở thành hiện thực trong thực tế.

Đan viện đầu tiên dành cho các nam tu sĩ đi chân đất được thành lập ở Duruelo, không xa Salamanca mấy. Cựu tu viện trưởng của các thầy dòng Cát Minh đi giày là Antonio de Heredia, sau trở thành Antorio de Jesu nay cũng là tu viện trưởng đầu tiên của các thầy dòng Cát Minh đi chân đất. Tuy nhiên chính tinh thần của tu sĩ Gioan đã ăn vào hết mọi tổ chức của cơ sở mới thành lập này, làm thành những nguyên tắc kỷ luật và chỉ huy mọi bận tâm của nhà dòng. Cơ sở của đan viện Cát Minh đi chân đất đầu tiên này có cấu trúc như một nhà tù. Đồ đạc cho hai vị chỉ gồm hai viên đá và hai bó cỏ khô dùng làm gối và làm giường. Thế nhưng với thời gian đan viện này đã mở mang thêm. Tuy nhiên, không có gì thay đổi trong tổ chức. Chỉ có số đá và giường làm bằng cỏ khô là tăng thêm, tỉ lệ với số tu sĩ, những người chay tịnh khắc khổ và âm thầm.

* * *

Như thế, Medina del Campo, chặng đầu tiên trong chương trình cải tổ của Têrêxa, không những là cơ sở đầu tiên của một tu viện loại này ở bên ngoài ranh giới Avila, mà còn là bước thành công đầu tiên trong kế hoạch cải tổ nhà dòng ở cả hai ngành. Đó chính là thành công và vinh dự của một phụ nữ Tây Ban Nha. Một phụ nữ được mọi người chú ý không phải vì đã phá được hàng rào ngăn cấm nữ giới tham gia các hoạt động công khai, mà còn đã trở thành nhà sáng lập một dòng tu cho nam giới của mọi thế hệ và mọi quốc gia.

Các tu viện mới lần lượt ra đời dưới bàn tay sáng tạo của nhà truyền giáo không biết mệt mỏi đó. Têrêxa Không còn phải tranh đấu để được sự đồng tình của các cộng đoàn. Không còn phải chấp nhận những ngôi nhà cũ kỹ đổ nát, chỉ nhận được từ mọi nơi thư yêu cầu cho quê hương họ được vinh dự hơn bằng

cách có một tu viện Cát Minh đi chân đất tại đó. Dân chúng đua nhau để được đặc ân giao cho chị sử dụng nhà cửa hầu các nữ tu có nơi sống đời chiêm niệm đạo đức. Rồi đến khi danh tiếng của chị đến tại triều đình vua Philip II, cả các nhà quý tộc cũng không chịu đứng núp trong hậu trường mà đã hăng hái góp phần quan trọng vào việc cải tổ dòng tu của chị. Người quý tộc giàu có đầu tiên hành diện vì đã dâng cúng một ngôi nhà nghèo hèn là người quen cũ của chị, quả phụ Luy Cerda, người đã từng đau khổ buồn phiền.

Khi công chúa Ana Eboli hay tin rằng đối thủ đáng ghét nhất của mình là bà công tước De la Cerda đã cướp quyền đi trước thì chính công chúa quyết định đánh lá bài cao hơn. Không những chỉ giao cho thánh nữ sử dụng ngôi nhà của mình ở Pastrana mà còn đội lúp gia nhập tu viện nghèo hèn đó. Công chúa bỏ cung điện sang trọng, giã từ những chiếc áo trị giá cả trăm quan, những chiếc khăn choàng trị giá tới 500 quan để mặc vào mình một chiếc áo vải thô vá khéo léo, thuê một chiếc xe nhà què lọc cọc, cùng với hai người hầu phòng chạy tới căn nhà chính công chúa đã dâng cúng cho chương trình cải tổ của chị Têrêxa, đồng thời tuyên bố sẽ sống tại đây như một nữ tu sĩ Cát Minh đi chân đất.

Công chúa cũng nài nỉ cho hai người hầu phòng của mình được vào nhà tập nữa. Sau đó “các nữ tu hầu phòng mới ra lò” đó được lệnh mở chiếc rương. Chiếc rương này đựng tới hàng tá y phục Cát Minh được ráp nối cẩn thận từ nhiều khúc vải khác nhau về màu và kiểu, mỗi y phục sẽ được dùng vào mỗi dịp khác nhau, một cái mặc khi đọc kinh sáng, một cái mặc khi đọc kinh chiều, một cái mặc làm bếp, một cái mặc khi chiêm niệm và một cái đặc biệt mặc trong những dịp lễ trọng kính các Thánh Tử Đạo.

Các bữa ăn của bà được nấu nướng rất cẩn thận và được mang từ cung điện tới. Bà đòi giữ danh hiệu quý tộc và đòi tiếp khách bất cứ lúc nào bà muốn. Ngay từ đầu bà đã ra lệnh cho các nữ tu và chị bề trên đứng hầu quanh mình, vì cho rằng không có lý do gì cấm bà không làm chủ nhân mọi người trong nhà.

Lúc đó Têrêxa đang bận tổ chức một tu viện mới ở Alba de Tormes. Một ngày kia mẹ nhận được thư của chị bề trên báo cho biết những trò kỳ quái của công chúa Eboli, mẹ lập tức quay về Pastrana, vì sự việc ở đó còn quan trọng hơn cả việc thành lập một tu viện mới. Nó đụng tới sự toàn vẹn và thuần khiết của toàn bộ chương trình canh tân. Không có tiền biểu hay nhà cúng nào, dù rộng rãi đến đâu đi nữa, có thể làm mẹ chao đảo khi theo đuổi lý tưởng đạo đức của mình. Khi về tới Pastrana và đối diện với bà công chúa để nói về tình hình mới xảy ra, mẹ không đóng vai trò một người được che chở đang tỏ lòng tri ân đối với người bảo trợ hào hiệp, nhưng mẹ cư xử như nhân vật chính của lý tưởng sống nghèo, cương quyết chống lại sự tự kiêu hợm hĩnh của một người đại diện cho thế lực và tiền bạc. Mẹ cư xử như một bề trên đang phật lòng trách cứ một nữ tu đi sai luật, dám vi phạm các luật giữ im lặng, sống nghèo và khiêm tốn. Bà công chúa vốn đã quen ra lệnh chứ không quen tuân phục, giận dữ hét lên: “Đây là nhà tôi, tôi yêu cầu phải thi hành lệnh của tôi”. Têrêxa liền đáp lại: “Đây là nhà Chúa, và tôi yêu cầu phải thi hành mệnh lệnh của Chúa”. Bà công chúa không biết nói gì hơn.

Trong vòng một giờ sau bà đành rời khỏi tu viện mang theo các chị hầu phòng, rương hòm và thề sẽ trả thù các nữ tu vô ơn đó. Tuy nhiên, đối với các tín hữu, thái độ can đảm của Têrêxa và công cuộc cải tổ mà mẹ đang đại diện, Mẹ đã chứng minh không những mình biết thành lập nhà dòng nghèo khó mà còn biết bảo vệ nó nữa.

* * *

Các tu sĩ Cát Minh của các tu viện hưởng qui chế giảm nhẹ ngày càng chú ý theo dõi những thành công của phong trào do mẹ Têrêxa khởi sướng. Các tu viện của các tu sĩ chân đất gia tăng liên tục và nhanh chóng. Cuộc cải tổ bắt đầu có tác

dụng tới ngành nam của dòng Cát Minh. Bây giờ không phải chỉ có tu viện Nhập Thế mà toàn bộ nhà dòng đang lâm nguy. Vì là nữ tu Cát Minh nên mẹ Têrêxa vẫn còn lệ thuộc quyền tài sản của nhà dòng cho dù như một vị thánh (tên tuổi mẹ đều biết tới và ngưỡng mộ khắp nước Tây Ban Nha) mẹ không thể bị tấn công trực tiếp được. Bây giờ không còn có thể triệu hồi mẹ về lại tu viện Nhập Thế và không thể thành lập một bồi thẩm đoàn các nữ tu để xét xử mẹ. Thế nhưng vẫn có thể làm tê liệt công việc của mẹ bằng cách cho mẹ một vị trí danh dự ngay tại nhà dòng. Các nữ tu Cát Minh theo qui chế khoan nhượng biết cách dùng những phần thưởng danh dự để gài bẫy người khác.

Cha giám tỉnh đặt Têrêxa làm tu viện trưởng tu viện Nhập Thế. Nhiệm vụ của mẹ là sửa chữa tình trạng buông thả và đưa các nữ tu trở lại đời sống nghiêm ngặt hơn. Thật là một sự bồi thường xứng đáng khi được đặt làm bề trên của những người trước đây đã lên án mình! Thế nhưng xét cho cùng đó là một cơ hội tốt để kéo mẹ ra khỏi những công việc cải tổ và gián tiếp giam mẹ tại tu viện Nhập Thế trong ba năm.

Ban đầu Têrêxa sững sốt trước sự bổ nhiệm ấy. Mẹ thấu suốt mưu mô nấp đằng sau vẻ danh dự và tụy nhận đó. Khi đã thành công tột đỉnh mẹ lại bị buộc phải bỏ công việc của một nhà cải tổ làm bề trên một tu viện theo qui chế khoan nhượng, một nơi mà các nữ tu đang công khai phản đối sự bổ nhiệm này.

Thế nhưng trên đường về tu viện Nhập Thế, Têrêxa không những muốn chu toàn lời khẩn vâng phục mà còn muốn hiến dâng trọn vẹn con người mình để thi hành nhiệm vụ đã được trao cho. Mẹ biết rằng công việc mới này là cái bẫy kẻ thù giăng ra, nhưng nếu đã quyết tâm phụng sự Chúa là phải phụng sự Ngài ngay cả khi lọt bẫy của kẻ thù, phụng sự với một lòng hăng hái không hề suy giảm. Bây giờ mẹ chỉ có một mục tiêu là hướng dẫn những thú tồi tệ của tu viện Nhập Thế - những kẻ đã từng là đồng bạn với mẹ - quay về con đường duy nhất dẫn tới Chúa. Sự rủi ro đã biến thành sứ mạng, và để đương đầu với sứ mạng

cách hiệu quả mẹ chỉ định Thánh Gioan Thánh Giá làm cha giải tội của tu viện, vì các nữ tu sẽ tìm được nơi ngài một nhà diu dắt tinh thần theo tinh thần của mẹ: khiêm tốn và bình an trong tâm hồn.

Các nữ tu ở tu viện Nhập Thể đón tiếp Têrêxa trong thái độ thù nghịch rõ ràng. Mẹ được đón tiếp bằng những lời nhục mạ và tố cáo. Thế nhưng sau khi cha giám tỉnh xác nhận quyết định dứt khoát của ngài, các nữ tu ấy đổi sự giận dữ thành sợ sệt vì họ sợ bà bề trên mới này khép vào khuôn khổ như để trả thù. Ngay ngày đầu tiên đó, một ngày mẹ bề trên sẽ đọc diễn văn nhận chức, các nữ tu bước vào nhà cơm trong tâm trạng lo lắng sợ sệt. Thế nhưng thật bất ngờ: diễn đàn thường dùng cho mẹ bề trên bây giờ lại dùng để đặt một pho tượng Đức Mẹ. Còn Têrêxa quỳ trước tượng. Khi đứng dậy ngỏ lời với chị em, mẹ chỉ vào tượng Đức Mẹ và nói: “Đây là mẹ bề trên mới của chị em. Ngài sẽ ra lệnh cho chị em, và tôi cũng phải vâng theo. Tôi chỉ được đề cử dẫn dắt chị em và hướng dẫn trong sự vâng phục”.

Rồi như có phép màu, tất cả mọi lo sợ, phần nộ và thù ghét đều biến mất. Chẳng bao lâu chính các nữ tu ở tu viện Nhập Thể đều xin mẹ dẹp bỏ phòng khách: họ thi hành việc tâm nguyện trong tu phòng riêng, uốn nắn cuộc sống mình càng ngày càng giống với luật lệ của các nữ tu đi chân đất.

Thế là âm mưu của phe theo qui chế khoan nhượng sau cùng đã trở thành bất lợi cho chính họ. Bây giờ Têrêxa đã lôi kéo về phe mình cả một tu viện theo qui chế khoan nhượng. Các nữ tu đi giày đã bắt đầu sống theo tinh thần cải tổ của các nữ tu đi chân đất. Tuy nhiên cái giá mà đối thủ của mẹ phải trả ở đây chưa đáng gọi là quá cao. Họ dựa vào những năm Têrêxa phải sống ở tu viện Nhập Thể, rồi đã thành công trong việc lôi cuốn cha Rubeo bề trên tổng quyền của dòng, thay đổi ý nghĩ về Têrêxa, để thuyết phục Tòa Thánh theo ý mình trong chiến dịch tuyên truyền được tổ chức rất kỹ lưỡng nhằm làm hại thanh danh của Têrêxa tại Tây Ban Nha. Trong khi Têrêxa và Thánh Gioan Thánh Giá

hướng dẫn các nữ tu của tu viện Nhập Thể sống cuộc đời đạo đức trầm lặng, thì họ sai sứ giả tới Piacenza nơi đặt trụ sở của cha bề trên tổng quyền dòng Cát Minh, sai phái viên tới Roma để gây ảnh hưởng với Đức Giáo Hoàng tìm cách thay những vị thanh tra của Hội Thánh nào có cảm tình với cuộc cải cách của Têrêxa, xúi giục các nữ tu sĩ đi chân đất chống lại mẹ bề trên và cảnh cáo các nam tu sĩ, đã để một phụ nữ nắm đầu mình. Sau khi hoàn tất nhiệm kỳ bề trên ở tu viện Nhập Thể, tiếp tục bắt tay vào công cuộc canh tân đã bị bỏ dở, mẹ Têrêxa đã lập tức đứng lên chống lại hàng ngũ đối lập dày đặc đó.

* * *

Sự hăng hái thái quá của bạn bè thân hữu Têrêxa vô tình làm lợi cho các đối thủ của mẹ. Người ủng hộ mẹ nhiệt tình nhất là cha Gracian vô tình đã trở thành người làm thiệt hại cho mẹ nhiều nhất. Mẹ gặp linh mục này trong khi xây dựng một tu viện mới ở Veas. Cha này trẻ hơn mẹ tới ba mươi tuổi, đầu hói và cơ thể rắn chắc, rất giỏi về các vấn đề thần học nhưng lại rất vụng về khi xử thế với người khác. Cha rất nhiệt tình và là người tốt bụng, nhưng hơi cố chấp, táo bạo và ưa gây hấn khi theo đuổi mục tiêu của mình. Ngài là một người có nhiều nét tốt, nhưng cũng không thiếu chi khuyết điểm. Ban đầu Têrêxa chỉ thấy sự nhiệt tình và những đức tính tốt của ngài. Mẹ đặt ngài làm bề trên tu viện ở Veas, và chẳng những giao cho ngài nhiệm vụ tổ chức các nhà dòng theo khuynh hướng cải cách khác, mà còn chọn ngài làm cha giải tội của mình nữa.

Với lòng hăng hái muốn phục vụ mẹ, cha Gracian đã lập tức đi tổ chức các tu viện đi chân đất ở Granada và Penuela. Thế nhưng Granada và Penuela lại nằm trong vùng đất Andalusia, và đây là một chứng cứ rất tốt để các tu sĩ Cát Minh theo phái đi giày dùm để chống lại chương trình cải tổ nhà dòng. Quả thực, khi đồng ý cho lập những nhà dòng mới, Cha bề trên tổng quyền không nhắc tới

Andalusia và như vậy phe cải cách đã vượt quá giới hạn của mình. Những cơ sở thành lập ở Andalusia vì thế không hợp pháp.

Một đồng minh khác của Têrêxa là vị kinh lược của Tòa Thánh tên Vargas đã vô tình làm các đối thủ của Têrêxa thêm phần nộ, khi chọn cha Gracian trong nhiều người rất có khả năng làm đại diện của mình tại Andalusia, và như vậy các tu sĩ Cát Minh đi giày phải nằm dưới quyền tài phán của một tu sĩ Cát Minh phe cải cách.

Phe “đi giày” ở những chỗ khác đã chụp lấy biến cố có tính cách địa phương này để đòi phải triệu tập một tổng đại hội dòng tại Piacenza, và lúc đó cha bề trên tổng quyền thấy cần phải ngừng bảo vệ Têrêxa để làm dịu tình hình. Hội đồng nhất trí đóng cửa các cơ sở mới lập ở Andalusia. Nếu có ai kháng cự thì sẽ xử với tinh thần thẳng thắn không khoan nhượng. Để tránh mọi sự can thiệp không hay, cha Rubeo đã xin Tòa Thánh triệu hội cha Vargas về và đặt một tu sĩ Cát Minh người Bồ Đào Nha rất ghét phong cách cải tổ làm vị kinh lược của Tòa Thánh. Như thế công cuộc cải tổ ở Andalusia kể như hoàn toàn sụp đổ, thế nhưng phe địch vẫn thấy chưa đạt được mục tiêu chính là loại trừ người lãnh đạo phong trào cải tổ, tức là mẹ Têrêxa. Muốn làm việc này cần phải có một kế hoạch khác, như tạo một xi-căng-đan để làm xôn xao cả nước Tây Ban Nha.

Têrêxa đang được tiếng là thánh thiện, và cần phải phá hoại thanh danh ấy. Cuộc sống và thái độ của Têrêxa vô phương trách cứ, từng ấy chưa đủ để kẻ thù của mẹ bỏ ác tâm ác ý. Nếu không có sự kiện để vu cáo thì phải tạo ra. Kẻ thù của mẹ rất tài tình trong việc này.

Cha Gracian đã phạm những sai lầm nghiêm trọng, nhưng Têrêxa vẫn chưa cách chức ngài. Mẹ vẫn giữ cha làm linh mục giải tội và vẫn để ngài tháp tùng trong những chuyến công du. Thì sao mẹ lại phải “bám” vào một tu sĩ đại dột ấy? Phe vu khống đã khéo léo trả lời như sau: rõ ràng vì cha là nhân tình của mẹ, vì mẹ muốn bày tỏ tình yêu với cha, vì mẹ cần cha trong những lần “du hí” ấy.

Têrêxa vừa tới đầu để lập cơ sở mới cho phong trào cải tổ thì ở đó mẹ đã nghe thấy tiếng đồn ấy, và qua tiếng đồn ấy người ta tìm cách xía vào kế hoạch của mẹ.

Trong một lần công du tới Sevilla. Têrêxa cho người nữ tu và cha Gracian thám tủng. Suốt mười ngày họ phải chịu cái nắng như thiêu như đốt ở miền nam Tây Ban Nha. Lương thực của họ chỉ là ít con cá ướp muối. Đi hàng mấy dặm liền mà không tìm thấy một giọt nước. Mệt mỏi và khát nước mẹ đã cho mọi người dừng lại và ghé vào một quán trọ bên đường. Đám lưu manh say sưa chế nhạo các nữ tu và đe dọa tấn công họ, nhưng một băng công tử đã tuốt kiếm kịp thời để giải cứu họ. Sau cùng Têrêxa và đoàn tùy tủng của mẹ đã có thể lên đường, và sau bao khó khăn họ đã tới Sevilla.

Đây là thành phố vàng bạc. Nơi đây các tàu buôn chở những món hàng quý từ Mêhico và Pêru tới. Dân chúng tại đây chỉ biết có vàng. Vàng là chúa của họ và đạo của họ là hưởng lạc thú trên đời. Thế nên một phụ nữ đến giảng về sự nghèo khó, từ bỏ và thình lạng không thể nào được mọi người rộng tay tiếp đón. Dĩ nhiên tiếng đồn về những chuyện tình của Têrêxa đã gặp được đất tốt. Cả thành Sevilla đều đứng lên chống mẹ. Ngay cả đức Tổng Giám Mục già nua, một Kitô hữu tốt lành và đạo đức – cũng hết sức thành kiến với mẹ đến nỗi chẳng những ngài rút mất phép thành lập tu viện ở địa phận ngài và còn từ chối tiếp kiến mẹ nữa. Thế nhưng đối thủ của Têrêxa vẫn chưa thỏa mãn. Nguyên việc mẹ có mặt ở Sevilla đã là một xì-căng-đan rồi, cho nên theo lời khuyên của họ, Đức Giám Mục nên ra lệnh cho Têrêxa rời thành phố ngay lập tức. Thế nhưng chính khi hăng hái thái quá như vậy thì toàn bộ âm mưu của họ bị phá vỡ.

Đức Giám Mục cho triệu “người phụ nữ bị bọm” ấy đến để thông báo lệnh trục xuất. Thế nhưng khi mẹ bước ra khỏi phòng, ngài bỗng nhận thấy sự thánh thiện của mẹ, nên đã cho mời lại và cho phép thành lập tu viện, ngài ủng hộ mẹ hết mình. Khi tu viện Thánh Giuse ở Sevilla được làm phép, chính Đức Tổng

Giám Mục đã đích thân đi đầu đoàn rước. Rồi khi mẹ Têrêxa chực quỳ xuống nhận phép lành từ phía của ngài thì ngài đã ra tay trước và tự mình quỳ xuống xin mẹ ban phép lành của sự thánh thiện cho ngài. Thấy vậy nhiều tín hữu Sevilla đã đứng về phe Têrêxa; nhiều thiếu nữ con nhà giàu đã bỏ chăn nệm êm ấm để xin vào tu viện của các nữ tu đi chân đất.

Tình hình biến chuyển bất ngờ vì thế làm các nữ tu Cát Minh “đi giày” giận điên lên. Họ chuẩn bị ngón đòn thứ hai và tin chắc rằng lần này sẽ khử được Têrêxa vĩnh viễn. Họ đã khéo léo cài một người phía họ vào làm tập sinh ở tu viện đó. Một ngày kia, người nữ tu đi chân đất ấy chạy trốn khỏi tu viện, phao tin rằng mẹ Thánh Têrêxa đánh đập nữ tu, bắt họ thú tội với mẹ như thể mẹ là cha giải tội vậy. Lời buộc tội thứ hai này hết sức nghiêm trọng, vì đó là một trong những chủ trương của phe thần khải bị Tòa điều tra tôn giáo kết án là lạc đạo.

Một sáng nọ khi cha Gracian đến cổng tu viện Thánh Giuse, lính gác ngồi trên ngựa không cho ngài vào. Khi hỏi thăm mẹ Têrêxa, ngài mới biết là mẹ đã bị bắt giữ.

Trường hợp của Têrêxa là một trường hợp đặc biệt vì nó liên hệ tới không những Sevilla và dòng Cát Minh mà cả tới Rôma cũng như triều đình Rôma.

Tòa điều tra tôn giáo đã không bỏ qua một sự vấp vả nào. Họ xét lại tất cả những lời buộc tội trước kia, kể cả lời tố cáo của công chúa Eboli vì họ muốn xem xét một lần thay cho mọi lần Têrêxa có phải là nhà cải tổ dòng theo tinh thần của công đồng Trento hay chỉ là một người lạc đạo đê tiện.

Nạn nhân yên lặng và bình tĩnh đứng trước các quan tòa, không nói một lời để bào chữa cho mình. Mẹ nhìn đại pháp quan như không thấy nét mặt dữ tợn của vị ấy, mà chỉ thấy nét mặt nhân từ của Chúa đang ngồi xét xử mẹ. Chúa đang giận dữ nhìn các kẻ tố cáo mẹ, rồi khi mắt Chúa hướng về mẹ, ngài như mỉm cười khích lệ mẹ. Têrêxa lại xuất thần. Khi cơn xuất thần ấy trôi qua, mẹ trở lại

với phòng xét xử, đối diện với viên đại pháp quan, thì những gì mẹ thấy trong thị kiến nay đã thành sự thật.

Viên đại pháp quan đang giận dữ nhìn những kẻ tố cáo mẹ, rồi quay sang nhìn mẹ, vị ấy mỉm cười khích lệ mẹ rồi phán: “Chị được sạch tội. Những gì chị đã làm và đang làm đều hợp ý Chúa. Cứ về và tiếp tục công việc của chị”.

Tuy nhiên các tu sĩ Cát Minh đi giày vẫn muốn bênh vực đường lối phục vụ Chúa thoả mái của họ. Chính khi thấy chiến dịch vu khống của mình đã thất bại hoàn toàn qua lời tuyên bố trắng án của Tòa điều tra, họ lại bất thần nhận được sự mâu thuẫn rất quyền thế của cha Tostado, đại diện được bổ nhiệm lại hội nghị dòng Cát Minh ở Piacenza, vừa tới Tây Ban Nha để cho thi hành những quyết định vừa được hội nghị thông qua chống lại Têrêxa. Cha mang theo đủ thứ giấy phép: hy vọng của phe kia như sống lại. Bây giờ kế hoạch của họ có thể thành công rồi.

Têrêxa bị cấm tiếp tục công việc của mình. Tostado ra lệnh cho mẹ phải rút về một tu viện nào tùy ý và không được lập thêm nhà mới nữa. Mẹ nói: “Chẳng khác nào tống tôi vào ngục”. Mẹ chọn tu viện Thánh Giuse ở Toledo. Còn cha Gracian đã vội vàng triệu tập một đại hội các tu sĩ đi chân đất, nên đã bị bắt giữ theo lệnh của cha Tostado. Mọi sự dường như đang xoay chiều thuận lợi cho phe theo qui chế khoan nhượng. Ormanento, sứ thần Tòa Thánh ở Tây Ban Nha, một người rất ủng hộ công cuộc cải tổ của các tu sĩ đi chân đất bất ngờ qua đời. Các tu sĩ Cát Minh đi giày đã thuyết phục Đức Giáo Hoàng chỉ định Đức Giám Mục Segar của Piacenza thay thế sứ thần ấy. Vị tân sứ thần này mang đủ mọi thành kiến với các tu sĩ đi chân đất. Ngài gọi Têrêxa là con người không bao giờ chịu ở yên và tóm tắt nhận xét của mình về Têrêxa như sau: “Đó là một phụ nữ cứng đầu, hồn xược đã phổ biến những lý thuyết nguy hại, lấy chiêu bài là vì lòng đạo đức nhiệt thành, một người đã bỏ tu viện của mình bất chấp lệnh của các bề trên, một người đầy tham vọng, giảng dạy thần học như thể mình là tiến sĩ

Hội Thánh, coi khinh giáo huấn của Thánh Phaolo rằng phụ nữ không được giảng dạy”. Bất cứ điều gì Tostado ban hành thay mặt dòng Cát Minh đều được Đức cha Sega chuẩn nhận nhân danh Đức Giáo Hoàng.

Khi Têrêxa rút về Toledo, đã thấy lưu hành những tập tài liệu đủ loại chống lại mình. Thế nhưng mẹ đã quen chịu đựng những khổ cực, phiền muộn, nên không quan tâm lắm tới chuyện đó. Mẹ nói: “Những thứ ấy làm tôi vui. Xin Chúa tha cho họ. Tuy nhiên nếu họ tố cáo tôi ngay thì hay lắm, vì chẳng ai tin những lời họ tố cáo”.

Lúc đó, một biến cố xảy ra khiến Têrêxa không thể bàng quan mà phải nghĩ tới biện pháp đối phó: Gioan Thánh Giá bỗng dưng bị đưa đi và bị bắt theo kiểu vô đạo đức. Ngài bị các tu sĩ đi giày bắt cóc và giấu đi. Têrêxa cố gắng tìm ngài nhưng vô ích. Sau khi sứ thần Tòa Thánh thông qua bản án chống Têrêxa và sau khi phổ biến văn thư ấy trong hàng giáo sĩ ở Tây Ban Nha, chẳng ai dám giúp Têrêxa tìm kiếm cha Gioan Thánh Giá. Têrêxa phải đương đầu một mặt trận đoàn kết các kẻ thù của mình. Tự nhiên Têrêxa nghĩ đến vua Philip II, không những ông là vua nước Tây Ban Nha mà còn là “người có thể lực nhất trong thế giới Kitô giáo thời đó”. Một lời nói của hoàng đế có sức mạnh không kém chi lời nói của Đức Giáo Hoàng. Nếu tranh thủ được sự hậu thuẫn của đức Vua, Têrêxa sẽ thắng kẻ thù, kể cả sứ thần Tòa Thánh.

Như một nhà ngoại giao tài ba rất nhanh nhẹn trong việc tranh thủ sự ủng hộ của các người quyền thế, Têrêxa thảo một lá thư và gửi cho đức vua, dùng những từ ngữ rất cảm động để trình bày âm mưu của kẻ thù đối với công cuộc cải tổ cũng như cho ngài biết việc bắt cóc một người thuộc phe mẹ - một người rất kính Chúa - cuối cùng xin đức vua bảo vệ mình. Vua Philip II hồi âm ngay lập tức. Ông đã đọc tập tiểu sử của Têrêxa và còn cẩn thận giữ một bản sao trong chiếc hộp đặc biệt, đi đâu cũng mang chìa khóa theo. Tập tiểu sử ấy đã đem lại cho đức vua những an ủi và khích lệ mà ngài đang tìm kiếm. Đức vua cũng đã

đọc biên bản kể lại những thị kiến của Têrêxa. Ngài thấy không cần tìm thêm chứng cứ để minh chứng sự vô tội của Têrêxa và sự bất công của những kẻ tố cáo Têrêxa.

Nhà vua đã quàn rành các quân thần vốn hay xua nịnh và các chức sắc Hội Thánh đầy mưu mô, nên cảm thấy thích gặp vị thánh kia. Ngài sai phái viên đặc biệt đi mời Têrêxa đến hội kiến.

Một lần nữa Têrêxa lại ngồi vào xe không nệm nhún để đi tới thủ đô Madrid. Một trận bão tuyết đã làm mẹ trẻ mấy ngày ở Valladolid và đến giữa tháng 12 năm 1577 mẹ mới đến cung điện của vua. Nhà cầm quyền thế giới thế lực nhất sắp đối diện với đại diện của một vương quốc không thuộc thế giới này. Đó là một cuộc hội kiến đi ra ngoài khuôn khổ bình thường của các cuộc hội kiến tại triều đình. Têrêxa mở đầu cuộc đàm đạo bằng cách nhắc lại những nhận xét miệt thị của sứ thần Tòa Thánh về mình. Rồi mẹ nói: “Thưa hoàng thượng, hoàng thượng nghĩ xem đây có phải là người phụ nữ cứng đầu, hỗn xược, đã phổ biến những giáo lý độc hại làm chiêu bài là do lòng đạo đức nhiệt thành hay không”. Nhà vua dường như có một nhận xét khác và bất ngờ người bỏ cung cách oai nghiêm để, như mẹ Têrêxa kể lại “cúi đầu lịch sự chưa từng thấy”.

Lời thỉnh nguyện của Têrêxa và câu trả lời của đức vua đã được quyết định chỉ trong mấy câu ngắn ngủi đó. Sau khi nghe Têrêxa trình bày trường hợp của mẹ và lời thỉnh nguyện xin đức vua giúp đỡ, vua Philip mới nói: “Đó là tất cả những điều bà muốn phải không?” Têrêxa thưa lại: “Thần xin vậy là nhiều lắm rồi”. Đức vua trấn an: “Vậy bà hãy an tâm, mọi sự sẽ diễn ra như bà muốn”. Đức vua nói như một người đứng trước mặt vị thánh sự nhớ đến thân phận tội lỗi của mình khi ngồi trên ngai.

Khi vua Philip II bắt đầu thực hiện lời hứa, ông đã làm như một nhà độc tài phản đối những âm mưu mà một người ngoại quốc Bồ Đào Nha là Tostado đã tự ý thực hiện ngay trên đất nước Tây Ban Nha để chống một vị thánh người Tây

Ban Nha. Đức vua chỉ cần ra lệnh cho người ngoại kiều đáng ghét ấy rời khỏi nước Tây Ban Nha. Khi Sega yêu cầu mở cuộc hội kiến, nhà vua đã phải ngồi nghe một loạt những lời khiển trách gắt gao. Thế nhưng ngay trong những chữ đầu tiên đức vua đáp lại cho vị đại diện Đức Giáo Hoàng đúng trọng tâm vấn đề: “Tôi biết các tu sĩ theo qui chế khoan nhượng rất ghét công cuộc cải tổ nhà dòng. Thế nhưng như vậy hẳn là không tốt, vì các tu sĩ đi chân đất đang sống một cuộc sống hoàn thiện rất nghiêm ngặt. Ngài có cổ võ nhân đức không, vì người ta cho tôi biết ngài không ủng hộ các tu sĩ đi chân đất”. Nhà vua yêu cầu Sega mở cuộc điều tra vô tư về công cuộc cải cách. Nhà ngoại giao Roma không thích đụng độ với ông vua hết sức Kitô giáo này nên đã đồng ý. Sau một cuộc điều tra công minh, mọi người đều thấy những lý do buộc tội Têrêxa và công cuộc cải cách đều không đứng vững. Sega thấy mình và cả Đức Thánh Cha đã bị một đám người manh tâm ác ý đánh lừa. Thế là chính Tòa Thánh đã ra sắc lệnh buộc chấm dứt vĩnh viễn mọi âm mưu của các tu sĩ Cát Minh đi giày nhằm chống lại các tu sĩ Cát Minh đi chân đất. Đức Giáo Hoàng Gregorio XIII đã ra tự sắc công nhận công cuộc cải tổ bằng cách lập một dòng riêng cho những tu sĩ Cát Minh đi chân đất. Như thế, phong trào của Têrêxa đã giành được sự độc lập, từ nay không có gì có thể cản trở sự tăng trưởng của dòng.

* * *

Têrêxa cũng đồng thời tiếp nhận được Gioan Thánh Giá. Ngài trở về với một thân xác tiều tụy vì những ngày sống trong ngục. Việc ngài trở về được nhiều người coi như một phép lạ. Các tu sĩ Cát Minh đi giày đã bắt cóc ngài, giữ ngài chín tháng trong một căn phòng chật hẹp bên trong tu viện của họ. Phòng chỉ rộng 6 bộ Anh và dài 10 bộ (một bộ khoảng 30 cm), sáng lờ mờ vì chỉ có một cánh cửa với song sắt nhìn ra một lối đi có tường bao quanh. Ngài ngủ với một

hai tấm vải rách mang bên mình. Thức ăn vồn vẹn chỉ có hai ba miếng bánh mì mốc và nửa ly nước. Ban đầu người ta đưa phần ăn cho ngài hằng ngày, nhưng về sau thì chỉ đưa hai lần mỗi tuần. Thấy ngài chưa chịu bỏ niềm tin vào công cuộc cải tổ, họ mới nghĩ ra biện pháp nghiêm khắc hơn: mỗi tối họ mang ngài ra nhà ăn để đánh. Con người gầy trơ xương, bị lột áo cho tới thắt lưng, quỳ giữa phòng cho các tu sĩ cầm gậy que thay phiên nhau đi vòng quanh và giáng mạnh xuống người cho tới khi máu chảy và khi thân xác rách tả tơi của ngài ngã xuống bất tỉnh. Đêm nào ngài cũng bị đánh, nhưng ngài vẫn không rút lại niềm tin vào sự cải cách. Đám người hành hạ ngài tức giận hét lên: “Đồ ngu!”. Ngài chỉ đăm đăm nhìn họ trong lòng im lặng; tất cả sự tra tấn này đối với ngài mới chỉ là một chặng đường “bắt chước Đức Kitô”.

Khi cơn thử thách đã qua, khi xác thân bị ngược đãi tội nghiệp, lại nằm xuống trong hốc tường tu viện đen ngòm, thì một sự sống khác như chỗi dậy nơi tâm hồn ngài, sự sống ấy không hề hấn gì trước sự thù ghét của loài người. Sự sống ấy chuyển thành bài ca và bài thơ. Lúc đó những sự tra tấn hành hạ mà ngài từng chịu bỗng trở nên ngọt ngào êm dịu. Bài ca êm dịu ấy mang một cung giọng bay bổng vượt trên cuộc sống và nỗi khổ. Gioan Thánh Giá không muốn để mất đi bài ca ấy, ngài ôn đi nhắm lại cho tới khi nó in sâu vào tâm trí. Ngài bị đánh suốt mười bảy đêm. Cứ mỗi đêm sau một trận đòn bài ca của ngài lại thêm một đoạn tứ tuyệt. Mười bảy đêm đó đã đẻ ra mười bảy đoạn thơ, sau này được ghi chung lại thành “Ca khúc tâm linh” của Gioan Thánh Giá. Đó là bài thánh thi vừa cao siêu vừa đầy đam mê hơn bất cứ bài nào khác cả trong văn chương Tây Ban Nha và cả trong văn chương thế giới.

Kẻ tra tấn thì lo nghĩ ra đủ mọi hình thức tra tấn, còn ngài thì tìm cách làm sao cho những đoạn thơ ấy càng tuyệt hảo. Một thị kiến chói lòa đã làm căn phòng tối tăm của ngài rực sáng lên. Ánh sáng đó phát ra từ chiếc áo ngoài của Đức Trinh Nữ. Đức Mẹ hiện đến và bảo Gioan đứng dậy đi ra. Đi qua ô cửa có

song sắt? Vượt qua tường và mái nhà à? Gioan không thắc mắc, không vặn hỏi. Ngài cứ lẳng lặng thực hành.

Thân xác rách nát của ngài bỗng đứng dậy cách mạnh mẽ. Hai cánh tay rã rời của ngài đã bẻ cong được dễ dàng những song cửa sắt. Hai tấm vải xác sơ làm chần đắp nay được thắt thành một sợi dây và Gioan nương theo đó tụt xuống bức tường phía dưới. Ngài ngã lăn ra nhưng không bị thương. Ngài đề xuống một đồng rác nhưng không biết mình đang ở đâu. Một con chó đang sục sạo thức ăn vụt chạy vào bóng đêm. Gioan đi theo. Con chó nhảy qua tường, Gioan cũng leo qua tới một khoảng sân vuông. Ngài nghe tiếng nói của một phụ nữ. Nương theo tiếng nói ngài đi tới một căn nhà và bước vào. Chính là tu viện của các nữ tu đi chân đất. Đang khi các tu sĩ đi giày đuổi theo ngài với đèn đuốc, gậy gộc, hò la giận dữ, thì ngài vẫn nằm yên cho các nữ tu chăm sóc tại phòng bệnh của tu viện. Con người mơ mộng của trời cao ấy cầm cự được trước những thách thức của thế gian và đã tìm lại được chỗ đứng bên cạnh mẹ Têrêxa.

Lúc này Têrêxa đã 63 tuổi. Chỉ còn 4 năm nữa thôi, nhưng từng ấy cũng đủ để mẹ mở rộng và củng cố sự nghiệp của mình. Mẹ mô tả mình lúc đó như “một phụ nữ luống tuổi, không còn ích lợi chi nhiều, già nua và mệt mỏi...”, nhưng mẹ nói thêm: “Tuy nhiên ước vọng của tôi vẫn còn mãnh liệt lắm”. Cộng thêm vào những bệnh tật của tuổi thanh xuân bây giờ mẹ lại mang thêm những đau đớn của tuổi già. Trên đường đi xuống tầng dưới dự Thánh Lễ Giáng Sinh của tu viện Thánh Giuse (tại Avila), mẹ Têrêxa ngã vì bị choáng, và tay trái của mẹ đã gãy. Từ đó mẹ không thể thay quần áo nếu không có người giúp đỡ. Có lúc mẹ như bị tê liệt hoàn toàn. Khi bình phục mẹ phải chống gậy bước đi. Dạ dày của mẹ hầu như không thể giữ lại chút thức ăn gì. Những cơn đau tim ngày càng tăng khiến mẹ phải nằm luôn trên giường. Mẹ viết cho cha Gracian: “Con chẳng hơn gì một cụ già đáng thương”.

^Ay vậy mà những năm cuối đời đó mẹ vẫn không nghỉ việc. Mẹ vẫn công du,

không ngại khó khăn hay vất vả. Mẹ không ngừng làm việc để củng cố và nuôi dưỡng công cuộc cải tổ của mình. Mẹ tới thăm các cơ sở đầu tiên, kiểm tra, xem xét, sửa chữa, cải thiện và lập nhiều nhà mới nữa. Mẹ còn soạn thảo một văn bản hiến pháp rất kỹ lưỡng cho nhà dòng và triệu tập tổng đại hội đầu tiên.

Bệnh tật rớt cuộc chỉ là cái nền u ám làm nổi bật lên khuôn mặt sáng ngời của mẹ thôi. Ngày xưa bệnh tật đã từng là nguồn cho mẹ có những thị kiến thì nay nó cũng là đá thử vàng chứng minh ý chí của mẹ, một ý chí có thể làm chủ thân thể mảnh khảnh yếu ớt của mình.

Trong một lần đi kinh lý tại Malaga, mẹ bỗng bị tê liệt. Thế nhưng vừa cử động được là mẹ vội vàng lên đường. Đến Toledo, mẹ lại bị một cơn nữa. Chị em năn nỉ mẹ nghỉ ngơi, ít là vài ngày. Thế nhưng mẹ không chịu: “Tôi đã quen chịu đau khổ rồi, nên tôi có thể chịu được cuộc hành trình này”. Sáng hôm sau mẹ tới Segovia. Kể từ đó người mẹ run lên vì kiệt sức và khi tới Valladolid mẹ ngã quỵ. Thế nhưng mẹ lại gượng dậy cố đi tiếp tới Salamanca, rồi trở về Avila. Mẹ không chú ý tới cơn đau tim nặng, chuẩn bị lên đường đi Palencia, tình hình sức khỏe của mẹ lại càng tồi tệ hơn. Mẹ phải thừa nhận: “Tôi yếu lắm rồi, tôi không thể sống nữa”. Thế nhưng mẹ lại lên đường cùng với đoàn tùy tùng bé nhỏ của mình tới Burgos lập tu viện cuối cùng cho dòng mình thêm rạng rỡ. Dù yếu ớt, dù được bạn bè cảnh giác về những khó khăn trong chuyến đi cuối mùa đông đó, mẹ vẫn không rút lại quyết định.

Đau khổ ngập đầy nhưng ý chí mẹ vẫn không lay chuyển được, lòng mẹ vẫn tràn ngập niềm vui khi nghĩ tới công trình mới ấy. Mẹ leo lên xe và vui vẻ bảo người thắng lừa khởi hành. Đường xá ngập nước vì những cơn mưa xối xả cuối mùa đông và đầu xuân. Bùn ngập tới tận trục bánh xe và cuối cùng các xe đều bị kẹt hết. Hành khách phải bỏ xe lại và đi bộ. Nếu không có người mẹ ốm yếu già nua nhưng vui vẻ bước đi, dựa vào tay của hai chị, vừa đi vừa động viên chị em bằng lời nói bông đùa hoặc xây dựng thì chắc cả đám đã dừng lại trong vũng

sinh đó! Với những cố gắng hầu như vượt sức người cuối cùng họ cũng đã băng qua được vũng sinh đó. Đến đây họ đã có thể trông thấy mấy ngọn tháp của thành phố Burgos. Sông Arlazon bây giờ đã dâng cao thành thác nước. Chiếc cầu bắc qua sông đã bị cuốn trôi. Thế nhưng mẹ vẫn không quay lại, nhất là khi mẹ trông thấy những đường nét của ngôi nhà Cid Campeador đằng xa. Mẹ vui vẻ nói: “Mặc kệ, nếu chị em té xỉu dọc đường, nếu thế giới này có sụp đổ thì mọi sự vẫn tốt, miễn là chị em đạt được mục tiêu của mình”. Khi thấy vài chị em còn do dự. Mẹ tin tưởng nói thêm: “Chúa đã giúp ta băng qua vũng sinh, Ngài cũng sẽ giúp ta vượt qua con sông này”. Rồi mẹ dẫn đầu, đặt chân vào dòng nước lạnh như đá. Sự cương quyết của mẹ khích lệ các nữ tu đang do dự. Rồi lần lượt người này kẻ nọ theo mẹ bước xuống nước. Khi tới giữa sông mẹ trượt té. Một dòng nước đã cuốn mẹ đi. Mẹ không la, không sợ mà chỉ cầu xin Chúa: “Làm sao Chúa đặt nhiều khó khăn như thế trên đường chúng con đi?”. Rồi Chúa hiện ra và trả lời: “Đó là cách Ta thích xử với các bạn của Ta”. Têrêxa không chút lúng túng đáp lại với óc trào phúng cố hữu của mình: “Lạy Chúa chính vì thế Chúa chỉ có ít bạn!”.

Các nữ tu còn đứng yên không biết làm gì, thì đã vui mừng và ngạc nhiên khi thấy mẹ đưa ta vẫy họ từ bên kia bờ. Về sau họ cũng không hiểu làm sao họ băng qua được con sông đó. Họ chỉ nhớ là mình đã đi theo tiếng gọi của mẹ. Ngay tối hôm đó đến Burgos và sáng hôm sau bắt đầu thành lập tu viện mới. Đó là cơ sở cuối cùng của Têrêxa, mẹ đặt tên là tu viện: “Thánh Giuse vinh hiển của Burgos”.

Nếu đã tới Burgos được thì theo như mẹ nghĩ, mẹ cũng có thể tới Alba de Tormes. Tuy nhiên khi tới Alba mẹ bị xuất huyết ở phổi và phải nằm. Lần này là nằm vĩnh viễn. Những tuần đầu, dù yếu ớt nhưng mẹ vẫn cố giữ các luật của nhà dòng do chính mẹ đặt ra. Mẹ giữ các giờ cầu nguyện và chay tịnh, làm tất cả các bổn phận trong nhà. Mẹ nhận thấy rằng bổn phận của mẹ lúc này không phải là

làm chủ sự sống mà là chiến thắng cái chết một cách vui vẻ, can đảm, cương quyết còn hơn cả khi chu toàn các bổn phận sống. Mẹ đã có kinh nghiệm về nghệ thuật chết, và các chết – mục tiêu của cuộc hành trình cuối cùng – xưa nay vẫn là điều quen thuộc với mẹ. Mẹ thường sống cái chết trước, mỗi khi có kinh nghiệm thần bí về cái chết, mỗi khi viết những bài thơ về sự chết. Đối với một người sống vừa ở thế giới này vừa ở thế giới sau cùng một lúc, thì cái chết chẳng gây nhức nhối gì. Cái chết chẳng qua là ngưỡng cửa phải bước qua để từ đây vĩnh viễn sống trong vương quốc bất tử.

Ngày xưa Têrêxa đã từng nói: “Ôi tử thần, tôi biết không có ai sẽ sợ người nữa khi chính người đã chứa đầy sự sống. Thật là hạnh phúc khi biết rằng chúng ta sắp bước sang quê hương của mình chứ không phải một nơi xa lạ gì. Rồi trong một bài thơ tuyệt đẹp: “Nỗi khao khát của linh hồn muốn tới kết hợp với Thiên Chúa”, mẹ viết:

*Cả đời tôi xin nằm lại đây
Trong cái chết chắc chắn này
Rồi lại gặp nhau trong sự sống
Tử thần hỡi, người là nguồn sống
Là nguồn hy vọng của ta ơi
Ta sẽ chết chỉ vì ta không chết*

Vui tươi đón nhận cuộc sống là những nét của Phanxicô, nhưng nghiêm chỉnh chấp nhận cái chết cũng là một nét của ngài. Cho đến phút cuối cùng, mẹ Têrêxa nỗ lực để chu toàn sứ mạng trong thế giới này. Khi các nữ tu đã quây quần quanh giường bệnh, mẹ quay mặt lại, nhìn họ: “Vì tình yêu Chúa, tôi xin chị em hãy hết sức cẩn trọng tuân giữ Nội qui và Hiến pháp, đừng để ý đến những gương xấu mà người nữ tu xấu xa này gây ra, xin mọi người hãy tha thứ cho tôi”. Quay mặt vào tường ngài thưa với Chúa: “Lạy Chúa, giờ con trông mong đã tới, linh hồn con vui sướng vì sắp được ở với Chúa mãi mãi”.

Trong suốt chín giờ cuối cùng, Têrêxa hoàn toàn không biết gì. Đêm hôm đó, khoảng 9 tới 10 giờ mẹ qua đời, nhằm ngày 4.10.1582. Theo lịch kính các Thánh đó cũng là ngày kính Thánh Phanxicô Assisi. Còn đối với thế giới đó là tối hôm trước ngày chính thức sử dụng lịch Grêgoriô.

Thế là cuối cùng linh hồn Têrêxa đã đi vào nơi yên nghỉ đời đời của Chúa, nhưng thân xác ngài vẫn tiếp tục thuộc về mặt đất luôn sôi sục này. Sau khi nằm yên được 9 tháng trong mộ ở Alba, thân xác mẹ lại được đưa lên một cỗ xe què mùa không nệm đi về Avila, theo quyết định của cha Gracian bề trên tổng quyền dòng Cát Minh đi chân đất.

Có thể nói vắn tắt, chuyến đi này không khác gì một màn kịch của những người cuồng si được chấp nối với bi kịch cao đẹp của một vị thánh. Têrêxa đã chết trong chuyến kinh lý cuối cùng ở Alba de Tormes, đã chết và được chôn cất tại đó. Thế nhưng mẹ sinh ra ở Avila và đã từng làm bề trên một tu viện ở Avila. Những tin tức về thi hài làm phép lạ của mẹ vừa về tới Avila thì đã có sự cãi cọ kịch liệt giữa hai thành phố xem ai có tư cách hơn để giữ thi hài thánh nhân. Cha Gracian bênh vực Avila không những vì đó là nơi Têrêxa chào đời mà còn là nơi khai sinh sự thánh thiện cũng như khai sinh cuộc cải cách. Thế nhưng Alba de Tormes là lãnh địa của các công tước quyền thế, họ coi thi hài thánh nhân là một phần tài sản của họ. Dân chúng ở Avila đành phải tiến hành một cách kín đáo nếu họ muốn có thi hài của mẹ: họ phải ăn cắp thôi.

Cha Gracian đã tiết lộ bí mật ấy cho bà bề trên ở Alba và để chặn trước mọi sự can thiệp bất ngờ, bà đã bắt các nữ tu có mặt để hát kinh tụng từ sáng sớm. Trong khi các nữ tu say sưa hát thì thi hài hay làm phép lạ của mẹ Têrêxa được lôi ra khỏi mộ, chất lên một cỗ xe thô sơ và chạy về Avila.

Thi hài ấy vừa chôn xong ở Avila thì các phép lạ bắt đầu thấy xuất hiện. Người ta giữ các phép lạ ấy rất kín vì không muốn để nhà công tước ở Alba hay tin. Việc chôn cất thi hài tiếp sau đó cũng được một phái đoàn đặc biệt gồm các

chức sắc của Hội Thánh tiến hành đằng sau các cánh cửa đóng kín, và mọi người có mặt lúc đó phải thề giữ im lặng tuyệt đối việc này. Thế nhưng dù thề thốt bao nhiêu đi nữa, ngay ngày hôm sau cả thành Avila đều biết khi lôi xác ra khỏi hòm ai cũng nhìn nhận là xác không có dấu hiệu gì tan vữa cả, một bàn tay của mẹ chừa ra ngoài như để ban phép lành cho tỉnh nhà mình. Tin ấy đến tai dân thành Alba rất nhanh. Các nữ tu ở Alba bỗng hay tin rằng ngôi mộ mà họ đang đứng khóc và cầu nguyện đằng trước này hoàn toàn trống rỗng, thánh nhân đã chìa tay ban phép lành cho thành Avila.

Vì sợ công tước phu nhân, bà bề trên ra lệnh các nữ tu phải tuyệt đối giữ kín chuyện này. Tuy nhiên một chị giáo dân còn trẻ giúp việc trong bếp lén nghe ngoài cửa, đã nhét một tờ giấy nhỏ vào trong chiếc bánh sinh nhật mừng công tước phu nhân, cho biết toàn bộ câu chuyện xác bị đánh cắp và những phép lạ đã xảy ra tại Avila.

Công tước phu nhân rất cảm động trước món quà đơn sơ của các nữ tu. Sau khi cắt bánh, bà bỗng nổi giận khi đọc được mẫu tin đó. Bà quên cả bữa tiệc sinh nhật, quên cả khách khứa, chạy ra đường và đương đầu quay về phía nhà dòng, gào lên thảm thiết “Người ta đã cướp xác thánh nhân! Người ta đã cướp xác thánh Têrêxa. Bà phải chịu một tai họa bỉ ổi, một nỗi oan ức phải kêu thấu tới trời! Đành rằng Têrêxa sinh ở Avila nhưng ngài đã chết ở Alba và từ Alba ngài được lên thiên đàng. Xác Têrêxa phải thuộc quyền sở hữu của Alba.” Công tước phu nhân không thể chịu được sự ăn cắp bỉ ổi đó. Bà cấp tốc sai một phái viên tới gặp Đức Giáo Hoàng ở Rôma, yêu cầu ngài đền bù thiệt hại mà Alba phải chịu. Dòng họ Alba xưa nay vốn là cột trụ thân thế ở Rôma. Đức Giáo Hoàng ra lệnh phải trả lại thi hài thánh Têrêxa. Để đề phòng mọi can thiệp có thể xảy tới phải tiến hành việc trao trả hết sức bí mật. Một đêm kia, đang khi các nữ tu, giám mục và cả thành Avila còn yên giấc điệp thì một cỗ xe bịt bùng chạy vào cổng thành và mang thi hài Têrêxa về lại Alba.

Tuy nhiên, dưới chân bàn thờ của thánh đường lớn tại Alba – nơi chôn cất Têrêxa – thánh nhân vẫn chưa được yên. Ngôi mộ của ngài được mở đi mở lại để các ủy ban đặc biệt kiểm nhận là thực sự không bị rửa nát. Rồi không bao lâu sau tin tức về các phép lạ do thi hài thánh nhân đem lại, tiếp tục lôi kéo các giáo hữu đạo đức âm mưu cướp lại xác đó.

Tuy nhiên, ngoài trò hề này, Nhà nước và Hội Thánh đã phải ban tặng nhiều danh dự đặc biệt cho vị thánh của công cuộc cải tổ ấy. Triều đình và nhà vua Tây Ban Nha đã hợp tác xin Đức Giáo Hoàng Urban XIII công bố nhận thánh Têrêxa làm bổn mạng nước Tây Ban Nha, cùng với thánh Giacôbê. Hồ sơ phong thánh của Ngài bắt đầu được xúc tiến. Năm 1614, dưới sự hướng dẫn của đô đốc Don Carter Porin, bảy mươi chiếc trong đoàn tàu của cảng Genoa đến cảng Sevilla để trao sắc lệnh phong chân phúc cho Têrêxa. Rồi tám năm sau, Têrêxa được phong thánh cùng với Thánh Inhaxiô Lôiôla và Phanxicô Xaviê.

* * *

Trong số những người ủng hộ việc phong thánh Têrêxa không những các vua quan Kitô giáo và các chức sắc Hội Thánh mà còn có cả hai tác giả lớn của Tây Ban Nha lúc đó là Micaen Cervantes và Luis de Vega. Vì Têrêxa đã được Chúa ban cho không những ơn có các thị kiến mà cả những ơn ngôn ngữ nữa, mẹ đã sống cuộc đời của một thánh nhân và với tài năng của một đại thi hào, mẹ đã diễn tả được kinh nghiệm ấy của mình thành văn chương. Đáng khôn tả đã hiện diện với mẹ trong chính bản chất hoàn toàn tinh thần của mình. Thế mà nhà thơ của chúng ta đã tìm ra từ ngữ để biến kinh nghiệm ấy thành những hình thức có thể cảm được. Mẹ đã tìm ra những hình ảnh để diễn tả cái mà trên đời này không có gì tương tự, cái không thể nghĩ ra; mẹ đã tìm ra ngôn ngữ để kể lại nhưng điều được kể cho mình một cách vô ngôn, Cervantes coi những hình ảnh

so sánh và ẩn dụ của mẹ là những “hạt ngọc của thi ca”. Mẹ đã xuất thần và trong những lúc đó Mẹ được nhắc lên trời. Nhịp độ của những cơn xuất thần cũng như hạnh phúc của những kinh nghiệm ấy đã được mẹ đưa vào nhịp độ và vẻ đẹp của những câu thơ, những đoạn tứ tuyệt.

Têrêxa de Cepeda bây giờ đã trở thành một thành phần trong cộng đồng các thánh, cũng được Chúa ban cho trở thành thi sĩ. Danh tiếng của mẹ về mặt này đã được nhìn nhận trong lịch sử văn chương và còn sống qua nhiều thời đại; còn sự nghiệp cải cách dòng tu của mẹ chỉ được biết đến trong lịch sử Hội Thánh. Tuy nhiên mọi điều mẹ viết ra với vẻ đẹp bất tử ấy chỉ là để phục vụ công cuộc cải tổ dòng tu. Những vần thơ ấy được độc giả khắp nơi ưa thích và ngưỡng mộ gần 400 năm nay, thật ra chúng chỉ được thai nghén một cách khiêm tốn để phục vụ một thiểu số nữ tu đi chân đất thôi.

Mọi sự trong cuộc đời Têrêxa đều lệ thuộc về nhau. Con người thấu thị nơi mẹ không thể tách rời con người bệnh tật, nhà cải cách thực tiễn không thể đứng độc lập với nhà thần bí chiêm niệm. Vai trò này luôn luôn bị quyết định bởi vai trò kia. Tư thế nhà thơ nổi bật được cũng là nhờ tư thế của một nhà tu xông xáo.

Khi những kế hoạch thành lập tu viện đầu tiên bị tiết lộ, tạo ra một cuộc công kích dữ dội, cha giải tội của Têrêxa đã báo ngài viết một bản thú nhận thật đầy đủ cho biết chi tiết cuộc sống bên ngoài và bên trong tâm hồn ngài. Đây là dịp để ngài viết bản “Tiểu sử” (Vida) đầu tiên của mình. Bản tiểu sử thứ hai – bản hiện nay được phổ biến, khác bản trước ở chỗ nó có kể lại việc thành lập các tu viện Cát Minh đi chân đất – cũng được viết ra theo yêu cầu chính thức của Chủ Tịch Tòa điều tra tôn giáo là Francisco Soto y Salazar và nhằm giúp các chuyên viên trong bộ Thánh vụ điều tra vụ tranh chấp với các nữ tu bất mãn trong dòng. Mẹ Têrêxa hoàn thành tập này đang khi làm bề trên tu viện Thánh Giuse ở Avila, sau khi các nữ tu đã đi ngủ. Lúc đó ngài đã gần năm mươi tuổi và còn đau yếu. Trong căn tu phòng nhỏ không bàn ghế, không có các ô cửa kính.

Lúc đó lại đang mùa đông, những cơn gió cắt da cắt thịt ở Castilla thổi qua những khung cửa bịt vải. Mẹ bẽ trên già yếu ấy ngồi cúi mình trên nền nhà lát gạch, ép tấm giấy sát khung cửa và viết vội viết vàng hết trang này trang khác, bằng những ngón tay đã bị tê cóng. Ngài vẫn không đầu hàng, mà cứ ngồi viết, hết đêm này tới đêm khác, thường kéo dài cho tới tờ mờ sáng hay thậm chí tới giờ thức dậy đi dự Lễ.

Trong những đêm lạnh giá đó, một kiệt tác đã được thực hiện trên khung cửa của căn buồng nhỏ, ngài không còn thì giờ để lau chùi và cắt xén những tấm giấy bằng da cho đẹp, cũng không có giờ để sửa chữa các lỗi văn phạm, lỗi chấm câu. Toàn bộ bản thảo tập “Tiểu sử” ấy – hiện được giữ ở Escorial – chỉ có mười bốn chỗ sửa, nhưng những sai sót ấy đã được bù đắp bởi giá trị văn chương của toàn bộ, một điều mà không có tác phẩm tự thuật nào trong văn chương thế giới có thể đạt được, ngoại trừ cuốn “Tự thú” của Thánh Âu Tinh.

Sự phân tích bản thân một cách sâu sắc xuyên suốt trong tác phẩm làm các nhà tâm lý hiện nay phải ngạc nhiên, và khiến đại triết gia người Đan Mạch là Harold Hoefffer phải xếp Têrêxa vào số các nhà sáng lập ra khoa tâm lý hiện đại. Không có chỗ nào mô tả bệnh lý khúc chiết hơn bản tường trình bệnh tình của Têrêxa thực hiện, và ngoài Dostoevski, không có thiên tài nào có thể sánh với nhà phân tích của thế kỷ 16 đó, khi trình bày rất rõ ảnh hưởng hỗ tương của bệnh tật và sức sáng tạo. Tuy nhiên tất cả những đặc điểm này chỉ là do người nữ tu kính Chúa ấy muốn trình bày cho cha giải tội và các thẩm phán ở Tòa điều tra một bản tự thú hết sức trung thực, không giấu giếm hay che đậy điều gì. Ai thổ lộ trung thực sẽ là người thổ lộ đầy đủ nhất. Vì thế, từ tập “Tiểu sử” ấy ta đã rút ra được một bức tranh mô tả đầy đủ và trung thực về chính ngài – một nhân vật ngoại thường, một phụ nữ giàu sinh lực, có ý chí, óc trào phúng và sự nhạy cảm. Những nét đặc biệt này cũng hiện rõ trong cả trăm lá thư hấp dẫn của ngài, đã được thu thập lại thành ba bộ dày cộm.

Những lời tự thú của Ngài được viết ra cho cha giải tội và cho Tòa điều tra chứ không cho ai khác. Còn công trình thứ hai tức là các thư – được thực hiện cho các nữ tu của Ngài. Ngay sau khi hoàn thành tập tiểu sử, Ngài bắt đầu viết cuốn “Đường hoàn thiện”. Trong đó Ngài kể lại con đường mà ngài đã khám phá ra được sau bao sai sót và đau khổ. Ngài học lại điều đó từ kinh nghiệm của mình và nay ngài chỉ lại cho những ai chưa kinh nghiệm biết con đường đi từ khẩu nguyện đến cầu nguyện bằng thính lặng, từ suy niệm đến chiêm niệm, từ khổ chế thân xác đến khổ chế tinh thần ở mức cao nhất, hay những giới hạn xa nhất của cuộc sống con người, nơi đó bắt đầu thế giới thứ hai, có Thiên Chúa đang chờ đón người lữ khách. Dù được nâng lên hàng cao đẳng trong các thánh do một ân sủng của Thiên Chúa, nhưng quan niệm của ngài về ân sủng, giống quan niệm của một thánh nhân cùng thời là Inhaxiô Lôiôla, là một quan niệm rất dân chủ: ngài cho rằng bất cứ ai thực sự cố gắng đều có thể đạt được sự hoàn thiện. Ngài khuyên các nữ tu của mình đừng tìm gì hết mà chỉ tìm những sự hoàn hảo nhất: “Khi chị em làm điều gì không hoàn hảo, Chúa không cho phép chị em nói: Tôi không phải là thiên thần hay thánh nhân, nhưng ta sẽ được nâng đỡ rất nhiều nếu tin rằng ta có thể trở thành thiên thần hay thánh nhân với sự giúp đỡ của Thiên Chúa. Tôi muốn thấy niềm đó trong nhà này”. Ở một chỗ khác Têrêxa lại nói:

“Đúng là Chúa ban cho những kẻ Ngài chọn. Thế nhưng nếu ta cứ tìm Ngài như Ngài tìm ta, Ngài sẽ ban cho ta tất cả những ơn huệ đó. Ngài chỉ khao khát những linh hồn để Ngài có thể đổ những ân huệ ấy xuống, vì có cho đi nhiều như thế sự phong phú giàu có của Ngài cũng không giảm đi”.

Một người đã nhờ thực hành cầu nguyện mà được biến đổi, biến dạng, nay muốn thông chia sự hiểu biết ấy cho các nữ tu của mình trong cuốn “Đường hoàn thiện”. Những lời chỉ dạy của Ngài đạt tới đỉnh cao trong bài luận bàn về kinh Lạy Cha. Ở đây ngài đã thành công khi làm cho độc giả cảm được sức mạnh

bồi dưỡng của kinh ấy. Chỉ có Leo Tolstoi, vị thánh của Jasnaja Piljana là sánh kịp Têrêxa trong việc cảm nhận sức mạnh của Kinh Lạy Cha.

Hình ảnh cảm kích, những so sánh độc đáo, bút pháp hùng hồn, đó là những đặc điểm văn chương của toàn bộ tác phẩm này. Đó cũng là kết quả của lòng nhiệt thành nơi một tu viện trưởng muốn dạy môn sinh của mình con đường hoàn thiện. Tuy nhiên kinh nghiệm thần bí của Ngài về Thiên Chúa không thể được truyền đạt một cách tường tận, chính xác tối đa được. Rồi để chia sẻ cho con cái mình điều ấy ngài đã tìm đến một phương thế khác là dùng hình thức thi ca của các thánh thi mà diễn đạt. Từ đó mới có những bài thơ trác tuyệt như “Tiếng gọi linh hồn”, và “Những thánh ca tâm linh”.

Năm 1557, nghĩa là mười năm sau khi hoàn thành cuốn “Đường hoàn thiện” và năm năm trước khi qua đời, tại Toledo ngài đã viết tác phẩm thứ ba và cũng là tác phẩm lớn cuối cùng của Ngài, tựa đề “Lâu đài nội tâm”. Như vậy chuyện linh hồn của ngài được kể lại đầy đủ như một tác phẩm ba tập, những chỉ dẫn thần bí của người lãnh đạo các nữ tu đi chân đất đã được ghi lại xong xuôi, và nghệ thuật phân tích độc đáo của nhà thơ Têrêxa đã đạt tới đỉnh cao. Tác phẩm “Lâu đài nội tâm” cũng giống như các tác phẩm trước được viết ra do sự thúc bách và vì ích lợi của phong trào cải tổ dòng tu, Cha giải tội của Têrêxa là Jeroma Gracian – nay đã làm bề trên tổng quyền dòng Cát Minh đi chân đất – đã ra lệnh cho ngài trình bày những kinh nghiệm thần bí của ngài trong việc kết hợp với Thiên Chúa thành một hệ thống, có thể dùng để dạy dỗ các nữ tu.

Theo lệnh một cha giải tội trước ở Avila, Têrêxa đã thuật lại chi tiết và trung thực ơn Chúa và những thị kiến của mình trong tập “Tiểu sử” (Vida). Rồi trong tập “Đường hoàn thiện” ngài lại chỉ cho các nữ tu cách cầu nguyện với Chúa mà chính ngài đã thi hành. Bây giờ, cha Gracian lại yêu cầu ngài trình bày một cách hệ thống thế giới của Thiên Chúa trong tâm hồn ngài. Ngài ý thức rất rõ quãng cách đáng tiếc giữa kinh nghiệm xuất thần và việc diễn tả kinh nghiệm ấy thành

lời. “Một đôi điều trong kinh nghiệm ấy cao siêu đến nỗi đang khi còn sống tại trần gian này con người không thể hiểu được để có thể kể lại cho người khác. Tôi không thể trình bày làm sao cái ta quen gọi là “nhiệm hiệp” (“unio mystica”) đã xảy ra và bản chất của nó là gì. Thần học cố gắng giải thích điều đó, còn tôi không biết những thuật ngữ khoa học, cũng không hiểu tâm trí là gì, khác với linh hồn và thần khí thế nào.

Khi cha Gracian bảo ngài viết cuốn “Lâu đài nội tâm” ngài đáp lại: “Tại sao cha muốn con viết? Cha hãy để những người thông thái, những người đã học hỏi viết, vì con chỉ là đứa ngu đần không biết mình đang nói gì: con sẽ dùng chữ này vào chỗ này thay vì vào chỗ khác, và con sẽ làm hại độc giả nhiều hơn. Có nhiều sách nói về vấn đề này rồi. Vì tình yêu Chúa, con mong cha để con ngồi dệt vải, làm các việc vặt trong nhà và các bổn phận trong dòng cũng như các chị em khác, con không có khiếu viết”. Thế nhưng cuối cùng ngài phải chấp nhận. Khi ngồi viết trong tinh thần vâng phục, ngài đã mở đầu tác phẩm như sau: “Tôi không biết nói gì và phải bắt đầu công việc này thế nào – một công việc mà vì đức vâng lời tôi phải thi hành”.

Không kể những khó khăn chủ quan, những hoàn cảnh biên soạn tác phẩm của Ngài cũng hết sức bất lợi. Năm 1577 là một trong những năm khó khăn nhất của đời ngài: Đó là năm bị “chặt tay chặt chân” trong cuộc đấu tranh tuyệt vọng. Các đối thủ của ngài là Tostado và Segá đã giáng hết đòn này đến đòn khác trên công cuộc cải tổ của Ngài. Phe theo qui chế châm chước đã cho phổ biến những tập tài liệu nhục mạ Ngài. Ngài bị đày tới tu viện Toledo và đành phải giới hạn công cuộc đấu tranh ấy trong những thư từ thôi. Ngày 2.6 Ngài khởi sự viết cuốn “Lâu đài nội tâm”. Hai tuần sau ngài cắt ngang công việc và mãi giữa tháng 11 mới bắt tay lại làm việc.

Những thăng trầm ấy càng nặng nề do tình hình sức khỏe yếu kém của Ngài. Một nạn dịch cúm đang lan tràn cả nước Tây Ban Nha lúc đó đã phá tan sức

kháng cự của Ngài, và khi bình phục, những cơn bệnh cũ lại tái phát mãnh liệt.

Trong tác phẩm đó Ngài viết “Con phải kể cho cha nghe những gì đang diễn ra trong đầu óc con. Con phải nghe những tiếng động khủng khiếp và không thể nào tập trung viết những điểm chính được. Con có cảm tưởng như nhiều cơn sóng tràn bờ đã ào ạt chảy xuống vực thẳm trong đầu óc con, rồi tiếng nước ầm ầm nhận chìm tất cả những tiếng chim ca hót. Đầu óc con mệt mỏi, con nhúc nhúc mỗi lúc một nặng và phải cố tuân theo lời cha”.

Tuy nhiên, hễ cầm bút là Ngài làm được ngay những điều tưởng là không thể làm được, như khi mô tả những biến cố thần linh đã thấy trong các thị kiến. Ngài bỗng nhiên tìm ra những thành ngữ thích hợp để diễn tả những điều khôn tả một cách chính xác và dễ dàng. Người phụ nữ khiêm tốn, không được học hành bao nhiêu này đã phân biệt được các loại thị kiến khác nhau một cách minh bạch đến độ sau này các học giả dám sánh với sự phân biệt sáng suốt của nhà đại tư tưởng kinh viện là Thánh Tôma Aquinô. Mọi xáo trộn bên ngoài hay toàn bộ thế giới với những biến cố ấy như biến mất, mỗi khi ngài cầm bút viết cuốn “Lâu đài nội tâm”. Ngay cả những năm tháng gián đoạn để đấu tranh cho công cuộc cải tổ dường như cũng chỉ dài chừng một giây. Vì khi bắt đầu công việc trở lại, Ngài cảm thấy không khác gì dừng lại để lật qua trang mới. Tiếng ồn ào của sông nước, tiếng chim ca hót trong đầu ngài bỗng im bật, mỗi khi Ngài cầm bút viết những sự thật thần linh và ý nghĩa của thụ tạo. Các cơn bệnh cứ hành hạ Ngài đi khi Ngài bắt đầu mô tả kho tàng trong tâm hồn mình, vì lúc đó Ngài đâu còn cảm thấy thân xác nữa. Đây có đúng là người nữ tu đau ốm quanh năm, không thành thạo công việc không? Dường như chính cơn xuất thần đang viết thay cho Ngài. Tình trạng xuất thần như chỉ cho Ngài thấy các từ, các hình ảnh so sánh để diễn tả cái khôn tả, giúp Ngài sành về các thị kiến còn hơn cả các bậc tiến sĩ thông thái nhất của Hội Thánh. Tình trạng đó không phải là một thực tại của thế giới này, nên có bách hại tra tấn cũng không làm hại nó được. Dòng

nước có tuôn đổ, chim có riu rít rối cả lên, cũng không thể phá vỡ nó được. Chính tình trạng xuất thần đó đã đóng vai trò quyết định để hoàn tất tác phẩm trong bốn tuần lễ ngắn ngủi.

Tương truyền rằng một lần kia có một nữ tu bước vào tu phòng Ngài để trao một lá thư. Chị thấy Ngài ngồi yên trước một trang giấy còn trống. Têrêxa không chú ý rằng đã có người vào, còn chị kia thấy Ngài đang ở trong tình trạng ngây ngất. Khi Têrêxa bừng tỉnh thì trang giấy đã đầy những hàng chữ của một nét chữ rất sinh động. Trong một lá thư gửi cho em Lorenzo, Têrêxa mô tả lúc xuất thần với một giọng văn rất cảm kích: “Chị đã trải qua những ngày ấy như một chàng trai say rượu”.

Ngày 29.11.1577 tác phẩm hoàn tất. Têrêxa viết trong phần kết: “Như con đã thưa với cha, dù con cảm thấy miễn cưỡng khi bắt đầu tác phẩm này, nhưng nay con thấy nó hoàn tất con lại sung sướng vì đã viết xong. Con nghĩ rằng những xáo trộn của con thật bỏ công, dù phải thành thực thú nhận rằng con chẳng bị xáo trộn bao nhiêu. Nếu có điều nào trong cuốn này đụng đúng vấn đề, cha phải hiểu rằng đó không phải là do con, và không có lý do gì để gán cho con điều đó. Vì với trình độ hiểu biết và khả năng nghèo nàn của con, con không thể viết được một thứ gì giống như vậy nếu Chúa không thương tình giúp đỡ”.

Đây cũng là một tác phẩm của một người mẹ suốt đời chỉ quan tâm làm sao cho con cái mình thấy được đường dẫn tới Chúa. Vì thế Têrêxa nói: “(Tác phẩm này) chỉ dành cho các chị em của tôi. Thật là dại khi nghĩ rằng có người khác tìm được lợi ích nơi tác phẩm này”. Thế nhưng vừa khi được Luis de Leon, một trong các đại thi hào Tây Ban Nha thời phục hưng, xuất bản theo lệnh đức Vua, tác phẩm ấy đã nổi tiếng như cồn. Rồi chính danh tiếng ấy đã sửa lại nhận định khiêm tốn của mẹ về nó và đưa tác phẩm ấy – vốn chỉ dành cho các nữ tu – vào trong kho tàng văn chương giá trị của nhân loại.

* * *

Hậu thế suy tôn Mẹ - một mẹ bề trên của một tu viện ở Tây Ban Nha đã trở thành mẹ chung cho nhiều người hôm nay. Con cái tinh thần của mẹ càng ngày càng đông. Không kể các nữ tu Cát Minh đi chân đất còn thấy cả các Đức Giáo Hoàng, các nhà thần học, các thi hào và các nhà tư tưởng, như Pascal, Malebranche, Leibnitz và cả Voltaire – một tông đồ nhiệt tình của chủ nghĩa hoài nghi. Chân lý trong các giáo huấn của mẹ đã qua bao thế kỷ rồi mà vẫn không bị tư tưởng khoa học làm lung lay. Hôm nay cũng như hôm qua và ngày mai, Têrêxa đúng là bà mẹ cao cả của tất cả những ai muốn vượt lên cái tôi và thế giới phù du này để đi vào con đường hoàn thiện và lên với Thiên Chúa. Mục tiêu ấy có thật, đó là một điều đã được các bậc thầy của nhân loại trước và sau Têrêxa xác nhận: từ các Bramiens trong kinh Upanishads 800 năm trước công nguyên; Sakamani – một bậc thầy thần bí trong phật giáo; thánh Phaolô, các triết gia Tân Platon, các nhà thần bí thời Trung Cổ, các thi sĩ của đạo Suffi ở Ba Tư, các họa sĩ và thi sĩ như El Greco, Milton, Tennyson, William Blake, Francis Thomson.

Thế nhưng cái làm cho bà bề trên tu viện Avila trở thành người mẹ cao cả của tập thể những người thần bí chính là tình mẫu tử của bà. Trong các bút tích của mẹ, ta đọc thấy hình ảnh một người mẹ đang âu yếm dắt tập sinh tới những bí mật sâu xa nhất của Thiên Chúa. Têrêxa không những biết đường mà còn đích thân đi theo đường đó, như người dẫn đường đầy tình mẫu tử bước trước cho con cái đi theo.